TẠP CHÍ Thanhtra
CƠ QUAN CỦA THANH TRA CHÍNH PHỦ
WWW.THANHTRAVIETNAM.VN

Số 03 - 2021
NĂM THỨ 43
ISSN 2354 - 1121

❑ **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:**
TS. Đặng Công Huẩn
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
Chủ tịch Hội đồng Biên tập
Bùi Ngọc Lam
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

❑ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP PHỤ TRÁCH:**
Ths. Nguyễn Thị Hoa

❑ **PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:**
Ths. Đỗ Mạnh Hùng
Trần Đắc Xuyên

❑ **TOÀ SOẠN:**
ĐC: 220 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
Tạp chí điện tử: ThanhtraVietNam.vn
Đường dây nóng: 091.863.5289

- **Phòng Trị sự:**
ĐT: 080.49063 / Fax: 080.49065
E-mail: phongtrisu.TCTT@gmail.com
Kế toán, tài vụ - ĐT: 080.49069
- **Phòng Phóng viên & Biên tập:**
ĐT: 080.49073
E-mail: tapchithanhtrabbt@gmail.com
- **Phòng Truyền thông và Phát hành:**
ĐT: 080.49082 / 080.49070
Email: phongtruyenthongtctt@gmail.com
- **Văn phòng Đại diện khu vực phía Nam:**
ĐC: Số 35 Hồ Học Lãm, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 080.83224 / Fax: 080.84622
Email: tapchithanhtra496@gmail.com

❑ **GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ:**
407/GP-BTTTT, ngày 8/8/2016

❑ **BÌA 1:** Nữ viên chức Tạp chí Thanh tra hưởng ứng Tuần lễ Áo dài 2021 do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động

❑ **ẢNH BÌA 1:** PV

❑ **THIẾT KẾ:** Nguyễn Tạo

❑ **IN TẠI:** Công ty TNHH In và Quảng cáo Tân Thành Phát

❑ **NỘP LƯU CHIỂU:** Tháng 03/2021

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước

Giá: 30.000 đồng

MỤC LỤC

❑ CHÍNH LUẬN

3 **Ths. Ngô Hảo Nhi - Ths. Nguyễn Thị Thanh Nhàn:** Phát huy triệt để chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay

7 **Đào Minh Tuấn - Nguyễn Thị Thúy Hằng:** Để thúc đẩy bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam

❑ NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

10 **PGS.TS Đinh Xuân Thảo - TS Nguyễn Thị Dung:** Tiếp tục cải cách tư pháp từ phương diện lập pháp

14 **Ths. Phạm Thị Thu Hiền:** Phương hướng đổi mới công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ

17 **TS. Tăng Thị Thiệm:** Một số giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán trong các đơn vị kế toán Nhà nước

21 **Hồ Thị Thu An:** Kết quả thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021" trong năm 2020

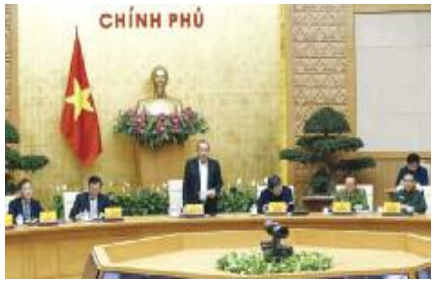

24 **TS. Tạ Thu Thủy:** Vai trò giám sát của thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức

28 **Thanh tra thành phố Cần Thơ:** Một số vấn đề về xử lý đơn tố cáo nặc danh, mạo danh tại thành phố Cần Thơ

31 **Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệm:** Hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

35 **Minh Nguyệt:** Kinh nghiệm rút ra qua giải quyết vụ việc KNTC phức tạp, kéo dài

37 **Dương Văn Quý:** Góp ý hoàn thiện Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)

40 **Thượng tá, Ths. Vũ Hồng Thanh:** Những vấn đề cần đặt ra trong công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

43 **TS. Vũ Trung Kiên:** Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong xây dựng Nhà nước hiện nay

❑ VĂN HÓA - XÃ HỘI

45 **Trần Văn Thiên:** Ở đâu có Mẹ, ở đó có quê hương

46 *Truyện ngắn của* **Ngô Nữ Thùy Linh:** Giữ màu xanh

❑ TÌM HIỂU & GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

49 **K. Dung:** Chính sách mới về tinh giản biên chế theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ

51 **Đỗ Quyên:** Văn bản mới ban hành

❑ KINH NGHIỆM NƯỚC NGOÀI

53 **Dương Nguyễn:** Trao quyền cho phụ nữ và cuộc chiến chống tham nhũng tại Uganda

Phát huy triệt để chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay

Ths. Ngô Hảo Nhi
Khoa Lịch sử Đảng và Tư tưởng HCM - Học viện Chính trị khu vực I
Ths. Nguyễn Thị Thanh Nhàn
Khoa Lý luận Chính trị - Đại học Phòng cháy Chữa cháy

Bác Hồ thăm nông dân gặt lúa trên cánh đồng xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. *Ảnh: Tư liệu*

Đại đoàn kết dân tộc là một truyền thống cực kì quý báu, được hun đúc qua hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước, giữ nước và trở thành một giá trị và động lực to lớn, một triết lý nhân sinh và hành động để dân tộc ta vượt qua bao biến cố, thăng trầm của thiên tai, địch họa, để tồn tại và phát triển bền vững. Thực tiễn cách mạng Việt Nam, từ khi Đảng ta ra đời đến nay đã chứng minh một cách đanh thép sức sống mãnh liệt và sức mạnh vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; đòi hỏi phải tiếp tục phát huy triệt để chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

Thứ nhất, đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng

Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3/3/1951, Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng tuyên bố trước toàn thể dân tộc: "*Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*"(1). Đại đoàn kết dân tộc chính là đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng Nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình, cũng như khẳng định dân là gốc, nên Hồ Chí Minh xác định đại đoàn kết dân tộc để tạo ra sức mạnh là vấn đề cơ bản của cách mạng. Đại đoàn kết dân tộc chính là nhiệm vụ của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn, biến những đòi hỏi khách quan, tự phát của Nhân dân thành sức mạnh vô địch trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Do vậy, theo Người: "Đại đoàn kết dân tộc không chỉ là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của Đảng mà còn là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cả dân tộc".

Thứ hai, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề mang tính chiến lược sống còn, bảo đảm thành công của cách mạng.

Hồ Chí Minh chỉ rõ: "*Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*"(2). Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta cho thấy: Thời kỳ nào mà Nhân dân ta đoàn kết "trên dưới một lòng" thì hưng thịnh, còn ở thời kỳ nào mà lòng dân ly tán, chia rẽ và loạn ly thì cũng là lúc thù trong, giặc ngoài xâm lấn, dân tộc có nguy cơ mất nước. Hồ Chí Minh thấy rằng, cuộc đấu tranh cứu nước của dân tộc ta cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX bị thất bại có một nguyên nhân cội nguồn là cả nước đã không đoàn kết được thành một khối thống nhất.

Theo Người, muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới; muốn có lực lượng cách mạng mạnh phải thực hiện đại đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng cách mạng thành một khối vững chắc. Người nói: *"Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"*(3) và theo Người: *"Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân"*(4).

Ở mỗi thời kỳ cách mạng, chính sách và phương pháp tập hợp lực lượng cần phải điều chỉnh để phù hợp với các nhóm đối tượng, song đoàn kết và đại đoàn kết dân tộc luôn được Người xác định là chiến lược sống còn, là yêu cầu khách quan của cách mạng, là chân lý của thời đại. Người dạy rằng, "*dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh*"(5). Đó chính là con đường đưa dân ta tới độc lập, tự do. Một dân tộc dù nhỏ về diện tích và dân số không đông, nhưng nếu biết đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của một Đảng cách mạng chân chính thì nhất định sẽ đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược. Vì sao thực dân Pháp có ưu thế về vật chất và phương tiện chiến tranh hiện đại lại phải thua một Việt Nam nghèo nàn, lạc hậu trong cuộc chiến xâm lược? Đó là vì đồng bào ta đã phát huy được khối đại đoàn kết như Hồ Chí Minh khẳng định: "Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng: Quyết không làm nô lệ. Chỉ có một chí: Quyết không chịu mất nước. Chỉ có một mục đích: Quyết kháng chiến để tranh thủ thống nhất và độc lập cho Tổ quốc".

Nhờ đoàn kết tạo nên sức mạnh, là nhân tố then chốt bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng. Hồ Chí Minh khẳng định: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công". Đoàn kết đầu tiên là đoàn kết trong Đảng, về thứ hai là đoàn kết toàn dân tộc và về thứ ba là đoàn kết quốc tế. Có như vậy mới có sức mạnh để thành công, thành công, đại thành công. Người khẳng định đại đoàn kết toàn dân tộc là vấn đề sống còn quyết định sự thành công của cách mạng, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và nhất quán trong đường lối cách mạng của Đảng ta ở mọi thời kỳ cách mạng.

Thứ ba, đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân.

Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 Người viết: "Hỡi đồng bào toàn quốc! Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào, chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc…". "Dân" theo tư tưởng Hồ Chí Minh, là chỉ mọi con dân đất Việt, con rồng cháu tiên, không phân biệt dân tộc đa số, người tín ngưỡng với người không tín ngưỡng, không phân biệt già trẻ, gái, trai, giàu, nghèo. Trong khi vấn đề đại đoàn kết dân tộc lại là phải tập hợp mọi người dân vào một khối trong cuộc đấu tranh chung. Hồ Chí Minh căn dặn chúng ta: Muốn thực hiện được đại đoàn kết toàn dân phải kế thừa truyền thống yêu nước, nhân nghĩa của tổ tiên, phải có lòng khoan dung, đại độ với con người. Nhiều lần Người đã nói rõ: "Đoàn kết là một chính sách dân tộc, không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phụng sự Nhân dân thì ta đoàn kết với họ"(6). Người còn nhấn mạnh: Đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, đồng thời phải củng cố. Nền có vững, nhà mới chắc chắn, gốc có tốt thì cây mới tốt tươi. Trong chính sách đoàn kết

phải chống hai khuynh hướng sai lầm: Cô độc, hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc.

Thứ tư, đại đoàn kết dân tộc phải biến thành sức mạnh vật chất có tổ chức là Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Theo Người, đại đoàn kết dân tộc không chỉ dừng lại ở quan niệm, ở tư tưởng, ở những lời kêu gọi chung chung, mà phải trở thành đường lối chiến lược cách mạng, thành khẩu hiệu hành động của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Nó phải trở thành sức mạnh vật chất, một lực lượng mạnh có tổ chức. Tổ chức đó chính là Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Mặt trận Dân tộc thống nhất phải được xây dựng theo những nguyên tắc: Trên nền tảng liên minh công, nông và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người cho rằng: Liên minh công nông - lao động trí óc làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân, nền tảng được củng cố vững chắc thì khối đại đoàn kết dân tộc càng được mở rộng, không e ngại bất cứ thế lực nào có thể làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương, dân chủ lấy việc thống nhất lợi ích của tầng lớp Nhân dân làm cơ sở để củng cố và không ngừng mở rộng; đoàn kết lâu dài, chặt chẽ, đoàn kết thực sự, chân thành, thân ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Phương châm đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp khác nhau của Hồ Chí Minh là: "Cầu đồng tồn dị", là lấy cái chung, đề cao cái chung, để hạn chế cái riêng, cái khác biệt.

Trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ Nhân dân, nội dung và hình thức tổ chức của Mặt trận có sự thay đổi phù hợp với nhiệm vụ cách mạng tùy từng lúc, từng nơi. Đó là Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong những năm đấu tranh hợp pháp 1936 - 1939, Mặt trận Việt Minh trong cao trào đánh Pháp, đuổi Nhật đưa tới thành công của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Mặt trận Liên Việt trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (ở miền Bắc) và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cùng Liên minh Các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình ở miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, Nhân dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, chấn động địa cầu, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi, giải phóng được một nửa đất nước, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến lớn ở miền Nam ruột thịt.

Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh Các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam, Nhân dân ta đã làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; đưa đất nước ta cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, bước vào thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

Hơn 90 năm thực hiện xuyên suốt và nhất quán chiến lược đại đoàn kết dân tộc, nhất là trong hơn 35 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã luôn vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng, kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Trong tiến trình lịch sử đó, trên tinh thần "nước lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động, nguyên tắc hiệp thương dân chủ được coi là "chìa khóa vạn năng" để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh toàn dân tộc làm nên những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng "đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thực tế, các cuộc vận động xã hội, các phong trào thi đua yêu nước sâu rộng do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động và triển khai thực hiện ngày càng đi vào cuộc sống, được các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng. Trong đó, đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, lá lành đùm lá rách, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống các tệ nạn xã hội cùng với cuộc vận động xã hội, các phong trào *"Đền ơn đáp nghĩa", "Ngày vì người nghèo", "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", đặc biệt* Lời kêu gọi *"Toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19"* của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng sau những ngày phát động. Để vượt qua và chiến thắng đại dịch COVID-19, chỉ có thể đoàn kết đồng lòng, đồng thuận mới có thể biến nguy thành cơ. Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chúng ta phải lấy đoàn kết mà xoay vần vận mệnh, giữ gìn dân tộc và bảo vệ nước nhà" không chỉ có tác dụng thiết thực, tạo nên sự gắn kết cộng đồng mà còn góp phần làm cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc thấm sâu vào các tầng lớp Nhân dân, tạo động lực thúc đẩy phát triển đất nước nhanh và bền vững, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, gồm Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Nhân dân; trong đó, động lực chủ yếu để xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa

công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội. Để khối đại đoàn kết dân tộc được bền chặt, đạt được sự đồng thuận xã hội, đòi hỏi mọi thành viên trong đó phải tôn trọng và hành động theo những nguyên tắc và ý chí chung và mỗi quyết định được thông qua phải là "mẫu số chung", phản ánh, thể hiện nguyện vọng, lợi ích của toàn xã hội.

Vì thế, để "phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của Nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" làm điểm tương đồng; tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia - dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước, tạo sinh lực mới của khối đại đoàn kết toàn dân tộc"[7], cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, các cấp ủy cần tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*" và chuyên đề năm 2020 về "*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*". Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức; trong đó, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đó là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Nhân dân trong tham gia xây dựng và hoàn thiện một số chính sách để củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, Mặt trận phải đoàn kết rộng rãi, chân thành mọi thành viên trong xã hội, không phân biệt quá khứ, thành phần giai cấp, dân tộc, tôn giáo, ở trong nước hay ở nước ngoài trên cơ sở mục tiêu chung là giữ vững độc lập, thống nhất chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Mặt trận phải đa dạng hóa các hình thức tập hợp, động viên các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, hiệp lực trong thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Ba là, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát huy vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân gắn với thực hiện tốt trách nhiệm của công dân, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham ô, tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về "*Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*", góp phần xây dựng Đảng và chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

*Bốn l*à, đẩy mạnh thực hiện các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, tổ chức động viên Nhân dân tham gia các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hoá - xã hội; trong đó, mỗi người, mỗi gia đình cố gắng phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng. Bên cạnh đó, tăng cường công tác đối ngoại Nhân dân, tích cực vận động, thu hút kiều bào hướng về Tổ quốc, góp sức xây dựng quê hương, đất nước; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng nước sở tại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của kiều bào, đồng thời, khen thưởng, động viên kịp thời những cá nhân có thành tích tiêu biểu.

Năm là, nắm bắt kịp thời để phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân và nỗ lực chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp Nhân dân. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, tôn giáo; bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội; kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích của tập thể và toàn xã hội. Cùng với việc giải quyết đúng đắn và hợp lý các quan hệ lợi ích, cần đẩy mạnh và không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực tự cường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc, coi đó là những yếu tố quan trọng để không chỉ phòng và chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch mà còn góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ./.

Tài liệu tham khảo

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H. 2000, t.6, tr.183.

[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2011, tập 15, tr. 611.

[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H.1995, tập 3, tr.232.

[4] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H. 2000, tập 8, tr.276.

[5] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2000, tập 5, tr.879.

[6] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG, H.2000, t.7, tr.438.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 158-159.

Để thúc đẩy bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam

Ths. Đào Minh Tuấn

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng

Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

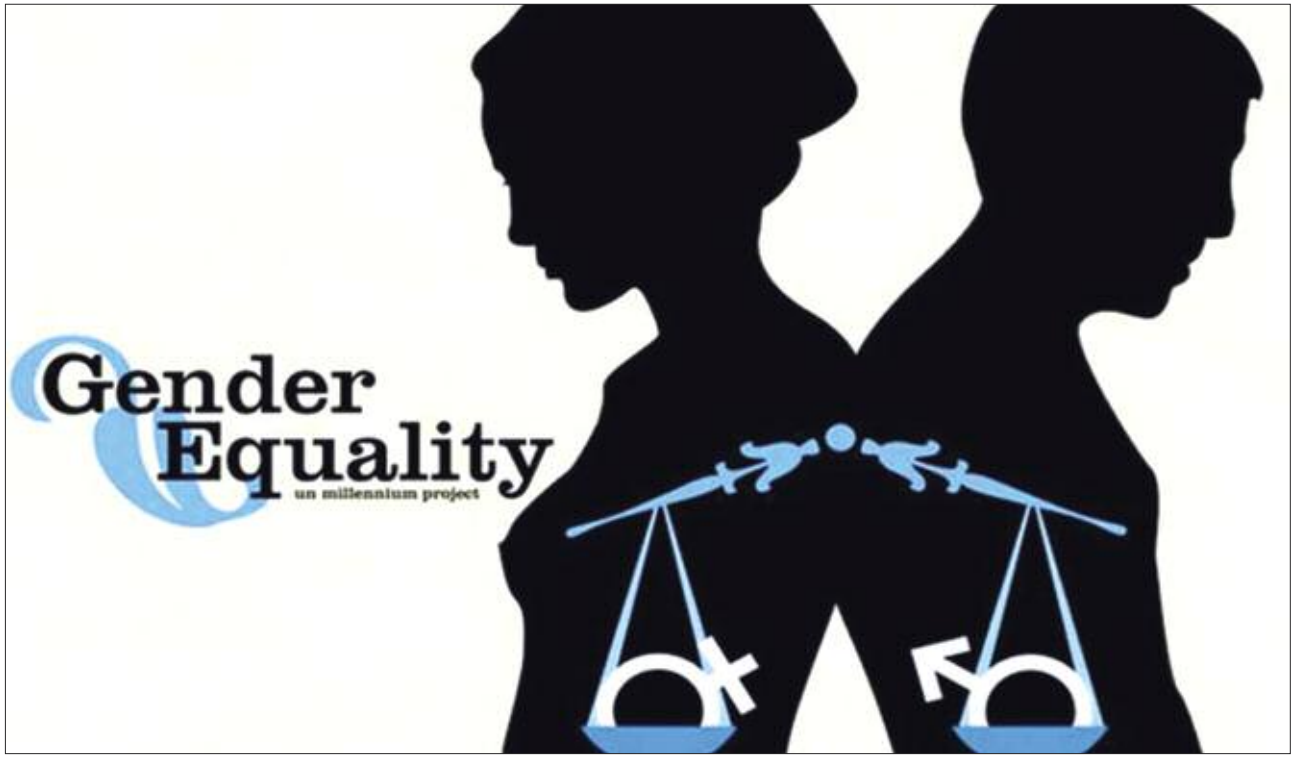

Ảnh minh họa. Nguồn: Internet

Bình đẳng giới là một trong những quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật và trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Khoản 3, Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định: "Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó". [1]

Trong lĩnh vực chính trị, bình đẳng giới được quy định cụ thể tại Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006. Theo đó, nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lý Nhà nước, hoạt động xã hội; xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng hoặc quy định, quy chế của cơ quan, tổ chức; trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng

cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân (HĐND); tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý, lãnh đạo của cơ quan, tổ chức. (2)

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị bao gồm: Bảo đảm tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; bảo đảm tỷ lệ nữ trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan Nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. (3) Như vậy, bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị tập trung chủ yếu vào hai biện pháp để gia tăng số lượng phụ nữ trong các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đó là bầu cử và bổ nhiệm.

Thực tiễn về bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua. Điểm nổi bật trong việc bảo đảm quyền lợi về giới ở Việt Nam là việc hoàn thiện khung luật pháp, chính sách về bình đẳng giới. Mục tiêu bình đẳng giới đã được ghi nhận ngay từ Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946. Trong các lần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp sau đó, việc bảo đảm bình đẳng giới đều được quy định rõ ràng. Gần đây nhất, Hiến pháp năm 2013 quy định "công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới" và "nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới" (4).

Năm 2006, Luật Bình đẳng giới được ban hành và áp dụng trong thực tiễn từ 01/7/2007 đã hiện thực hóa việc xóa bỏ phân biệt đối xử về giới tại Việt Nam.

Ngày 24/12/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 với 07 mục tiêu và 22 chỉ tiêu cụ thể trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động - việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, gia đình và nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về bình đẳng giới. Chiến lược này là công cụ quan trọng đưa Luật Bình đẳng giới năm 2006 vào cuộc sống và thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện Công ước quốc tế xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ, Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995.

Cụ thể hóa nội dung Luật Bình đẳng giới năm 2006 trong chế độ công vụ, công chức, Luật Cán bộ, công chức năm 2008 đã quy định "thực hiện bình đẳng giới" là một nguyên tắc trong quản lý cán bộ, công chức; đã có những quy định bảo đảm sự bình đẳng trong cơ hội gia nhập nền công vụ, bình đẳng trong cơ hội về đào tạo, bồi dưỡng, thăng tiến và phát triển chức nghiệp đối với nữ cán bộ, công chức.

Ngày 31/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020. Đề án đã đưa ra các nhóm giải pháp nhằm giảm sự chênh lệch về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực giữa nữ cán bộ, công chức, viên chức với nam cán bộ, công chức, viên chức trong quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng tại cơ quan, tổ chức Nhà nước. Khung thể chế, chính sách về bình đẳng giới đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao vai trò, vị trí của nữ cán bộ, công chức trong các hoạt động công vụ ở Việt Nam. Tỷ lệ nữ trong các cơ quan công quyền ngày càng tăng lên, cơ hội thăng tiến, phát triển trên con đường chức nghiệp của nữ cán bộ, công chức đã rộng mở hơn so với giai đoạn trước.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy không ít khó khăn ảnh hưởng đến quá trình thực hiện bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay.

Một là, những hạn chế trong thể chế về bình đẳng giới như: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giới, lồng ghép giới và các văn bản liên quan vẫn còn chung chung, chưa có các tiêu chí cụ thể để xác định vấn đề giới, lồng ghép giới; các quy định về bình đẳng giới thường mang tính định hướng, khuyến khích nhiều hơn là những ràng buộc, những quy định bắt buộc phải thực hiện; quy định về bình đẳng giới trong Luật Cán bộ, công chức năm 2008 vẫn thiên về định tính, thiếu định lượng. Ngoài ra, quy định về bình đẳng giới chưa phân biệt biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới với chính sách bảo vệ và hỗ trợ người mẹ.

Hai là, hạn chế trong việc thực thi chính sách, pháp luật về vấn đề giới trong quản lý cán bộ, công chức như: Sự thiếu vắng các công cụ đảm bảo chính sách, pháp luật về giới trong đời sống chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến cơ hội tham chính của phụ nữ trong hệ thống chính trị các cấp hiện nay; chưa có sự đồng bộ, thống nhất về quyết tâm chính trị của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương với nhận thức của cộng đồng về tăng cường tham gia lãnh đạo, quản lý của phụ nữ, nhất là đối với lãnh đạo cấp chiến lược; các quy định về nội dung mang tính bình đẳng, nhưng khi thực hiện có sự khác biệt về kết quả giữa nam và nữ; tồn tại khoảng trống giữa quy định với thực thi chính sách quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ nữ.

Xuất phát từ thực tiễn nói trên, tác giả đưa ra một số giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý ở Việt Nam hiện nay như sau:

- *Cần hoàn thiện chính sách, pháp luật về vấn đề giới trong lãnh đạo, quản lý cán bộ, công chức.*

Thứ nhất, các cơ quan Đảng và Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật từ góc độ giới. Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tư pháp cần tiếp tục rà soát chính sách của Đảng và pháp luật có liên quan đến độ tuổi quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm để thống kê tất cả các quy định khác nhau về độ tuổi giữa nam và nữ đang tồn tại trong các văn bản hiện nay, gồm nội dung quy định, cơ quan ban hành, năm ban hành, hiệu lực thi hành, đối tượng thực hiện...

Thứ hai, cần quy định rõ về bình đẳng giới trong nền công vụ. Đó là sự bình đẳng về cơ hội, bình đẳng trong đánh giá, trong đóng góp và thụ hưởng những đóng góp trong hoạt động công vụ. Việc bảo đảm bình đẳng không chỉ đơn thuần về cơ hội hay trong tiếp cận, mà yêu cầu phải bình đẳng thực sự về kết quả. Bên cạnh đó, cũng cần tính đến sự khác biệt giữa nam và nữ về mặt sinh học (giới tính) và xã hội - văn hóa (giới). Trong những hoàn cảnh nhất định, cần đưa ra cách đối xử không giống nhau giữa nam và nữ nhằm giải quyết sự khác biệt và đạt được bình đẳng thực chất, đồng thời làm rõ sự cần thiết phải tạo môi trường thuận lợi để phụ nữ có thể thực thi và thụ hưởng các quyền của mình.

Thứ ba, tăng cường tiếng nói, sự tham gia của nữ cán bộ cấp chiến lược trong việc tạo lập thể chế, chính sách về công vụ nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong pháp luật thực định và trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

Thứ tư, nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tác động, báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật về khía cạnh bình đẳng giới, lồng ghép giới. Kiên quyết không thẩm định, thẩm tra và thông qua nếu không có báo cáo đánh giá hoặc làm hình thức, sơ sài vấn đề lồng ghép bình đẳng giới.

Thứ năm, xây dựng và triển khai thực hiện bộ công cụ đánh giá lồng ghép giới trong văn bản quy phạm pháp luật. Bộ công cụ này đánh giá mức độ quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới, bảo đảm các quy định có tính đến những đặc điểm xã hội của nam giới và nữ giới, sự phát triển về vị trí, vai trò của nam giới và nữ giới trong các hoạt động công vụ.

- Tăng cường thực thi chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý cán bộ, công chức.

Thứ nhất, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, xóa bỏ định kiến giới để tạo nhận thức đúng của cán bộ, công chức và cộng đồng xã hội về bình đẳng giới trong công vụ. Đổi mới và nâng cao hiệu quả chiến lược truyền thông về thực thi quyền tham chính của phụ nữ. Trong đó, cần thay đổi các hình ảnh truyền thống bằng hình ảnh phụ nữ tự tin, bản lĩnh, phụ nữ thành đạt trong khoa học, chính trị và có thể chinh phục những vị trí cao trong xã hội và tạo ra những thành quả trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Một nội dung trọng tâm trong công tác tuyên truyền là thúc đẩy hành động của cấp ủy và các biện pháp hành động. Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; hàng năm đánh giá việc thực hiện công tác phụ nữ nói chung và công tác cán bộ nữ nói riêng.

Thứ hai, các cơ quan, ban, ngành, địa phương cần chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ làm công tác lãnh đạo, quản lý. Lãnh đạo các cấp cần có giải pháp thực hiện quy hoạch, đề bạt theo một chu trình tổng thể 10 năm hoặc 15 năm. Công tác quy hoạch, đề bạt cần phải công khai, minh bạch, dân chủ để tạo điều kiện cho cán bộ nữ có định hướng phấn đấu. Ngoài ra, công tác tạo nguồn cán bộ nữ cũng cần được quan tâm nhằm đảm bảo không thiếu hụt cán bộ nữ khi được quy hoạch ở chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Thứ ba, cần có cơ chế đảm bảo phụ nữ là chủ thể của quyền chính trị chứ không phải là khách thể của quyền. Chủ thể của quyền là người phụ nữ phải biết mình có quyền và tự đòi hỏi lấy quyền đó, sử dụng các quyền có được để thực hiện mục đích của họ.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ pháp luật về bình đẳng giới trong lãnh đạo, quản lý cán bộ, công chức.

Giám sát về thực hiện pháp luật bình đẳng giới cần được đưa vào chương trình giám sát của Quốc hội và HĐND các cấp. Các cơ quan Nhà nước cần tổ chức các hoạt động kiểm tra thực hiện pháp luật về bình đẳng giới, đồng thời cần xây dựng quy chế khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện tốt chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, cũng như xử lý kịp thời những cá nhân, tổ chức có biểu hiện định kiến giới đối với phụ nữ trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và bổ nhiệm để góp phần tăng cường bình đẳng giới trong nền công vụ.

Có thể nói, những chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã tạo ra một bước chuyển biến mới cả về lượng và chất trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ nước ta, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực thi quyền bình đẳng nam nữ trên thực tế. Để đạt được bình đẳng thực chất, cần tăng cường giáo dục, tuyên truyền hơn nữa nhằm nâng cao trình độ nhận thức của người dân trong việc nhìn nhận vai trò, vị trí của phụ nữ; sự cam kết và đầu tư mạnh mẽ của Chính phủ, sự tham gia của các cấp, ngành, đoàn thể và mỗi cá nhân trong việc nâng cao vị thế, vai trò người phụ nữ, thực hiện bình đẳng giới, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị./.

Chú thích:

(1), (2), (3) Khoản 3 Điều 5, Điều 11, khoản 5 Điều 11 Luật Bình đẳng giới năm 2006;

(4) Khoản 1 và khoản 3 Điều 26 Hiến pháp năm 2013.

Tiếp tục cải cách tư pháp từ phương diện lập pháp

PGS.TS. Đinh Xuân Thảo
Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu lập pháp
TS. Nguyễn Thị Dung
Viện Nghiên cứu lập pháp

Người dân được hỗ trợ giải quyết hồ sơ tại một văn phòng công chứng

Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (sau đây gọi là Nghị quyết số 49-NQ/TW), trong đó xác định mục tiêu chiến lược là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN); hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Theo đó, Chiến lược cải cách tư pháp được triển khai theo 4 định hướng cơ bản: (i) Hoàn thiện thể chế hình sự, dân sự, thủ tục tư pháp; (ii) Cải cách tổ chức các cơ quan tư pháp và các thiết chế bổ trợ tư pháp mà trung tâm là Tòa án và khâu đột phá là tăng cường tranh tụng dân chủ; (iii) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp; (iv) Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Nhân dân đối với hoạt động tư pháp[1].

Qua 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, nhận thức của cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hoạt động tư pháp và cải cách tư pháp được nâng lên rõ rệt. Về phương diện lập pháp, công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động tư pháp có nhiều tiến bộ. Nổi bật trong quá trình soạn thảo, ban hành các luật, pháp lệnh và các văn

bản dưới luật, các nguyên tắc về hạn chế quyền con người, quyền công dân đã được quán triệt đầy đủ để bảo đảm việc hạn chế quyền chỉ trong các trường hợp đã được Hiến pháp quy định và chỉ bằng luật. Các cơ chế bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân cũng được quy định cụ thể trong các đạo luật thông qua việc trực tiếp quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước, trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân khác có liên quan; quy định việc tăng cường trách nhiệm, bảo đảm sự đúng đắn, nghiêm minh công bằng trong các hoạt động của cơ quan Nhà nước thông qua việc xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của mọi chủ thể; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi vi phạm để xảy ra thiệt hại cho công dân; có cơ chế bảo đảm quyền khiếu nại, khởi kiện, tố cáo nhằm bảo vệ các quyền con người nói chung. Nhiều đạo luật quy định khá cụ thể, toàn diện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân, nhất là các đạo luật có nhiệm vụ cụ thể hóa trực tiếp các quyền mà Hiến pháp giao, hạn chế tối đa các điều khoản ủy quyền quy định chi tiết thi hành luật[2].

Việc chú trọng kỹ thuật lập pháp trong quá trình xây dựng các đạo luật có nhiệm vụ cụ thể hóa các quyền con người cũng như các đạo luật trong các lĩnh vực khác đã góp phần đáng kể trong việc bảo đảm nguyên tắc việc hạn chế quyền chỉ được giới hạn bởi các quy định của luật, chú trọng trách nhiệm của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp. Nhiều đạo luật khi được ban hành đã được dư luận xã hội đánh giá cao.

Từ tháng 6/2005 đến nay đã có 53 luật, 19 pháp lệnh liên quan đến lĩnh vực tư pháp được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành để cụ thể hóa mục tiêu, các định hướng cải cách tư pháp, quán triệt, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực Nhà nước, bảo vệ công lý, quyền con người trong Hiến pháp năm 2013; hệ thống pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp và tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo đúng định hướng của Đảng về cải cách tư pháp. Cụ thể: Pháp luật về tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân cùng các đạo luật về tố tụng[3] đã kịp thời thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 về tòa án, viện kiểm sát nhân dân[4] và các quan điểm về cải cách tư pháp. Pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp đã được hoàn thiện theo các mục tiêu, định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề ra, như tăng tính hướng thiện, nhân đạo trong chính sách hình sự. Luật Tố tụng hành chính năm 2010 được xây dựng theo hướng mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính, bảo đảm sự bình đẳng giữa người dân và cơ quan công quyền trước tòa án. Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) và Luật Thi hành án hình sự năm 2010 đều hướng tới bảo đảm các bản án, quyết định của tòa án được thi hành nghiêm minh theo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục minh bạch, dân chủ, công khai, phù hợp với tính chất của từng loại án, quy định rõ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án, thể chế hóa những chủ trương mới trong thi hành án, như thay đổi hình thức thi hành án tử hình, xã hội hóa một số khâu thi hành án dân sự. Pháp luật tố tụng tư pháp cũng được đổi mới theo hướng kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng nhằm tăng tính dân chủ, minh bạch trong hoạt động tư pháp, tạo điều kiện để cá nhân, tổ chức tiếp cận công lý thuận lợi hơn.

Bên cạnh đó, pháp luật về tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp từng bước được kiện toàn theo hướng xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức được giao thực hiện các hoạt động tư pháp; tăng thẩm quyền xét xử của toà án nhân dân cấp huyện; mở rộng thẩm quyền xét xử của toà án đối với các khiếu kiện hành chính; chất lượng hoạt động tư pháp đã được nâng lên, đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng[5] ...

Những kết quả nêu trên đã góp phần xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc theo mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua, việc thực hiện một số nhiệm vụ cải cách tư pháp từ phương diện lập pháp vẫn chưa theo đúng lộ trình của Chiến lược cải cách tư pháp. Trong đó, quá trình thể chế hóa một số chủ trương, định hướng nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW còn lúng túng; còn có một số quy phạm pháp luật chưa rõ hoặc chưa phù hợp với thực tiễn, chưa được các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương giải thích, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời. Một số chủ trương nêu trong Nghị quyết liên quan đến hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự còn chưa được thể chế hóa[6]. Nhận thức và áp dụng pháp luật của các ngành, các địa phương thiếu thống nhất, ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Hơn nữa, thực tế cho thấy tình hình vi phạm, tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện ngày càng nhiều các loại tội phạm mới, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia; các yếu tố an ninh phi truyền thống và các tranh

chấp quốc tế ngày càng phức tạp; khả năng tự bảo vệ của Việt Nam trong các tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế còn chưa đáp ứng được yêu cầu. Thực tế này đã và đang đặt ra nhu cầu tiếp tục thực hiện tốt cải cách tư pháp, tăng cường đổi mới cải cách tư pháp ở nhiều phương diện trong tình hình mới, trong đó phương diện lập pháp có tầm quan trọng đặc biệt.

Giai đoạn hiện nay là thời kỳ tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, quy định của Hiến pháp năm 2013 và kết quả tổng kết thực tiễn 15 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW; kết quả tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Đảng, nhóm tác giả đưa ra một số kiến nghị việc tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp từ phương diện lập pháp như sau:

1. Kiến nghị sửa đổi Hiến pháp năm 2013:

Hiến pháp năm 2013 đã đi vào cuộc sống gần 10 năm nên cần chuẩn bị cho việc tổng kết 10 năm thi hành Hiến pháp. Trên cơ sở kết quả tổng kết sẽ kiến nghị việc sửa đổi Hiến pháp năm 2013 cho phù hợp tình hình mới, trong đó đặc biệt quan tâm chế định quyền con người, quyền công dân và chế định về các thiết chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân - đó là các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung, cơ quan tư pháp nói riêng và thiết chế hiến định độc lập về bảo vệ Hiến pháp. Trước khi sửa đổi Hiến pháp năm 2013, cần tập trung:

- Tiếp tục cụ thể hóa quy định tại khoản 2 Điều 119 Hiến pháp năm 2013: *"...Cơ chế bảo vệ Hiến pháp do luật định"*. Nghiên cứu về cơ chế vận hành, thiết chế bảo vệ Hiến pháp và các điều kiện bảo đảm thực hiện trong thực tiễn.

- Hiến pháp năm 2013 đã xác định *"tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân"*. Theo đó, nhiều nội dung quan trọng về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tòa án nhân dân cũng đã được bổ sung, sửa đổi[7] và đã được cụ thể hoá trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Bên cạnh đó, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW đề ra một số nhiệm vụ về việc tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp trong thời gian tới, trong đó có nhiệm vụ *"xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp"*. Những nội dung này cần tiếp tục được thể hiện trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các đạo luật về tố tụng.

- Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về tòa án nhân dân là cơ quan thực hiện quyền tư pháp và viện kiểm sát nhân dân thực hiện kiểm soát quyền lực tư pháp. Theo đó, cần:

+ Thống nhất nhận thức về "quyền tư pháp" trong Nhà nước pháp quyền XHCN. Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của tòa án nhân dân, nhất là toà án nhân dân cấp huyện, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

+ Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan thực hiện hoạt động tư pháp và các chế định bổ trợ tư pháp khoa học, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xác định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án trong việc thực hiện quyền tư pháp; xã hội hóa các hoạt động bổ trợ tư pháp, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia hỗ trợ hoạt động tư pháp.

+ Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các đạo luật về tố tụng tư pháp, tổ chức và hoạt động của tòa án, viện kiểm sát để thể chế hoá đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng trong Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014[8] và quy định của Hiến pháp năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân[9].

+ Nghiên cứu xây dựng cơ chế, tạo điều kiện cho Tòa án nhân dân Tối cao tập trung thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, giám đốc việc xét xử của các tòa án khác, tổng kết thực tiễn xét xử của các tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.

+ Nghiên cứu việc tiếp tục mở rộng phạm vi, tăng thẩm quyền của toà án trong giải quyết các tranh chấp, xử lý vi phạm.

+ Cần có định hướng để nâng cao vị trí, vai trò của tòa án nhân dân nói chung và của thẩm phán nói riêng, trong đó, cần coi thẩm phán là một ngạch công chức đặc biệt, quy định nhiệm kỳ dài hơn, ổn định hơn, tiến đến chế độ bổ nhiệm một lần cho đến khi về hưu. Cần tiếp tục chủ trương nghiên cứu việc thành lập tòa án nhân dân sơ thẩm khu vực nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của các tòa án nhân dân cấp huyện hiện nay.

2. Kiến nghị sửa đổi các luật cụ thể:

- Trong thời gian tới, cần tiếp tục quán triệt, thể chế hóa các chủ trương, định hướng về hoàn thiện chính sách, pháp luật về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp đã nêu trong Nghị quyết số 49-NQ/TW. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định không phù hợp với thực tiễn triển khai công tác phòng, chống vi phạm, tội phạm, giải quyết các tranh chấp dân sự, kinh tế; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự nhằm xử lý triệt để các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả. Tiếp tục

hoàn thiện chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại; mở rộng khả năng áp dụng các chế tài không tước tự do, nhất là với nhóm tội phạm kinh tế.

- Nghiên cứu bổ sung quy định chuyển đổi hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù có thời hạn trong trường hợp người bị kết án không thể chấp hành án để bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa của các hình phạt; bổ sung quy định tội phạm và hình phạt đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế. Tiếp tục xây dựng cơ chế khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống các hành vi vi phạm, tội phạm; bảo vệ, khen thưởng người có công trong đấu tranh phòng, chống vi phạm, tội phạm.

- Tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện các chế định về quyền sở hữu, hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch, thúc đẩy các quan hệ dân sự phát triển lành mạnh.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tố tụng hình sự theo hướng nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những yếu tố khoa học, tiến bộ của mô hình tố tụng tranh tụng; sửa đổi các quy định của mô hình tố tụng thẩm vấn không còn phù hợp; tăng cường tính công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận công lý, bảo vệ quyền của Nhân dân khi tham gia tố tụng; đổi mới căn bản thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Tiến hành tổng kết việc thực hiện chế định hội thẩm nhân dân; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng xác định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của hội thẩm nhân dân, thẩm phán trong hoạt động xét xử. Xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của những người tham gia hoạt động tố tụng hành chính, có chế tài xử lý các tập thể, cá nhân không thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế bảo đảm tính độc lập, liêm chính trong các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và bảo đảm khả năng tiếp cận công lý, bảo vệ quyền của người dân.

* Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII;

2. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013;

3. Chính phủ, Báo cáo số 458/BC-CP ngày 09/10/2019 về sơ kết 05 năm triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013 (2014-2019)

4. Bộ Tư pháp, 9/10/2019, Báo cáo số 01/BC-BTP tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018, ngày 02/01/2018;

5. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp, Báo cáo số 35-BC/CCTP ngày 12/3/2014 về tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW;

6. Ban Chỉ đạo Đề án tổng kết Nghị quyết số 49-NQ/TW, Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW;

7. Báo cáo số 1540/BC-BCS của Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân Tối cao về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW.

Chú thích:

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 110.

(2) Ví dụ các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Luật Tiếp cận thông tin (Điều 33)…

(3) Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật Tố tụng Hành chính.

(4) Như các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mô hình tổ chức, các nguyên tắc hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân…

(5) Theo số liệu thống kê, tính đến cuối năm 2017, đầu năm 2018, chỉ tính riêng số cán bộ cấp địa phương làm việc tại các sở tư pháp trên cả nước đã là 5.324 người, trong đó có 4.905 công chức, viên chức và 419 cán bộ hợp đồng; 3.245 người làm việc tại các phòng tư pháp, trong đó có 2.949 công chức, 296 cán bộ hợp đồng, đạt bình quân 4,5 người/phòng tư pháp; số cán bộ tư pháp - hộ tịch là 18.768 người, trong đó có 17.534 công chức và 1.234 cán bộ hợp đồng.

Về trình độ, tại các sở tư pháp, số cán bộ có trình độ đại học trở lên là 88%, trong đó số cán bộ có trình độ chuyên môn luật chiếm 73%; tại các phòng tư pháp, số cán bộ có trình độ đại học trở lên là 95,1%, trong đó số cán bộ có trình độ chuyên môn luật chiếm 79,9%; đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch có trình độ từ trung cấp luật trở lên là 87,7% (Nguồn: Bộ Tư pháp, Báo cáo số 01/BC-BTP tổng kết công tác tư pháp năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2018, ngày 02/01/2018.)

(6) Như chủ trương giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm; tăng cường khả năng áp dụng chế tài không giam giữ, hạn chế hình phạt tù, hình phạt tử hình.

(7) Gồm: (1) Việc xét xử sơ thẩm của tòa án nhân dân có hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; (2) Thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của thẩm phán, hội thẩm; (3) Tòa án nhân dân xét xử công khai. trong trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật Nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự, tòa án nhân dân có thể xét xử kín; (4) Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn; (5) Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm; (6) Chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm được bảo đảm; (7) Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm; (8) Tòa án nhân dân Tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; (9) Tòa án nhân dân Tối cao thực hiện việc tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; (10) Tòa án nhân dân có trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp.

(8) Trong đó có nhiệm vụ "xây dựng cơ chế kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc thực hiện các hoạt động tư pháp".

(9) Hiến pháp năm 2013 đã xác định "Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân"; "Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp... Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất".

Phương hướng đổi mới công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ

Ths. Phạm Thị Thu Hiền
Phó Viện trưởng Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra

Thanh tra Chính phủ là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; thực hiện hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định pháp luật. Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, thời gian qua, Thanh tra Chính phủ đã chủ động trong việc triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu nhằm đưa ra những luận cứ khoa học xác đáng cho quá trình đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động thanh tra.

Ths. Phạm Thị Thu Hiền (đứng) tại buổi nghiệm thu đề tài của Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra.
Ảnh: L.A

Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ

Kể từ khi tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, đồng nhất với việc thành lập Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Thông tin Thanh tra năm 1992, Thanh tra Chính phủ đã triển khai nghiên cứu 05 đề tài khoa học cấp quốc gia, 124 đề tài khoa học trọng điểm cấp bộ và cấp bộ; 152 đề tài khoa học cấp cơ sở. Mặc dù còn một số hạn chế về nguồn lực, kinh phí nhưng với sự nỗ lực rất lớn của các ban chủ nhiệm đề tài cũng như đội ngũ cán bộ tham gia nghiên cứu và triển khai thực hiện, hầu hết các đề tài đều đảm bảo cả về tiến độ cũng như nội dung các công việc theo kế hoạch đề ra. Các đề tài, công trình nghiên cứu đã tập trung vào những vấn đề cấp thiết đang đặt ra đối với ngành Thanh tra. Cụ thể là:

Nghiên cứu về hoạt động thanh tra: Đã tập trung nghiên cứu khá toàn diện về công tác thanh tra, trong đó tập trung nghiên cứu những vấn đề phục vụ cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của ngành Thanh tra: Vai trò của thanh tra trong xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển; thanh tra hành chính và thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; các nguyên tắc hoạt động thanh tra, quyền trong hoạt động thanh tra; báo cáo kết quả thanh tra, kết luận thanh tra…

Nghiên cứu về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Nghiên cứu về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; giải quyết khiếu nại, tố cáo; bảo vệ, khen thưởng người tố cáo; cơ sở khoa học hoàn thiện hệ thống quy định nghiệp vụ giải quyết khiếu nại; giải quyết khiếu nại trong các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước; vai trò của xã hội trong giải quyết khiếu nại hành chính...

Nghiên cứu về phòng, chống tham nhũng: Đã nghiên cứu làm rõ vai trò của cơ quan thanh tra trong phòng, chống tham nhũng; công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình nhằm phòng, chống tham nhũng; kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; quản lý Nhà nước trong phòng, chống tham nhũng; tổ chức và hoạt động của các cơ quan phòng, chống tham nhũng; giải pháp phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra…

Nghiên cứu về kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ ngành Thanh tra, công tác chỉ đạo, điều hành và các vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động thanh tra: Nghiên cứu về đổi mới công tác tổ chức - cán bộ của ngành Thanh tra; đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của Trường Cán bộ Thanh tra; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức ngành Thanh tra theo yêu cầu của Chiến lược phát triển ngành Thanh tra; xây dựng và hoàn thiện văn hóa thanh tra; tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch thanh tra viên; tuyển dụng và quản lý, sử dụng công chức, viên chức của Thanh tra Chính phủ…

Nhìn chung, nội dung các đề tài khoa học của Thanh tra Chính phủ đã bước đầu tiếp cận khái quát hệ thống tri thức thực tiễn, làm cơ sở để tạo lập hệ thống tri thức khoa học về ngành Thanh tra. Kết quả đạt được trong nghiên cứu khoa học vừa góp phần nâng cao nhận thức về công tác thanh tra, vừa tạo luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định chính sách, xây dựng thể chế và công tác quản lý điều hành của ngành Thanh tra. Kết quả đó thể hiện Thanh tra Chính phủ đã tập trung các nguồn lực để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, hoạt động của mình.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ còn một số hạn chế sau:

Thứ nhất, công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ đôi khi chưa cung cấp kịp thời và đầy đủ cơ sở lý luận cho công tác xây dựng thể chế của Thanh tra Chính phủ và chưa gắn bó chặt chẽ với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thanh tra. Mặc dù nhiều đề tài, công trình nghiên cứu có chất lượng tốt nhưng các tri thức đó chưa được chuyển hoá nhiều thành nội dung đào tạo bồi dưỡng nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ thanh tra.

Thứ hai, các đề tài, công trình nghiên cứu hướng tới những cảnh báo, dự báo chưa được tập trung nhiều. Đặc biệt là nghiên cứu hướng tới cảnh báo, dự báo hoạt động thanh tra trong tương lai, làm cơ sở định hướng cho hoạt động lãnh đạo quản lý của Thanh tra Chính phủ trên cả 3 lĩnh vực là công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

Thứ ba, nội dung nghiên cứu về các chủ thể liên quan đến hoạt động của ngành Thanh tra còn rất ít và cũng chỉ dừng lại ở đề tài cấp cơ sở hoặc chỉ được đề cập rất hạn chế trong nội dung nghiên cứu của một số đề tài cấp bộ, trọng điểm cấp bộ.

Thứ tư, nhiều đề tài, công trình nghiên cứu tập trung vào nghiên cứu lý thuyết, chưa đi sâu vào tổng kết thực tiễn của ngành Thanh tra. Các phương pháp nghiên cứu khoa học được sử dụng chủ yếu là phương pháp nghiên cứu lý thuyết, còn hạn chế trong việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

Thứ năm, do xác định chưa rõ những nội dung nghiên cứu cụ thể trong thuyết minh hoặc do chủ nhiệm đề tài chưa quan tâm đúng mức trong việc xác định tên và đề cương chi tiết, yêu cầu cụ thể đối với các nội dung nghiên cứu của đề tài nên trong quá trình triển khai đề tài có một số nội dung chưa đạt được chất lượng như mong muốn, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng kết quả nghiên cứu đề tài.

Thứ sáu, kinh phí phân bổ cho các đề tài của Thanh tra Chính phủ nói chung thấp hơn khá nhiều so với mức kinh phí trung bình dành cho các đề tài cùng cấp hiện nay nên chưa thực sự lôi cuốn được đông đảo đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có uy tín và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự chậm trễ trong việc triển khai đặt bài viết nghiên cứu.

Yêu cầu cơ bản đối với công tác nghiên cứu khoa học thanh tra

Thứ nhất, thanh tra là hoạt động mang tính quyền lực Nhà nước, nói rộng ra là hoạt động chính trị. Trong điều kiện của Việt Nam, tổ chức, hoạt động của ngành Thanh tra đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam nên công tác nghiên cứu khoa học về thanh tra đòi hỏi phải được đặt trong tổng thể nghiên cứu đổi mới hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, thanh tra là chức năng quan trọng của quản lý Nhà nước nên nghiên cứu khoa học thanh tra không biệt lập với nghiên cứu tổ chức và hoạt động của nền hành chính nói chung. Chức năng thanh tra chủ yếu được thực hiện thông qua việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thanh tra trong trong công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng. Để hoạt động có hiệu quả, ngành Thanh tra cần xây dựng hệ thống lý luận làm cơ sở hoàn thiện thể chế, chính sách để khẳng định vị trí, vai trò của mình và xây dựng hệ thống quy trình, nghiệp vụ thực thi công vụ cũng như xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ của ngành Thanh tra. Vì chức năng thanh tra thuộc quản lý nên hệ thống các cơ quan thanh tra nằm trong hệ thống cơ quan hành chính, do đó, lý luận về tổ chức hoạt động của ngành Thanh tra

không thể thoát khỏi sự liên hệ với tổ chức và hoạt động hành chính nói chung.

Thứ ba, hoạt động thanh tra tác động đối với nhiều chủ thể trong xã hội, ảnh hưởng đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Vì vậy, các chủ thể trong xã hội là những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thanh tra cũng là đối tượng nghiên cứu của khoa học thanh tra.

Thứ tư, khoa học là hệ thống các tri thức được kết tinh qua các giai đoạn lịch sử. Sự hình thành và phát triển của ngành Thanh tra có tính lịch sử, vì vậy, nghiên cứu khoa học thanh tra liên quan chặt chẽ với sự phát triển hệ thống tri thức về công tác của ngành Thanh tra được hình thành qua các giai đoạn phát triển.

Qua 75 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Thanh tra đã xây dựng được hệ thống tri thức khá lớn về công tác thanh tra, bao gồm cả những tri thức mang tính kinh nghiệm và tri thức mang tính khoa học xung quanh các lĩnh vực công tác của ngành cũng như những lĩnh vực khác liên quan. Với những đặc trưng nêu trên đòi hỏi đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học thanh tra phải có kiến thức về lĩnh vực hoạt động của ngành Thanh tra và những lĩnh vực khác có liên quan, có trình độ cao về phương pháp luận khoa học và khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội.

3. Một số giải pháp đổi mới công tác nghiên cứu khoa học của Thanh tra Chính phủ trong thời gian tới

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về công tác nghiên cứu khoa học đối với cán bộ, thanh tra viên. Công tác nghiên cứu khoa học không chỉ là nhiệm vụ của Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra mà là nhiệm vụ chung của các vụ, cục, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, của từng cán bộ, công chức ngành Thanh tra. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng đắn về công tác nghiên cứu khoa học của từng ban chủ nhiệm đề tài, của từng cá nhân tham gia nghiên cứu mới từng bước nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cũng như nâng cao hiệu quả công tác quản lý khoa học.

Thứ hai, phát huy tính tự giác, chủ động trong việc đề xuất các vấn đề cần nghiên cứu của các vụ, cục, đơn vị và cán bộ thuộc Thanh tra Chính phủ bởi vì suy cho cùng các vấn đề cần nghiên cứu đều xuất phát từ thực tiễn công tác thanh tra và phục vụ trực tiếp cho việc đổi mới tổ chức, hoạt động ngành Thanh tra, từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Việc chủ động đề xuất nghiên cứu, triển khai nghiên cứu nghiêm túc, sản phẩm nghiên cứu có chất lượng… là những tiền đề quan trọng cho việc ứng dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác của ngành.

Thứ ba, việc xây dựng chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học dài hạn và ngắn hạn của Thanh tra Chính phủ cần huy động tối đa sự tham gia sâu của các thành viên Hội đồng Khoa học Thanh tra Chính phủ, đại diện lãnh đạo các vụ, cục, đơn vị, đồng thời, phải đảm bảo tính khoa học, gắn kết giữa nghiên cứu lý luận với hoạt động thực tiễn.

Muốn làm tốt được điều này, trước hết cần xác định các yêu cầu đối với chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học; phải xác định được nhu cầu nghiên cứu của ngành Thanh tra nói chung và của Thanh tra Chính phủ nói riêng trong từng giai đoạn, từ đó xác định được nội dung, phạm vi nghiên cứu trọng tâm của từng giai đoạn. Đối với kế hoạch nghiên cứu hàng năm phải bám sát hơn nữa vào nhiệm vụ chính trị của ngành; tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện những vấn đề lý luận và nghiệp vụ của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, xây dựng thể chế của ngành và nâng cao nhận thức cho cán bộ, thanh tra viên. Trong đó, vấn đề trọng tâm, trọng điểm nghiên cứu phải được nhấn mạnh, đặc biệt chương trình nghiên cứu phải hết sức thiết thực, phù hợp với khả năng nghiên cứu của Thanh tra Chính phủ.

Thứ tư, việc phân bổ kinh phí và giao thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu hàng năm phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn nghiên cứu của Thanh tra Chính phủ và phải phù hợp với khả năng nghiên cứu khoa học, chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức đăng ký. Các đề tài khoa học được giao cho các vụ, cục, đơn vị chủ trì nghiên cứu phải có nội dung nghiên cứu bám sát vào hoạt động của ngành Thanh tra, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Thanh tra Chính phủ và phải phù hợp với khả năng nghiên cứu khoa học và chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức đăng ký.

Trong việc phân bổ kinh phí và giao thực hiện các đề tài khoa học, điều quan trọng là phải lựa chọn được tổ chức, cá nhân có uy tín khoa học, có năng lực tổ chức nghiên cứu. Trong quá trình tham mưu cho Hội đồng Khoa học và Tổng Thanh tra Chính phủ về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu và phân bổ kinh phí đề tài cần phải có những tiêu chí nhất định về con người, về tài chính… để đảm bảo chất lượng nghiên cứu được tốt hơn.

Thứ năm, Viện Chiến lược và Khoa học Thanh tra cần tăng cường vai trò hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, trong đó bao gồm cả các quy định về việc thực hiện kinh phí của đề tài. Kịp thời hướng dẫn, tư vấn và có cách thức giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện tài chính của đề tài.

Thứ sáu, có các biện pháp thích hợp và khả thi trong việc tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu. Để việc tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu đạt kết quả tốt hơn,

trong thời gian tới, cần tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, của Hội đồng Khoa học Thanh tra Chính phủ đối với công tác nghiên cứu khoa học nói chung và việc ứng dụng kết quả nghiên cứu nói riêng; đề cao hơn nữa trách nhiệm của lãnh đạo các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ trong việc thực hiện, kiến nghị thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công tác cũng như hoàn thiện thể chế, quy trình nghiệp vụ.

Tiến hành tổng hợp, tóm tắt những kiến nghị xác thực, khả thi của các đề tài, đề xuất lãnh đạo Thanh tra Chính phủ áp dụng trong từng lĩnh vực, từng hoạt động cụ thể, qua đó góp phần thiết thực, hữu ích trong việc đổi mới, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của ngành Thanh tra. Bên cạnh đó, các kết quả nghiên cứu cần được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ, Tạp chí Thanh tra, Trang tin điện tử của Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra.

Mở rộng hơn nữa đối tượng tham gia các hoạt động khoa học, có các hình thức, phương thức sinh hoạt khoa học đa dạng hơn để có thể thu hút đông đảo cán bộ trong và ngoài ngành tham gia vào hoạt động nghiên cứu. Tạo môi trường nâng cao nhận thức cho cán bộ, thanh tra viên, góp phần tìm ra những giải pháp để xây dựng thể chế và đổi mới ngành Thanh tra./.

Một số giải pháp tăng cường hiệu quả hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán trong các đơn vị kế toán Nhà nước

TS. Tăng Thị Thiệm
Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Thanh tra Chính phủ

Trong thời gian qua, hoạt động kiểm tra tài chính kế toán tại đơn vị kế toán Nhà nước[1] đã có những đóng góp quan trọng góp phần thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng hiệu quả. Song song với hoạt động kiểm tra từ bên ngoài do các cơ quan chức năng tiến hành (cơ quan thanh tra, kiểm toán Nhà nước, cơ quan tài chính…), hoạt động tự kiểm tra trong nội bộ đơn vị kế toán Nhà nước cũng rất cần thiết.

Hoạt động tự kiểm tra tài chính trong đơn vị kế toán Nhà nước là việc đơn vị tự xem xét tình hình chấp hành các quy định của pháp luật, việc ban hành và thực hiện quy chế của ngành, cơ quan, đơn vị về quản lý tài chính, tài sản nhằm phòng ngừa và xử lý sai phạm, khắc phục hạn chế yếu kém, góp phần quản lý tài chính, tài sản hiệu quả, tiết kiệm. Hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán còn bao gồm việc đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm

tuân thủ pháp luật về kế toán, sự trung thực, chính xác của thông tin, số liệu kế toán.

Nếu hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán trong nội bộ đơn vị kế toán Nhà nước được coi trọng, sẽ tiết kiệm được chi phí kiểm soát từ bên ngoài (thanh tra, kiểm toán). Hoạt động tự kiểm tra được tiến hành thường xuyên sẽ bổ trợ và khắc phục được những hạn chế của hoạt động kiểm soát từ bên ngoài. Bởi vì hoạt động này được tiến hành ngay trong quá trình của quản lý, được tiến hành thường xuyên, ít tốn kém, sâu sát thực tiễn hơn. Trong khi hoạt động kiểm tra từ bên ngoài thường được tiến hành sau quá trình quản lý, khi phát hiện các sai phạm thì những hành vi đó đã xảy ra từ lâu, đã gây hậu quả trong thời gian dài, việc khắc phục hoặc thu hồi tiền và tài sản rất khó khăn do những đối tượng vi phạm đã kịp tẩu tán tài sản, nhiều người đã chết hoặc bỏ trốn, nghỉ hưu hoặc thuyên chuyển công tác, các cơ chế chính sách đã được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn, việc xem xét các sai phạm tại thời điểm trong quá khứ rất khó khăn và việc đề xuất cơ chế chính sách quản lý Nhà nước không còn ý nghĩa. Đồng thời, hoạt động tự kiểm tra tài chính sẽ khắc phục được khó khăn về việc biên chế dành cho hoạt động kiểm tra từ bên ngoài cần được tinh giản.

1. Các quy định của pháp luật về tự kiểm tra tài chính kế toán

Hoạt động tự kiểm tra tài chính đã được quy định tại nhiều luật và các văn bản pháp quy như:

- Điều 34 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 quy định việc kiểm tra kế toán đối với các đơn vị trực thuộc (các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan cấp trên). Cũng tại Luật Kế toán, Điều 39 quy định về kiểm soát nội bộ[2] và kiểm toán nội bộ, yêu cầu các đơn vị kế toán phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị để bảo đảm tài sản của đơn vị được an toàn, tránh sử dụng sai mục đích, không hiệu quả, đồng thời các nghiệp vụ được phê duyệt đúng thẩm quyền và được ghi chép đầy đủ làm cơ sở cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý.

- Ngày 22/01/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ. Theo đó, thông qua các hoạt động kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các khuyến nghị về các nội dung: Hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đã được thiết lập và vận hành một cách phù hợp nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các rủi ro của đơn vị; các quy trình quản trị và quy trình quản lý rủi ro của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả và có hiệu suất cao; các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác mà đơn vị đạt được. Kiểm toán nội bộ bắt buộc được thành lập tại bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên có tổng quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của số người lao động hiện có (bao gồm: Số biên chế có mặt, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ và lao động hợp đồng chuyên môn khác) trong một năm từ 20 tỷ đồng trở lên hoặc sử dụng từ 200 người lao động trở lên; tại các doanh nghiệp là công ty niêm yết, doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp Nhà nước là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

- Khoản 1 Điều 10 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định về kiểm tra, thanh tra, kiểm soát chi, kiểm toán Nhà nước "kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, bao gồm việc tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức; kiểm tra của cơ quan, tổ chức cấp trên với cơ quan, tổ chức cấp dưới và cá nhân có liên quan".

- Điều 56 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định "người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chủ động tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý mà thường xuyên, trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng; thường xuyên đôn đốc đơn vị trực thuộc kiểm tra người có chức vụ, quyền hạn do mình quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật".

- Ngày 13/8/2004, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế số 67/2004/QĐ-BTC về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các đơn vị kế toán Nhà nước. Theo đó, quy chế quy định yêu cầu, phương pháp, trình tự, nội dung của hoạt động tự kiểm tra, cũng như trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị kế toán và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Điều 23 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp có quy định trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ.

2. Thực trạng việc tuân thủ pháp luật về tự kiểm tra tài chính

Hiện nay, nhiều cơ quan, đơn vị đã thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về tự kiểm tra, đã thành lập tổ chức kiểm toán nội bộ, đặc biệt là ở các doanh nghiệp. Riêng ở một số cơ quan Nhà nước có tổ chức ngành dọc như cơ quan thuế, hải quan, tài chính… đã có hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra chuyên

ngành tài chính được tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Kế toán năm 2015.

Tuy nhiên, việc thành lập kiểm toán nội bộ theo quy định của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ở một số cơ quan không có ngành dọc, ít biên chế, sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước không lớn như Thanh tra Chính phủ, Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp khó khăn. Tuy vậy, hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán cũng đã được tiến hành theo các hình thức lồng ghép với hoạt động thẩm duyệt quyết toán thu chi ngân sách hàng năm.

Thực hiện pháp luật dân chủ tại cơ sở và cơ chế tự chủ tài chính của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, mặc dù ở các đơn vị kế toán Nhà nước chưa thành lập kiểm toán nội bộ, các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế dân chủ tại cơ sở, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, quy chế công khai tài chính, quy chế làm việc và các quy trình, thủ tục kiểm soát nội bộ khác, nhằm hạn chế các sai phạm trong quản lý tài chính, tài sản công, đồng thời tăng cường hoạt động tự kiểm tra, giám sát tại cơ quan, đơn vị. Các quy trình, quy chế nội bộ được tiến hành lấy ý kiến rộng rãi, dân chủ, công khai, minh bạch tại các đơn vị có sự tham gia của tổ chức công đoàn cơ sở, chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản công để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và lao động, thời gian lao động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng. Thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các thủ tục, quy trình, quy chế, nhằm giáo dục tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật quản lý tài chính, tài sản, đồng thời nâng cao ý thức tự kiểm tra, giám sát của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Các thủ tục kiểm soát nội bộ có tác dụng đáng kể trong việc đơn vị tự phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm, áp dụng các biện pháp xử lý các sai phạm theo đúng thẩm quyền đã được phân cấp. Đồng thời tổ chức rút kinh nghiệm, đánh giá những tồn tại, tìm ra nguyên nhân và đưa ra phương hướng, biện pháp khắc phục nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị.

Tuy nhiên, hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán tại nhiều đơn vị còn chưa được coi trọng, hoặc được thực hiện nhưng chưa nghiêm túc, chưa khách quan, chưa thường xuyên, dẫn tới còn nhiều sai phạm về tài chính ngân sách, đã được phát hiện qua kiểm tra từ bên ngoài. Cụ thể là, chỉ tính riêng năm 2020, kết quả phát hiện và xử lý sai phạm của các cơ quan thanh tra, kiểm toán[3] như sau:

- Về thanh tra: Năm 2020, toàn ngành Thanh tra đã triển khai 6.875 cuộc thanh tra hành chính và 210.199 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành. Qua thanh tra phát hiện vi phạm về kinh tế 119.528 tỷ đồng, 9.045 ha đất; kiến nghị thu hồi 44.582 tỷ đồng và trên 1.401 ha đất; xuất toán, loại khỏi giá trị quyết toán do chưa thực hiện đúng quy định và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét xử lý 74.946 tỷ đồng, 7.644 ha đất; kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính 2.656 tập thể và nhiều cá nhân; ban hành 116.239 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 7.631 tỷ đồng; chuyển cơ quan điều tra xử lý hình sự 155 vụ, 135 đối tượng.

- Về kiểm toán Nhà nước: Năm 2020, Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị xử lý tài chính 54.770,44 tỷ đồng; chuyển hồ sơ 04 vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua kiểm toán sang cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật; 02 vụ việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công an điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật; cung cấp 101 báo cáo kiểm toán và các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Kiểm tra Đảng, cơ quan cảnh sát, an ninh điều tra các cấp và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền để phục vụ điều tra, kiểm tra, giám sát và thực hiện tố tụng.

- Về trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng: Qua báo cáo của các bộ, ngành địa phương, trong năm 2020 có 82 người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng, trong đó có 69 người đã bị xử lý kỷ luật (tăng 39 người so với năm 2019) và 12 người bị xử lý hình sự.

Theo Báo cáo công tác phòng chống tham nhũng năm 2020 của Chính phủ, việc kiểm tra nội bộ, tự phát hiện tham nhũng trong một số bộ, ngành, địa phương còn hạn chế, chủ yếu qua đơn thư tố cáo, báo chí phản ánh hoặc khi cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, thanh tra mới phát hiện sai phạm; một số đơn vị thuộc một số bộ, ngành, địa phương xảy ra tham nhũng nhưng người đứng đầu chưa được xem xét, xử lý trách nhiệm kịp thời.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trên do hiệu quả công tác tự kiểm tra chưa cao, hiện nay chưa có các quy định xử lý vi phạm về hoạt động chưa tuân thủ hoặc thực hiện chưa nghiêm quy định tự kiểm tra tài chính, kế toán.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động tự kiểm tra tài chính

Để hoạt động kiểm tra tài chính kế toán tại các đơn vị kế toán trong thời gian tới đạt hiệu quả tốt hơn, cần đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán trong đơn vị kế toán Nhà nước. Sau đây là một số giải pháp:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức của mỗi cán bộ công chức, viên chức, người lao động về việc phát huy quyền dân chủ trong kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, tài sản, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Nhiều người trong cơ quan, đơn vị còn coi công tác kiểm tra tài chính là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng như cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan tư pháp. Do đó, tuyên truyền ý thức tự kiểm tra của từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị là một trong những biện pháp hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ để thay đổi quan điểm sai lầm nêu trên.

Thủ trưởng đơn vị kế toán Nhà nước phải luôn coi trọng hoạt động tự kiểm tra tại cơ quan, đơn vị mình, gương mẫu chấp hành các quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Đây là một trong những điều kiện không thể thiếu để xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả. Thủ trưởng đơn vị phải tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với người trong cơ quan, tổ chức mình có hành vi gây lãng phí; thực hiện công khai việc xử lý hành vi gây lãng phí trong cơ quan, tổ chức. Thực hiện tốt các quy định về quy chế dân chủ tại cơ sở, nâng cao vai trò của ban thanh tra nhân dân và Mặt trận Tổ quốc trong tập trung giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị và việc sử dụng kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước, chấp hành chế độ quản lý tài chính, tài sản công, tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và những nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, sửa đổi Luật Kế toán và Nghị định số 05/2019/NĐ-CP theo hướng tổ chức kiểm toán nội bộ phù hợp với từng cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế, cho phép các cơ quan tài chính kiêm thực hiện kiểm toán nội bộ hoặc có quyền thuê kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán nội bộ. Đồng thời bổ sung chế tài xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán của các đơn vị kế toán Nhà nước.

Thứ ba, đảm bảo mối quan hệ mật thiết giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm toán từ bên ngoài đơn vị kế toán với bộ phận được giao kiểm tra nội bộ bên trong đơn vị kế toán. Khi xây dựng được mối quan hệ với các cơ quan có chức năng kiểm tra từ bên ngoài với đơn vị, cá nhân được giao kiểm tra tài chính, kế toán nội bộ của đơn vị kế toán, sẽ góp phần tiết kiệm chi phí kiểm tra, nâng cao hiệu quả kiểm tra. Khi đó, sự kiểm tra từ bên ngoài sẽ chỉ tiến hành đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng pháp luật. Hoạt động kiểm tra thường xuyên từ bên ngoài sẽ chỉ tập trung vào việc đánh giá hiệu lực, hiệu quả và chất lượng của hệ thống kiểm soát nội bộ và được thay đổi từ hình thức kiểm tra trực tiếp sang kiểm tra gián tiếp (giám sát) là chủ yếu.

Thứ tư, nâng cao vai trò của các cơ quan báo chí, truyền thông để thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật; kịp thời đưa tin kết quả công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; biểu dương những nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Cuối cùng, giải pháp quan trọng nhất vẫn là coi trọng chất lượng cán bộ. Việc bổ nhiệm đề bạt người đứng đầu đơn vị cần xem xét kỹ đến tính gương mẫu, đạo đức của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, nâng cao trách nhiệm và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của người được giao công tác kiểm tra trong nội bộ đơn vị, kiểm toán viên nội bộ.

Hoạt động tự kiểm tra tài chính kế toán trong đơn vị kế toán cần được coi là nhiệm vụ thường xuyên, nhưng lại không nên gây sự gò ép trong từng cơ quan đơn vị, đảm bảo sự tham gia rộng rãi của từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, của cả các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, được đảm bảo thực hiện bằng các quy định pháp luật chặt chẽ, chắc chắn sẽ đạt hiệu quả tốt, khi đó, việc kiểm tra từ bên ngoài sẽ ít tốn kém nguồn lực của xã hội, thậm chí là không cần thiết./.

Chú thích:

(1) Đơn vị kế toán Nhà nước là tổ chức có con dấu riêng, có tài khoản riêng, có tài sản độc lập, có tổ chức bộ máy kế toán, có lập báo cáo tài chính và được cấp toàn bộ hoặc một phần ngân sách Nhà nước.

(2) Kiểm soát nội bộ là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra (Luật Kế toán 2015).

(3) Báo cáo số 525/BC ngày 14/10/2020 của Chính phủ về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020.

Tài liệu tham khảo

- Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015

- Luật Kế toán năm 2015

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

- Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ quy định về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính.

- Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy định về kiểm toán nội bộ.

- Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

- Báo cáo tổng kết ngành Thanh tra năm 2020

- Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2020 của Chính phủ.

- Quy chế số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước.

Một cuộc họp của Ban tổ chức cuộc thi "Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng" TP Hà Nội tháng 7/2020

Kết quả thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019 - 2021" trong năm 2020

Hồ Thị Thu An

Trưởng phòng Tuyên truyền, kiểm tra và thẩm định văn bản pháp luật, Vụ Pháp chế, Thanh tra Chính phủ

Ngày 11/7/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021" (sau đây gọi tắt là Đề án 861). Đề án được triển khai ở tất cả các bộ, ngành, đoàn thể Trung ương và chính quyền, đoàn thể địa phương các cấp từ năm 2019 đến hết năm 2021 cho các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, học sinh, sinh viên và người dân trên các địa bàn dân cư. Mục tiêu chung của Đề án 861 nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức chấp hành, học tập, tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính; xây dựng lối sống liêm chính và tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; đưa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng phát triển ổn định, bền vững, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; góp phần tích cực cải thiện tình hình tham nhũng và công tác phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện nội dung của Đề án 861 và trên cơ sở hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ về việc triển khai thực hiện Đề án, các bộ, ngành đã xây dựng, ban hành các kế hoạch thực hiện trong năm 2020; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tham nhũng phù hợp với thực tiễn. Đối với địa phương, thanh tra các tỉnh, thành phố đã ban

hành kế hoạch hoặc tham mưu cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Đề án với các hoạt động cụ thể trong năm 2020 làm cơ sở cho cấp huyện xây dựng và thực hiện tại địa phương. Mặt khác, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật một số tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch trong đó có lồng ghép việc thực hiện Đề án 861 tại địa phương. Trong năm 2020, kết quả thực hiện Đề án 861 tại các bộ, ngành, địa phương được thể hiện như sau:

Thứ nhất, lựa chọn mô hình điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Đến nay, tất cả các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện xong việc lựa chọn đơn vị mô hình điểm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Mỗi bộ, ngành chọn chỉ đạo điểm 01 đơn vị trực thuộc; mỗi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chọn chỉ đạo điểm 01 địa phương trực thuộc. Trên cơ sở kế hoạch của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, các đơn vị cấp huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án ở cấp mình, lựa chọn chỉ đạo điểm 01 đơn vị cấp xã. Nội dung thực hiện mô hình điểm gồm: Tổ chức, kiện toàn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật về phòng, chống tham nhũng; xây dựng tủ sách pháp luật, điểm tuyên truyền tập trung về pháp luật phòng, chống tham nhũng trong đơn vị và các địa bàn dân cư; tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến, nói chuyện chuyên đề về thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn; tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên hệ thống truyền thanh cơ sở...

Thứ hai, tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Hầu hết các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể và địa phương đã tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ tổ chức tuyên truyền Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thông qua nhiều hình thức như: Lồng ghép nội dung tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong các cuộc sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên môn, văn bản chỉ đạo đến các đơn vị trực thuộc, phát tài liệu giới thiệu những điểm mới của Luật Phòng, chống tham nhũng đến cán bộ, công chức... Ngoài ra, các sở, ngành, địa phương đã tăng cường đối thoại trực tiếp qua các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề có chủ đề về phòng, chống tham nhũng.

Năm 2020 là năm thứ hai thực hiện Đề án 861, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19, thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội và không tập trung đông người nên công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng chưa được tổ chức nhiều và rộng rãi; chưa thực hiện được kế hoạch tổ chức hội thi báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật giỏi về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, trong năm 2020, đã tổ chức 137.884 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống tham nhũng với hơn 10 triệu lượt người tham dự.

Thứ ba, về hoạt động biên soạn, phát hành tài liệu tuyên truyền:

Theo nhiệm vụ của Đề án 861, Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm tổ chức biên soạn, phát hành các tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nhiệm vụ được giao, năm 2020, Thanh tra Chính phủ đã tập trung triển khai hoạt động biên soạn tài liệu và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ. Bộ tài liệu phục vụ việc thực hiện Đề án gồm 5 loại tài liệu: (1) Sách hỏi đáp pháp luật về phòng, chống tham nhũng; (2) Sách tìm hiểu những nội dung cơ bản của pháp luật phòng, chống tham nhũng; (3) Kinh nghiệm quốc tế trong phòng, chống tham nhũng; (4) Giáo dục đạo đức liêm chính cho thanh thiếu niên; (5) Tờ gấp để dịch ra 5 thứ tiếng dân tộc thiểu số.

Ngoài ra, trong năm 2020, một số bộ, ngành, địa phương cũng đã chủ động tổ chức hoạt động biên soạn và phát hành tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng như: Bộ Tư pháp biên soạn 166 câu hỏi đáp pháp luật và 12 tiểu phẩm pháp luật về phòng, chống tham nhũng để đăng trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp; Bộ Quốc phòng biên soạn và phát hành cuốn sổ tay hỏi đáp pháp luật, tờ gấp pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam biên soạn tài liệu tuyên truyền về công tác phòng, chống tham nhũng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam biên soạn cuốn sổ tay hỏi đáp pháp luật phòng, chống tham nhũng và tờ gấp pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tổ chức biên soạn tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng bằng tiếng Cơ tu, tiếng Ca dong dưới hình thức hỏi đáp pháp luật và thực hiện phát sóng trên Đài phát thanh - truyền hình tỉnh.

Thứ tư, về ứng dụng công nghệ và phát huy phương tiện truyền thông:

Đến nay, các bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể và địa phương đều tổ chức đăng tải tài liệu giới thiệu, tuyên truyền các nội dung cơ bản của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP cùng nhiều bài viết phân tích những điểm mới của Luật, tình hình hoạt động xét xử và công tác xử lý vi phạm liên quan đến các vụ việc tham nhũng trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, địa phương mình.

Ở Trung ương, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam đã xây dựng chương trình, kế hoạch, thời lượng phát sóng để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng. Trong năm 2020, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam đã tổ chức có hiệu quả cao việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên sóng phát thanh, truyền hình. Đài Tiếng nói Việt Nam đã thực hiện nhiều chương trình chuyên đề, tọa đàm, phân

tích, tư vấn liên quan đến phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói riêng. Đài Truyền hình Việt Nam đã thực hiện tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng qua các bản tin thời sự, các chuyên đề, chuyên mục hoặc lồng ghép trong các chương trình truyền hình. Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền kịp thời, chính xác, khách quan về công tác phòng, chống tham nhũng; phỏng vấn, tọa đàm về pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Ở địa phương, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật qua đài phát thanh, truyền hình, báo chí đã được các tỉnh, thành phố quan tâm. Các sở thông tin và truyền thông, đài phát thanh và truyền hình, cơ quan báo chí của tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền với nội dung và hình thức phong phú. Bên cạnh đó, việc tuyên truyền pháp luật thông qua hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn đã được các địa phương chú trọng. Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn được một số địa phương thực hiện thông qua việc đăng tải thông tin trên bản tin công tác tư pháp, thông qua hoạt động tiếp xúc đối thoại, hòa giải, tiếp công dân định kỳ, trợ giúp pháp lý và các buổi sinh hoạt của các tổ chức tự quản của Nhân dân.

Bên cạnh đó, nhằm đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền rất thiết thực, cụ thể như:

- Nhiều bộ, ngành, địa phương đã chủ động tổ chức các cuộc tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng như: Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Tập đoàn Giáo dục Egroup tổ chức chung kết cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến "pháp luật học đường"; Thành phố Hà Nội đã tổ chức triển khai việc tìm hiểu ngoại khóa "Tìm hiểu trực tuyến pháp luật phòng chống tham nhũng gắn với quy tắc ứng xử trong trường học và quy tắc ứng xử nơi công cộng" cho học sinh THPT trên địa bàn, có 187.905 lượt truy cập với 53.466 học sinh tham gia tìm hiểu; tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức Hội thi "Tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật" trong đó có pháp luật phòng, chống tham nhũng. Một số địa phương đã phát động cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng" như thành phố Cần Thơ, tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai...

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát động cuộc thi "Sáng tác tranh cổ động tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính" thu hút hàng trăm nghìn thí sinh tham dự. Một số địa phương đã tổ chức sáng tác nhiều mẫu tranh, ảnh cổ động, biếm họa có chủ đề về phòng, chống tham nhũng và xây dựng đạo đức liêm chính như tỉnh Cà Mau, tỉnh Điện Biên...

- Một số địa phương đã tổ chức các hoạt động triển lãm, trưng bày tài liệu có nội dung, chủ đề phòng, chống tham nhũng và xây dựng đạo đức liêm chính như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thành phố Cần Thơ, thành phố Hải Phòng, tỉnh Khánh Hòa...

Ngoài ra, để triển khai thực hiện Đề án, một số cơ quan đã thực hiện hoạt động như xây dựng tủ sách pháp luật, hái hoa dân chủ, tuyên truyền lưu động, phát tờ rơi...có nội dung tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng thu hút nhiều người tham dự. Nhiều mô hình, cách làm hay về công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả, như tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng hình thức trực tuyến, sân khấu khóa, câu lạc bộ "Phụ nữ với pháp luật", "Nông dân với pháp luật", "Cựu chiến binh với pháp luật", "Pháp luật với mọi người" nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đó có pháp luật phòng, chống tham nhũng.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm đảm bảo các quy định của Luật đi vào thực tiễn. Công tác phòng, chống tham nhũng nói chung, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng nói riêng luôn nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền. Mặc dù do tình hình dịch bệnh Covid-19 nhưng kết quả triển khai thực hiện Đề án 861 trong năm 2020 cho thấy hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã bám sát yêu cầu, mục tiêu, nội dung của Đề án, tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và nâng cao ý thức chấp hành, học tập, tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính; đưa công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng ngày càng thiết thực, có hiệu quả. Thanh tra Chính phủ, nhiều bộ, ngành, địa phương đã chủ động khắc phục khó khăn, triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; thanh tra bộ, thanh tra tỉnh đã tham mưu, giúp bộ ngành, ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, hướng dẫn thực hiện Đề án theo ngành, lĩnh vực và địa bàn quản lý; có nhiều cách làm sáng tạo, lồng ghép việc thực hiện Đề án với nhiệm vụ, chương trình, hoạt động khác của bộ, ngành, địa phương nhằm hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ. Công tác tuyên truyền đã kết hợp thường xuyên với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Để thực hiện các nhiệm vụ Đề án trong năm 2021, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng trên các phương tiện thông tin đại chúng; đổi mới mạnh mẽ hình thức, biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng theo hướng đa dạng, sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với trình độ dân trí và tình hình, đặc điểm cụ thể của từng địa phương; coi trọng việc bồi dưỡng kiến thức pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương cũng phải quan tâm thực hiện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện Đề án để đảm bảo việc triển khai Đề án 861 được đồng bộ, hiệu quả và đúng theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

Vai trò giám sát của thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức(*)

TS. Tạ Thu Thủy
Viện Chiến lược và Khoa học thanh tra

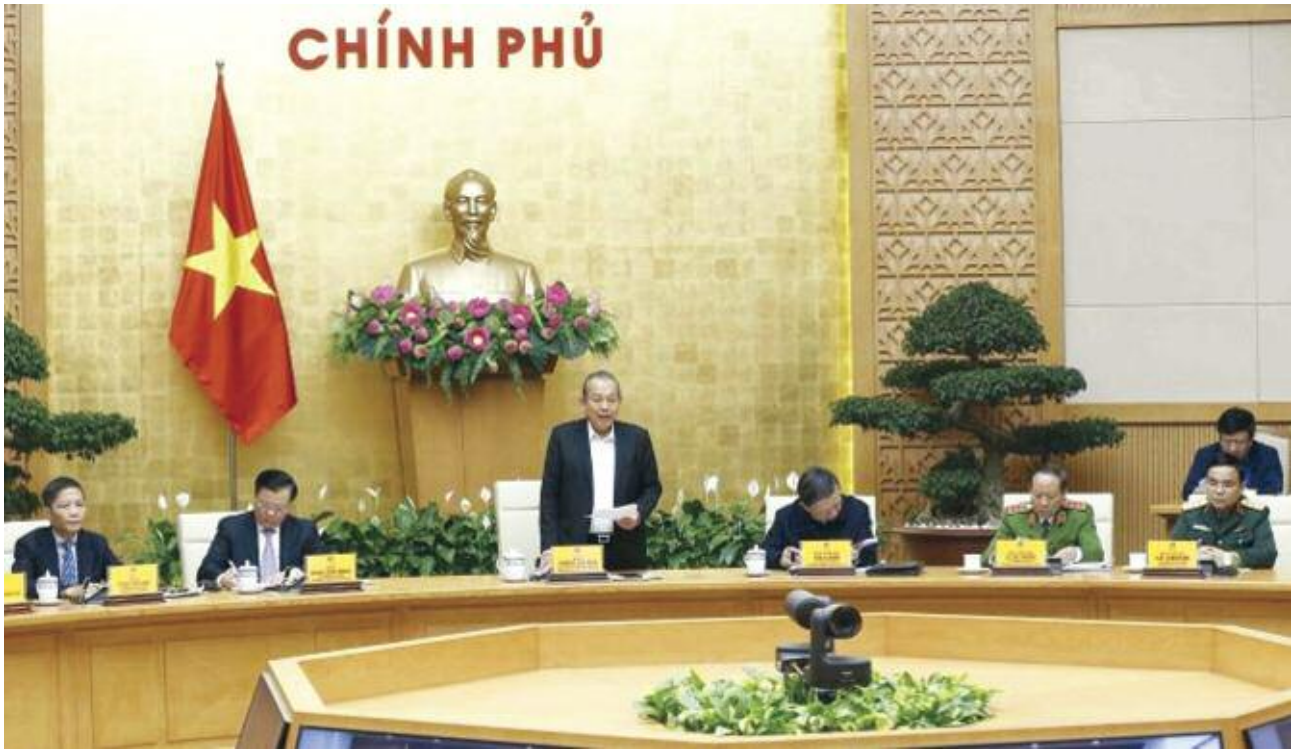

Ảnh: Lê Sơn/VGP

Công vụ là một loại hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước. Nói đến công vụ là nói đến trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ nhằm mục tiêu phục vụ người dân và xã hội. Trách nhiệm công vụ là việc cán bộ, công chức tự ý thức về quyền và nhiệm vụ được phân công cũng như bổn phận phải thực hiện các quyền và nhiệm vụ đó. Một nền công vụ hiệu lực, hiệu quả đều dựa trên cơ sở đề cao tính trách nhiệm với tinh thần tận tụy, mẫn cán và làm tròn bổn phận của cán bộ, công chức. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, bất kỳ Nhà nước nào cũng hướng đến giải pháp xây dựng một nền công vụ hiệu lực, hiệu quả và nhấn mạnh đến vấn đề giám sát trách nhiệm thực thi công vụ. Một trong những giải pháp đó là đề cao vai trò giám sát của thủ trưởng cơ quan hành chính Nhà nước (CQHCNN) đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, nhất là trong bối cảnh xây dựng Chính phủ phục vụ hiện nay.

Thủ trưởng CQHCNN là thuật ngữ dùng để chỉ thiết chế giữ vị trí pháp lý cao nhất của một cá nhân trong CQHCNN, thực hiện vai trò lãnh đạo, quản lý hoạt động của CQHCNN, có quyền và nghĩa vụ cao nhất đối với hoạt động của CQHCNN và chịu trách nhiệm về hoạt động của CQHCNN đó. Theo đó, thủ trưởng CQHCNN là cá nhân đứng đầu các CQHCNN từ Trung ương đến địa phương, bao gồm Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND... Các CQHCNN do Nhà

(*) Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp quốc gia KX.01.33/16-20 (thuộc Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia KX.01/16-20)

nước thành lập, việc tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở quy định pháp luật. Do đó, thủ trưởng CQHCNN có địa vị pháp lý theo quy định của pháp luật. Tất cả các vấn đề liên quan đến quá trình hình thành, hoạt động và kết thúc hoạt động của thủ trưởng CQHCNN đều tuân thủ theo các quy định pháp luật. Với địa vị pháp lý có được, thủ trưởng CQHCNN được trao quyền lực và thay mặt Nhà nước tổ chức thực thi quyền lực Nhà nước theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, thủ trưởng CQHCNN có toàn quyền lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan tổ chức thực thi công vụ có hiệu quả theo quy định của pháp luật. Điều này cũng đồng nghĩa với việc thủ trưởng CQHCNN có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Do vậy, thủ trưởng cũng là người chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật, trước cấp trên và trước Nhân dân một cách cụ thể. Trách nhiệm ở đây được hiểu ở cả hai phương diện: (i) Thực hiện tốt (có trách nhiệm) chức trách, nhiệm vụ được giao; (ii) Chịu trách nhiệm pháp lý (hậu quả pháp lý) khi thực hiện không tốt hoặc không thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Như vậy, thủ trưởng CQHCNN không chỉ có trách nhiệm cá nhân mà hơn thế là trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao phó. Để làm được điều đó, thủ trưởng CQHCNN được trao những chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, công cụ[1]; trong đó, giám sát là một trong những công cụ quan trọng.

Giám sát là một thuật ngữ được dùng khá phổ biến hiện nay trong đời sống chính trị, pháp lý, kinh tế, xã hội. Hiện có nhiều tài liệu, văn bản đưa ra các quan niệm giám sát gắn với bối cảnh, đặc thù cụ thể. Nhưng dù được tiếp cận ở những phương diện khác nhau về chủ thể, đối tượng, nội dung nhưng đều có điểm chung cơ bản là hoạt động "theo dõi", "xem xét", "đánh giá". Đây là hoạt động có mục đích của chủ thể giám sát để nắm bắt tình hình, phân tích và đưa ra nhận xét đối với đối tượng bị giám sát nhằm xem các đối tượng này làm hay không làm, làm đúng hay sai, có chất lượng, hiệu quả hay không... so với các quy định, đòi hỏi đặt ra.

Công vụ gắn với hoạt động giám sát của thủ trưởng CQHCNN được Luật Cán bộ, công chức quy định: "Hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật này và các quy định khác có liên quan"[2]. Việc thực thi công vụ của CQHCNN chính là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trong CQHCNN đó. Luật cũng khẳng định rõ, khi thực thi công vụ, cán bộ, công chức phải tuân thủ quy định của Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác có liên quan. Bên cạnh pháp luật, các quy định nội bộ cũng đòi hỏi các đối tượng bị giám sát phải tuân thủ và cũng là căn cứ để thủ trưởng thực hiện quyền giám sát của mình.

Như vậy, có thể hiểu giám sát của thủ trưởng CQHCNN đối với việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức là hoạt động của người đứng đầu CQHCNN theo dõi, xem xét, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân thuộc quyền trong CQHCNN nhằm tổ chức thực thi công vụ hiệu quả.

Đây là một trong những hình thức giám sát nền hành chính từ bên trong của chính bản thân các CQHCNN. Hoạt động giám sát này có những đặc trưng cơ bản sau:

- Chủ thể và đối tượng bị giám sát là thủ trưởng cơ quan và các tổ chức, cá nhân thực thi công vụ trong CQHCNN. Đây là mối quan hệ giữa lãnh đạo và các tổ chức, cá nhân thuộc quyền trong cùng một đơn vị công tác. Vị trí, địa vị pháp lý của đối tượng bị giám sát phụ thuộc vào chủ thể giám sát ở nhiều phương diện. Điều này đòi hỏi hoạt động giám sát phải được tiến hành đúng pháp luật, minh bạch và công tâm, tránh tình trạng bị chi phối bởi ý chí chủ quan của thủ trưởng.

- Đây là hoạt động theo dõi, xem xét, đánh giá nên việc thu thập thông tin, chứng cứ; phân tích, xử lý thông tin, chứng cứ một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, trung thực, khách quan là hết sức quan trọng để có thể đưa ra những đánh giá và kết luận chính xác, khách quan nhằm đạt mục đích tổ chức thực thi công vụ hiệu quả.

- Hoạt động giám sát của thủ trưởng CQHCNN hướng tới mục đích tổ chức thực thi công vụ một cách có hiệu quả. Tức là hoạt động theo dõi, xem xét, đánh giá việc phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức thuộc quyền như thế nào có tuân thủ đúng mục tiêu, quy định và đạt hiệu quả đã đặt ra hay không. Thực thi công vụ gắn liền với việc sử dụng quyền lực Nhà nước (một thứ quyền lực đặc biệt) nên giám sát hoạt động này cần tiến hành liên tục, đồng bộ và toàn diện gắn với tất cả các yếu tố đảm bảo cho việc thực thi công vụ có hiệu quả.

Về đối tượng giám sát, hoạt động giám sát của bất kỳ chủ thể nào cũng đều phải hướng tới đối tượng được xác định một cách cụ thể. Với chủ thể là thủ trưởng CQHCNN thì đối tượng giám sát chính là các tổ chức, cá nhân thuộc CQHCNN đó. CQHCNN, tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ được giao; ở Trung ương hay địa phương; có thẩm quyền chung hay thẩm quyền riêng mà có cơ cấu tổ chức bộ máy tương ứng, phù hợp. Tổ chức bộ máy đó do cơ quan có thẩm quyền thành lập hay tự mình (CQHCNN) thành lập theo quy định của pháp luật thì đều phải có con người và các điều kiện cụ thể để vận hành nó.

Các tổ chức thuộc CQHCNN nói chung khi được thành lập đều phải được xác định đúng, cụ thể, rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; đồng thời được giao các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) một cách tương xứng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong CQHCNN các tổ chức này thuộc quyền lãnh đạo, quản lý, điều hành của thủ trưởng cơ quan và giúp thủ trưởng thực hiện các mảng, lĩnh vực công việc được giao. Đây chính là căn cứ để Thủ trưởng thực hiện hoạt động giám sát. Do vậy, việc giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trao các nguồn lực phải được xây dựng một cách khoa học, có cơ sở lý

luận, thực tiễn và phải lấy hiệu quả công việc làm trọng.

Các cá nhân thuộc đối tượng giám sát của thủ trưởng CQHCNN là những người thực thi công vụ trong CQHCNN đó. Theo quy định của pháp luật hiện hành, đó chính là cán bộ, công chức[3] và những người lao động khác (người hoạt động không chuyên trách cấp xã, lao động hợp đồng trong CQHCNN), đặc biệt là cán bộ, công chức.

Những cá nhân là đối tượng giám sát của thủ trưởng CQHCNN khi thực thi công vụ được pháp luật quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ gắn liền với vị trí, địa vị pháp lý của họ.[4] Đồng thời, trong quá trình thực thi công vụ, cán bộ, công chức còn phải tuân thủ những quy định về đạo đức, văn hóa công vụ và những việc cán bộ, công chức không được làm.[5]

Bên cạnh những quy định chung nêu trên, cán bộ, công chức thực thi công vụ trong CQHCNN còn phải tuân thủ những quy định khác của pháp luật liên quan đến công vụ, nhiệm vụ được giao; phải tuân thủ những nội quy, quy chế của từng CQHCNN cụ thể mà người thực thi công vụ là thành viên. Tất cả những quy định đó là căn cứ và là điều kiện để thủ trưởng cơ quan tiến hành hoạt động giám sát hiệu quả. Do vậy, các quy định này (bao gồm quy định pháp luật và quy định nội bộ) đều phải được ban hành kịp thời, cụ thể, rõ ràng, phù hợp, khả thi.

Về nội dung giám sát, nội dung giám sát của thủ trưởng CQHCNN gắn liền và bao hàm tất cả hoạt động thực thi công vụ của CQHCNN đó, cơ bản gồm:

Một là, giám sát việc thực hiện hoạt động chuyên môn (thường xuyên hoặc đột xuất) được giao. Nội dung của hoạt động giám sát của thủ trưởng xuất phát từ nội dung hoạt động của CQHCNN. Đây chính là hoạt động của CQHCNN, của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong CQHCNN đó. Mỗi tổ chức, cá nhân là đối tượng giám sát đều được giao chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn nhất định để thực thi công vụ. Các đối tượng giám sát tiến hành hoạt động của mình thông qua quyết định hành chính và hành vi hành chính. Do vậy, hoạt động giám sát của thủ trưởng CQHCNN là theo dõi, xem xét, đánh giá xem các đối tượng bị giám sát thực hiện việc ban hành, tổ chức thực thi các quyết định hành chính; thực hiện các hành vi hành chính (hành động hoặc không hành động) có đúng quy định (pháp luật hay nội bộ) hay không, từ đó có biện pháp xử lý để đảm bảo hiệu quả thực thi công vụ.

Hai là, giám sát về đạo đức, văn hóa công vụ của tổ chức, cá nhân thực thi công vụ. Việc thực thi công vụ nói cho cùng đều thông qua hành vi của con người cụ thể, nhất là cán bộ, công chức. Những người này khi được trao quyền lực Nhà nước, nhất là trong hoạt động hành chính (nơi diễn ra hoạt động đa dạng, rộng khắp, phức tạp và có tính năng động, linh hoạt, sáng tạo của chủ thể quyền lực) rất dễ nảy sinh những hành vi trái quy định, lộng quyền, lạm quyền, tiêu cực... Để đảm bảo cho CQHCNN vận hành thông suốt, lành mạnh, hiệu quả thì đây chính là nội dung giám sát rất cơ bản của thủ trưởng CQHCNN, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Với nội dung này thủ trưởng hướng tới giám sát về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, về tinh thần thái độ, thời gian làm việc, về quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, về thực hiện nếp sống văn hóa công sở, về trách nhiệm và đạo đức công vụ... đảm bảo cho các đối tượng giám sát thực hiện đúng "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ"[6].

Ba là, giám sát các nguồn lực để thực thi công vụ (nhân lực, vật lực, tài lực). Có thể nói đây là nội dung quan trọng, cấp thiết hiện nay trong hoạt động giám sát nói chung và hoạt động giám sát của thủ trưởng CQHCNN nói riêng, nhất là giám sát nguồn nhân lực. Đội ngũ nhân sự hành chính có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo cho CQHCNN thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Vì vậy việc xây dựng đội ngũ này cần được hết sức chú trọng ở tất cả các khâu (tạm gọi là công tác cán bộ như: Tuyển dụng, bố trí, phân công công việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm, thuyên chuyển, khen thưởng, kỷ luật...). Việc xây dựng được đội ngũ nhân sự hành chính đáp ứng yêu cầu như mong muốn liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân, trong đó thủ trưởng CQHCNN có vai trò rất quan trọng. Việc nắm bắt thông tin chính xác, xem xét, đánh giá thực chất giúp thủ trưởng có được quyết định đúng đắn, kịp thời, phù hợp, công minh trong công tác cán bộ.

Cùng với nguồn nhân lực, tài lực, vật lực là điều kiện không thể thiếu để thực thi công vụ. Vì vậy, hoạt động giám sát của thủ trưởng CQHCNN không thể không làm. Trong quá trình thực thi công vụ, các nguồn lực này rất dễ bị lãng phí, thậm chí là tham ô, tham nhũng xảy ra. Do vậy, việc theo dõi, xem xét cụ thể, đánh giá chính xác giúp cơ quan xử lý kịp thời, tránh được những việc đáng tiếc xảy ra.

Như vậy, nội dung giám sát của thủ trưởng CQHCNN cũng rất đa dạng, phong phú lại diễn ra trong suốt quá trình thực thi công vụ nên trong quá trình giám sát, cần có chương trình, kế hoạch cụ thể và ưu tiên những nội dung quan trọng, nổi cộm, bức xúc gắn với nhiệm vụ, công việc, thời gian, bối cảnh cụ thể.

Về phương thức giám sát, hoạt động giám sát nói chung và giám sát hành chính nói riêng do nhiều chủ thể tiến hành. Mỗi chủ thể khác nhau theo thẩm quyền sẽ có các phương thức thực hiện khác nhau. Trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng CQHCNN có thể tự mình thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thông qua các hình thức cơ bản như:

Một là, nghe báo cáo việc thực thi công vụ và các nội dung khác có liên quan. Báo cáo là hoạt động thường xuyên, không thể thiếu của bất kỳ tổ chức, cơ quan, đơn vị nào. Báo cáo được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất bằng văn bản hoặc trực tiếp và bao quát hết các hoạt động của cơ quan.

Do đó, về lý thuyết qua báo cáo thủ trưởng sẽ nắm được cơ bản tình hình của cơ quan.

Hai là, thông qua các cuộc họp, hội nghị. Hội họp cũng là một kênh quan trọng để tiến hành các hoạt động của đơn vị, không có một CQHCNN nào không sử dụng kênh này (thậm chí là quá nhiều). Thông qua các cuộc họp thủ trưởng cơ quan nắm bắt tình hình một cách trực tiếp; nếu cần thiết thủ trưởng có thể thực hiện chất vấn và nghe trả lời chất vấn ngay tại cuộc họp để làm rõ vấn đề.

Ba là, giám sát thông qua hoạt động xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, lịch làm việc của cơ quan, của các tổ chức, cá nhân trong đơn vị. Chương trình, kế hoạch, lịch làm việc là hình thức thể hiện cụ thể hoạt động của tổ chức, cá nhân gắn với những thời gian nhất định. Qua theo dõi, xem xét, đánh giá thông tin từ đây, thủ trưởng có thể biết được tổng quan và cụ thể tiến độ và diễn biến việc thực thi công vụ ra sao.

Bốn là, thông qua nắm bắt thông tin từ bên trong và bên ngoài cơ quan. Các thông tin về hoạt động của cơ quan và về tổ chức, cá nhân thực thi công vụ đến được thủ trưởng qua nhiều nguồn: Trao đổi của tổ chức, cá nhân trong cơ quan khi có yêu cầu hoặc khi có sự kiện, hiện tượng xảy ra; sự phản ánh, cung cấp thông tin của tổ chức Đảng, đoàn thể trong nội bộ CQHCNN; thông tin từ các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở bên ngoài, của cấp trên trực tiếp; thông tin từ các loại hình báo chí và thông tin từ Nhân dân nói chung. Nguồn thông tin này rất đa dạng, phong phú và có thể rất phức tạp. Do vậy, khi giám sát thông qua hình thức này cần phải được sàng lọc kỹ lưỡng, xem xét cân nhắc cẩn trọng và phải có quan điểm, lập trường, thái độ đúng đắn, khách quan để tránh bị thông tin làm rối, nhiễu, loạn ảnh hưởng đến việc thực thi công vụ.

Năm là, thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán. Đây là hoạt động quan trọng, là công cụ sắc bén để thủ trưởng thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khác với hoạt động giám sát, song giữa chúng có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ lẫn nhau. Giám sát giúp phát hiện vấn đề để kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; ngược lại từ hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán mà giám sát được thực hiện có chất lượng, hiệu quả hơn. Ngoại trừ kiểm toán thì bất kỳ thủ trưởng CQHCNN nào cũng có chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật. Qua các hoạt động đó thủ trưởng nắm bắt thông tin, xem xét cụ thể, rõ ràng hơn và đưa ra những đánh giá, kết luận chính xác hơn.

Sáu là, thông qua hoạt động giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Trong quá trình hoạt động của CQHCNN không loại trừ khả năng có những xung đột, bất đồng, thậm chí là tiêu cực xảy ra. Do vậy, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đấu tranh phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ của thủ trưởng được pháp luật quy định. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ này, thủ trưởng đồng thời tiến hành giám sát hoạt động thực thi công vụ của những tổ chức, cá nhân liên quan.

Với nội dung phong phú và hình thức đa dạng như phân tích ở trên, thủ trưởng có thể tự mình hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức trong cơ quan tiến hành hoạt động giám sát việc thực thi công vụ. Giữa hình thức, nội dung và cách thức tiến hành giám sát có mối quan hệ biện chứng, có tác động qua lại đến kết quả giám sát. Hình thức, cách thức giám sát phù hợp nội dung, đối tượng sẽ bảo đảm cho việc giám sát tiến hành được nhanh chóng, gọn nhẹ, hiệu quả thiết thực, hoặc ngược lại. Vì thế, thủ trưởng CQHCNN cần lựa chọn các hình thức, cách thức giám sát phù hợp đối tượng, nội dung gắn với bối cảnh, điều kiện cụ thể có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả, hiệu quả giám sát.

(Còn nữa)

Chú thích:

(1) Xem Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu của CQHCNN.

(2) Luật Cán bộ, công chức năm 2008, điều 2;

(3) Luật Cán bộ, công chức năm 2008, điều 4;

(4) Luật Cán bộ, công chức năm 2008, chương II, mục 1, mục 2;

(5) Xem Luật Cán bộ, công chức năm 2008, chương II, mục 3 và 4;

(6) Luật Cán bộ, công chức năm 2008, điều 15.

CON GÁI THANH TRA

(Tặng các nữ cán bộ thanh tra nhân ngày 8-3)

Em là con gái thanh tra
Tinh thông nghiệp vụ, nết na dịu dàng
Việc nhà việc nước đảm đang
Sớm hôm chẳng quản gian nan nhọc nhằn

Thực hiện: Liêm - chính - kiệm - cần
Làm theo lời Bác: Nghĩa nhân sáng ngời
Chống tham ô, lãng phí kịp thời
Góp sức xây đời: Hạnh phúc ấm no…

Em là con gái thanh tra
Văn minh thanh lịch, nết na dịu dàng
Việc nhà việc nước chu toàn
Người xinh, đẹp nết đảm đang, thảo hiền ./.

Lê Hồng Diệp

Một số vấn đề xử lý đơn tố cáo nặc danh, mạo danh

tại thành phố Cần Thơ(*)

Thực tiễn hiện nay, nhận thức về pháp luật nói chung, pháp luật về tiếp công dân nói riêng trong Nhân dân còn chưa cao; hiểu biết về pháp luật tiếp công dân của cán bộ, công chức, người có thẩm quyền xử lý đơn thư còn nhiều hạn chế, nhất là đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn. Do vậy, người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi khiếu nại, tố cáo; công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, người có thẩm quyền xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh khi thực hiện nhiệm vụ chưa làm hết chức trách, nhiệm vụ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân... Những nguyên nhân trên làm cho công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Thế nào là tố cáo nặc danh, mạo danh?

Theo quy định của Luật Tố cáo năm 2018, "tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật này quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức".

Luật Tố cáo hiện hành không quy định cụ thể khái niệm tố cáo nặc danh, mạo danh. Tuy nhiên, theo "Từ điển tiếng Việt" *tố cáo nặc danh* là việc người tố cáo giấu đi tên, họ, địa chỉ cũng như các thông tin cá nhân khác của mình để báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi trái pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân... Đơn tố cáo mạo danh là đơn có tên nhưng tên giả, đơn tố cáo mang tên người khác tố cáo.

Để xác định rõ trách nhiệm của người tố cáo, tránh tình trạng lợi dụng các hình thức tố cáo để tố cáo tràn lan, cố ý tố cáo sai sự thật, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của người bị tố cáo, Luật Tố cáo năm 2018 tiếp tục quy định có hai hình thức tố cáo

(*) Tham luận của Thanh tra thành phố Cần Thơ tại Hội thảo "Kinh nghiệm trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư" do Tạp chí Thanh tra tổ chức.

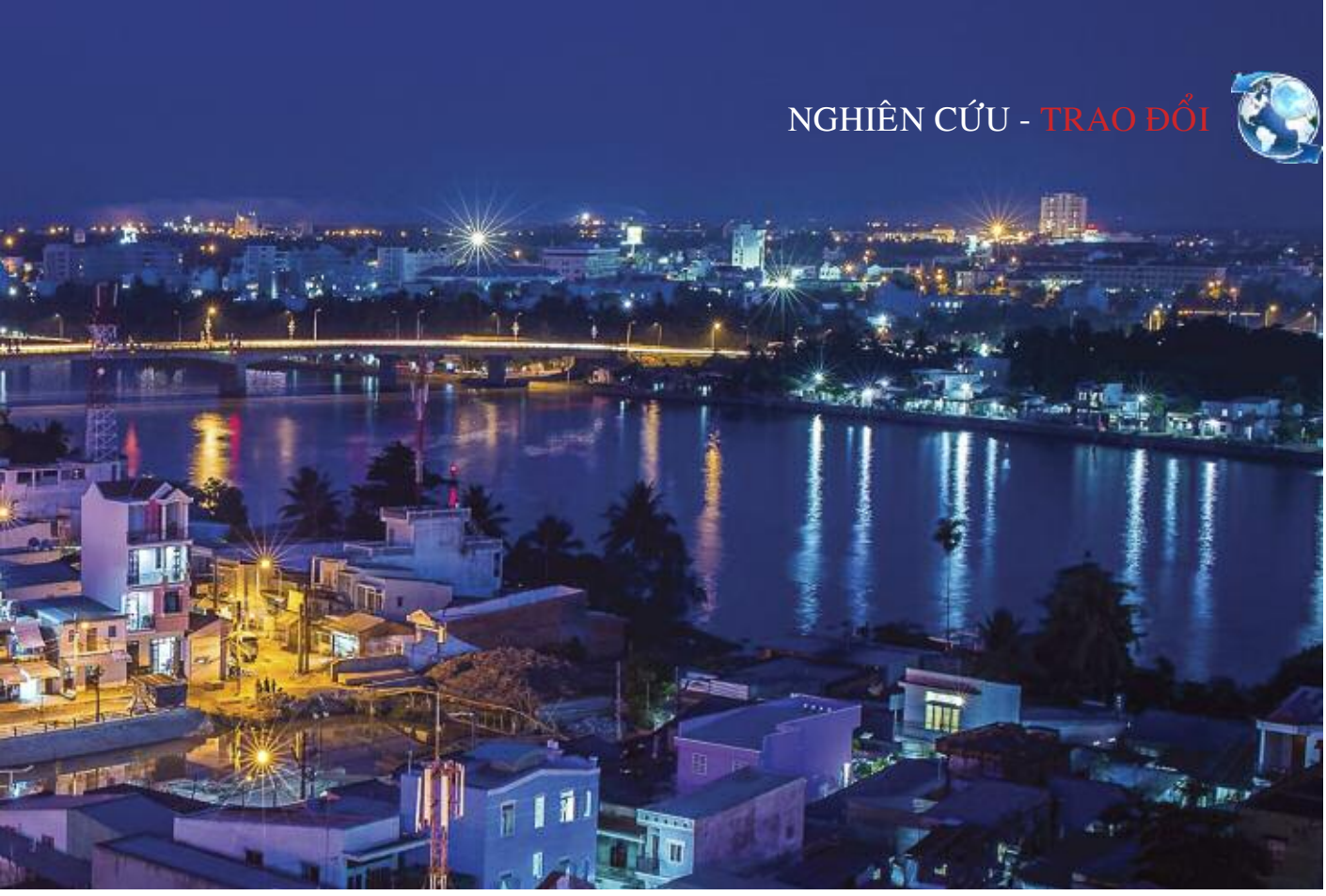

chính là tố cáo bằng đơn và tố cáo trực tiếp.

Về tiếp nhận, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, Luật quy định cụ thể cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận tố cáo. Luật cũng quy định trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; xử lý hành vi bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm. Chính vì vậy mà người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm xử lý tố cáo nặc danh, mạo danh.

Pháp luật hiện hành có cho phép người dân được tố cáo nặc danh, mạo danh không?

Khoản 2, Điều 25 Luật Tố cáo năm 2018 quy định *"... Trường hợp thông tin có nội dung tố cáo nêu trên có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để tiến hành việc thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý".*

Tại Điều 19 Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh nêu rõ: Khi nhận được đơn tố cáo không rõ họ tên, địa chỉ người tố cáo nhưng có nội dung rõ ràng, kèm theo các thông tin, tài liệu, bằng chứng chứng minh nội dung tố cáo hành vi tham nhũng, hành vi tội phạm thì người xử lý đơn báo cáo thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật tố tụng hình sự.

Bên cạnh Luật Tố cáo năm 2018, một số văn bản quy phạm pháp luật khác cũng có quy định cụ thể về quyền tố cáo của công dân, như: Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, quy định quyền tố cáo trong tố tụng hình sự; Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 quy định phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng.

Như vậy, pháp luật hiện hành đã có dự liệu về thông tin tố cáo nặc danh, mạo danh. Tuy nhiên chỉ những thông tin tố cáo có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo mới tiếp nhận và xử lý thông tin tố cáo nặc danh.

Việc quy định giải quyết đơn tố cáo nặc danh, mạo danh của Luật Tố cáo 2018 đã cho thấy sự quyết tâm và nỗ lực của Đảng và Nhà nước ta trong hoạt động đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật đang có chiều hướng gia tăng trong xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, quy định về xử lý tố cáo có tính chất nặc danh đã cho thấy sự bảo đảm về quyền lợi cũng như việc động viên từ phía Nhà nước, khuyến khích các chủ thể mạnh dạn đấu tranh, đưa những hành vi vi phạm pháp luật ra ánh sáng, nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của tập thể và công dân.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ, Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết và kế hoạch tổ chức thực hiện Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Thực tế, trong 02 năm 2019 - 2020, thành phố Cần Thơ nhận tổng cộng 53 đơn

tố cáo nặc danh, mạo danh. Qua nghiên cứu xử lý đã chuyển 07 đơn tố cáo cho thủ trưởng của đơn vị có công chức bị tố cáo để nắm thông tin, còn lại xử lý lưu 46 đơn theo điểm b, khoản 2 Điều 6 Thông tư 07/2014/TT-TTCP.

Hiện nay, Thanh tra thành phố Cần Thơ chưa xây dựng được quy chế phối hợp để xử lý loại đơn tố cáo nặc danh, mạo danh. Tuy nhiên, trong quá trình xử lý thực tế Thanh tra thành phố đã xử lý loại đơn tố cáo nặc danh, mạo danh như sau:

1. Sau khi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin có nội dung tố cáo nặc danh, mạo danh, đầu tiên giao cơ quan thanh tra Nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo.

2. Nếu qua xác minh thông tin nội dung tố cáo nặc danh, mạo danh có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật thì sẽ giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác thành lập đoàn kiểm tra hoặc đoàn thanh tra để tiến hành thực hiện thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thủ tục thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra để kiến nghị xử lý cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm.

4. Báo cáo hoặc kết luận thanh tra sẽ kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền chỉ đạo thực hiện.

Qua thực tiễn xử lý đơn tố cáo nặc danh, mạo danh tại địa phương, Thanh tra thành phố Cần Thơ đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong cán bộ, Nhân dân về Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng và pháp luật có liên quan; khuyến khích công dân thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc tố cáo, tố giác tội phạm; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc xử lý đơn tố cáo nặc danh, mạo danh của công dân tại địa phương, góp phần hạn chế phát sinh đơn thư tố cáo nặc danh, mạo danh.

Hai là, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi tiếp nhận, chuyển đơn tố cáo, giải quyết tố cáo căn cứ vào tình hình cụ thể quyết định áp dụng biện pháp sau đây: Giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và các thông tin cá nhân khác của người tố cáo trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu do người tố cáo cung cấp; lược bỏ họ tên, địa chỉ, bút tích, các thông tin cá nhân khác của người tố cáo ra khỏi đơn tố cáo và các tài liệu, chứng cứ kèm theo để quản lý theo chế độ mật khi giao cơ quan, tổ chức, cá nhân xác minh nội dung tố cáo; bố trí thời gian, địa điểm, lựa chọn phương thức làm việc phù hợp để bảo vệ bí mật thông tin cho người tố cáo khi làm việc trực tiếp với người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; áp dụng biện pháp khác theo quy định của pháp luật; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng biện pháp cần thiết để giữ bí mật thông tin của người tố cáo.

Ba là, tăng cường vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; các cơ quan, đơn vị, địa phương (cả công ty, doanh nghiệp có sử dụng lao động) quan tâm thực hiện đúng quy định pháp luật trong mọi lĩnh vực, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Bốn là, tăng cường phối hợp giải quyết tố cáo, nhất là bộ phận tiếp nhận ban đầu của từng cấp. Chỉ đạo cơ quan tham mưu thực hiện tốt công tác lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan vụ việc theo quy định, đảm bảo việc khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu lưu trữ có hiệu quả. Quá trình tổ chức thực hiện có tổ chức tổng kết, nêu gương người tố cáo đúng, kịp thời khen thưởng khích lệ tinh thần.

Cần phải khẳng định rằng lâu nay, việc góp ý, phê bình, tố cáo đúng người, đúng việc, tôn trọng sự thật, mang tinh thần xây dựng luôn được các cấp, các ngành, các cơ quan có trách nhiệm lắng nghe, tiếp thu, giải quyết. Điều này góp phần uốn nắn sai trái của cán bộ, giúp tập thể trong sạch, vững mạnh hơn. Nhờ có sự góp sức từ những người dũng cảm phê phán, đấu tranh chống lại những hành động sai trái, tiêu cực mà công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, việc đấu tranh với biểu hiện tiêu cực, việc làm sai phạm của cán bộ (nhất là cán bộ chủ chốt) có hiệu quả, góp phần tích cực củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Thực tế, nhiều tấm gương trong hoạt động này đã được tuyên dương, khen thưởng. Tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp cố tình lợi dụng việc viết đơn thư tố cáo để làm điều sai trái, gây rối, phá vỡ đoàn kết nội bộ, thậm chí làm lỡ sự nghiệp chính trị của một số cán bộ, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác nhân sự. Vì vậy, việc ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời những đối tượng tố cáo sai sự thật về công tác cán bộ là hết sức quan trọng, cấp bách.

Rõ ràng, việc giải quyết đơn thư tố cáo theo đúng các quy định của pháp luật có vai trò hết sức quan trọng, giúp phát huy hiệu quả của hoạt động này theo đúng tinh thần dân chủ "dân biết, dân bàn, dân kiểm tra". Đồng thời đối với các trường hợp tố cáo nặc danh, mạo danh sai sự thật cũng cần phải được xử lý nghiêm minh, đủ sức răn đe, vì hành vi này không chỉ gây phương hại đến các cơ quan, đơn vị, đến cá nhân có liên quan, mà còn gây chia rẽ, làm mất đoàn kết nội bộ, gây rối tình hình an ninh chính trị, ảnh hưởng tới sự lãnh đạo của Đảng, nếu người thực hiện việc làm đáng lên án này là đảng viên còn vi phạm 19 điều đảng viên không được làm, đó là: "Tố cáo mang tính bịa đặt; viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên...". Vì thế, khi mọi cá nhân nêu cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện nghiêm túc việc khiếu nại, tố cáo sẽ giúp loại bỏ dần những hiện tượng tiêu cực, giúp làm trong sạch đội ngũ cán bộ, củng cố niềm tin trong Nhân dân./.

Hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư ở Việt Nam hiện nay

Luật gia, Ths. Lê Quang Kiệm

Hội thảo tham vấn "Dự thảo báo cáo đánh giá và hướng dẫn doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước thực thi quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng" do Thanh tra Chính phủ tổ chức tháng 7/2020

Để bảo đảm phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), trong bối cảnh tăng cường hợp tác quốc tế hiện nay, Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS - được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ trong khu vực ngoài Nhà nước (khu vực tư) vào Chương "Các tội phạm khác về chức vụ". Tuy nhiên, tội phạm tham nhũng trong khu vực tư đang có chiều hướng gia tăng và ngày càng tinh vi. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay là cần thiết và phù hợp với UNCAC mà Việt Nam đã phê chuẩn có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/9/2009.

1. Cơ sở lý luận đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư

"Tham nhũng là hành vi trái pháp luật của người có chức vụ, quyền hạn hoặc được giao thực hiện công vụ, nhiệm vụ nhưng đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc công vụ, nhiệm vụ đó để vụ lợi cá nhân, làm thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân"[1].

Hình thức tham nhũng trong khu vực tư là hình thức trong đó các chủ thể tham nhũng là các cá nhân hoặc (và) các doanh nghiệp, tổ chức thuộc khu vực tư. Tham nhũng trong khu vực tư có thể được thống kê bao gồm:

Thứ nhất, tham nhũng trong kinh doanh như: Hối lộ, kế toán gian dối, trốn thuế, kinh doanh nội gián, rửa tiền, tham ô và giả mạo văn bản.

Thứ hai, tham nhũng giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp là dạng tham nhũng gây thiệt hại cho một, thậm chí cả hai bên. Điển hình nhất là tội biển thủ và các tội phạm đi kèm như giữ quỹ đen, rửa

tiền, làm giả hồ sơ giấy tờ, thậm chí lừa đảo...

Thứ ba, tham nhũng cấu kết doanh nghiệp là dạng tham nhũng gây thiệt hại cho bên thứ ba (có thể là khu vực công hoặc khu vực tư). Loại tham nhũng này thường xuất hiện phổ biến trong các hoạt động đấu thầu, đấu giá, an ninh…

Thứ tư, tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp là hình thức tham nhũng gây thiệt hại cho bản thân doanh nghiệp do sự lạm công nội bộ hoặc gây thiệt hại cho chủ doanh nghiệp. Hình thức tham nhũng này xuất hiện phổ biến trong các qui trình nhân sự, tổng tiền, lạm dụng tiền trợ cấp hoặc viện trợ...

Đặc biệt, hiện nay đã xuất hiện tội phạm tham nhũng mới với tính chất hết sức nghiêm trọng đó là tội phạm lừa đảo qua mạng hay các tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán (sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán - giao dịch nội gián hay thao túng giá chứng khoán…) diễn ra rất tinh vi, khó phát hiện.

Theo Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018 khu vực tư được điều chỉnh theo phương pháp loại trừ. Theo đó, những doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước là doanh nghiệp, tổ chức không phải là cơ quan, tổ chức, đơn vị Nhà nước được quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật PCTN 2018[2]. Luật PCTN chỉ mới quy định *"trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu quy định tại Điều 72"*[3] nhưng chưa quy định hành vi tham nhũng trong lĩnh vực tư có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hình sự. Điều này chưa thật sự phù hợp với các nội dung của UNCAC mà Việt Nam là thành viên, cụ thể: Theo quy định của UNCAC (Điều 21) thì các quốc gia cần áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để hình sự hóa hối lộ trong khu vực tư. UNCAC cũng khuyến nghị các quốc gia thành viên xem xét hình sự hóa hành vi của người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biển thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biển thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại (Điều 22).

Đối chiếu cho thấy, BLHS đã mở rộng nội hàm khái niệm tội phạm chức vụ để có thể bao gồm cả các tội phạm về chức vụ trong khu vực tư tại Điều 352 *"1. Các tội phạm về chức vụ là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ; 2. Người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ".* Như vậy, theo quy định tại BLHS thì tham nhũng trong lĩnh vực tư có bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tùy thuộc vào tội danh người phạm tội mà có thể bị phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù và khung hình phạt cao nhất là tử hình. Để hướng dẫn quy định này, ngày 30/12/2020 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là giải pháp tạm thời, đòi hỏi trong thời gian tới phải hoàn chỉnh khung pháp lý đối với tội phạm này.

Qua nghiên cứu, tác giả vẫn chưa thấy có một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý hay một khái niệm khoa học pháp lý được công bố về "tội phạm tham nhũng trong khu vực tư" tại Việt Nam hiện nay. Do vậy, để phục vụ công tác nghiên cứu, theo tác giả tội phạm tham nhũng trong khu vực tư có thể hiểu là *"những hành vi vi phạm pháp luật nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS do người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ quyền hạn của mình trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ một cách cố ý trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm vào lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm vụ lợi"*.

2. Thực trạng về tội phạm tham nhũng trong khu vực tư trên thế giới và ở Việt Nam trong thời gian qua

Theo đánh giá của Tổ chức Tiền tệ quốc tế thì mỗi năm tham nhũng gây thiệt hại từ 1.500 đến 2.000 tỷ USD trên toàn thế giới. Điều đó làm giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trên thế giới đã có nhiều công ty lớn vướng vào tham nhũng như: Công ty Panasonic Avionics Corp (PAC) chuyên cung cấp các thiết bị truyền thông - giải trí hàng không thuộc Tập đoàn Panasonic (Nhật Bản) với cáo buộc hối lộ vì mục đích kinh doanh. Các thương hiệu khác như: Oracle, General Electric, HP, AstraZeneca cũng từng phải dàn xếp hoặc bị điều tra vì vướng Đạo luật Chống tham nhũng ở nước ngoài (FCPA) của Chính phủ Hoa Kỳ. Vụ án điển hình nhất là Siemens và Tập đoàn J&F Investimentos của Brazil, cụ thể:

Vụ bê bối của Siemens được phát hiện từ tháng 11 năm 2006 và đã dẫn tới điều tra ở hơn 10 nước trên thế giới. Bởi theo cáo trạng, Siemens đã chi tiền "lại quả" để giành được hợp đồng về giao thông ở Venezuela, hối lộ để nhận được hợp đồng về mạng lưới điện thoại di động ở Bangladesh, các dự án điện ở Israel và hệ thống kiểm soát giao thông ở Nga. Ngoài ra, tiền lại quả cũng được chi cho các dự án về giao thông tại Trung Quốc, các dự án lọc dầu ở Mexico…

Tiếp đến là Tập đoàn J&F Investimentos của Brazil bị các cơ quan chức năng của Mỹ phạt hơn 256 triệu USD sau khi thừa nhận dính líu đến một vụ tham nhũng lớn. Tập đoàn J&F, chủ sở hữu của hãng chế biến thịt nổi tiếng JBS, thừa nhận đã chi hàng chục triệu USD hối lộ các quan chức Chính phủ ở Brazil thông qua các ngân hàng và bất động sản tại Mỹ. Từ năm 2017, J&F liên tục đối mặt với những cáo buộc hối lộ sau vụ bê bối tham nhũng dẫn tới việc Tổng thống Brazil khi đó là ông Michel Temer bị mất chức. Các lãnh đạo J&F thừa nhận đã hối lộ hơn 1.900 quan chức để giành nhiều hợp đồng cho tập đoàn.

Còn tại Việt Nam, theo cuộc điều tra trong khuôn khổ sáng kiến "Xây dựng năng lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa phòng ngừa tham nhũng" do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện, với sự tài trợ của Đại sứ quán Anh tại Hà Nội từ Quỹ Thịnh vượng của Vương quốc Anh cho thấy: Có đến 31% doanh nghiệp sẵn sàng đưa hối lộ, 47% doanh nghiệp đưa hối lộ nhưng sẽ thỏa thuận để có một dàn xếp có lợi hơn. Chỉ có 1/3 số doanh nghiệp nghĩ đến việc sử dụng cơ chế chính thức như tìm kiếm sự trợ giúp từ các cơ quan có thẩm quyền hay các hiệp hội doanh nghiệp, trong khi đa số các doanh nghiệp tìm cách tự giải quyết (54% doanh nghiệp không tham vấn bất cứ ai về cách phòng, chống tham nhũng). Đây cũng là một dấu hiệu cho thấy các doanh nghiệp chưa thực sự tin tưởng vào khả năng bảo vệ hoặc trợ giúp của hệ thống pháp luật, các cơ quan thi hành pháp luật và các hiệp hội kinh doanh trong lĩnh vực PCTN.

Tại Việt Nam, tham nhũng trong lĩnh vực kinh tế (chủ yếu là các tổ chức ngân hàng) trong thời gian qua có thể kể đến một số vụ án lớn như:

Vụ Hà Văn Thắm cùng 7 đồng phạm về tội "vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng": Quá trình tố tụng đến nay cho thấy: Hà Văn Thắm cùng đồng phạm đã gây thiệt hại xấp xỉ 2.000 tỉ đồng. Trong đó, Hà Văn Thắm và Nguyễn Xuân Sơn được xác định là đã tham ô hơn 49 tỉ đồng, trong số 246 tỉ đồng do lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt.

Vụ Phạm Công Danh và đồng phạm gây thất thoát hơn 15.000 tỷ đồng của Ngân hàng Xây dựng (VNCB): Ông Phạm Công Danh đã chỉ đạo cấp dưới dùng pháp nhân 29 công ty do mình thành lập hoặc mượn pháp nhân đứng tên hồ sơ vay vốn tại ba ngân hàng. Sau đó, Phạm Công Danh dùng tiền gửi của VNCB tại các ngân hàng này để cầm cố và trả nợ thay.

Vụ Hứa Thị Phấn và đồng phạm: Do muốn chiếm đoạt tiền của các cổ đông, bà Phấn chỉ đạo hội đồng quản trị và cấp dưới làm các thủ tục để Trustbank đầu tư 1.037 tỷ đồng vào 4 dự án của Công ty Phú Mỹ; Công ty CP Địa ốc Lam Giang; Công ty TNHH Phú Mỹ (do bà Phấn làm chủ). Số tiền này bà Phấn không dùng để đầu tư vào các dự án như hợp đồng mà rút tiền mặt sử dụng cá nhân. Cấn trừ vào các nghĩa vụ đã thanh toán, thiệt hại thực tế bà Phấn gây ra từ sai phạm này là hơn 900 tỷ đồng.

Vụ Huỳnh Minh Hiếu tại Đà Nẵng (cựu quản lý Siêu thị 24h): Lợi dụng chức vụ, từ tháng 4 - 9/2018, Hiếu chiếm đoạt số tiền hơn 2,2 tỷ đồng của công ty để tiêu sài cá nhân và làm tài sản riêng như chi 177 triệu đồng để chơi trò chơi điện tử, lập 2 sổ tiết kiệm 1,2 tỷ đồng, chi 139 triệu đồng để thuê khách sạn, mua vé máy bay, thuê căn hộ chung cư để chạy trốn…

Bên cạnh các vụ án liên quan đến tham nhũng trong khu vực tư trong nước, cũng đã phát sinh một số vụ án liên quan đến các công ty có vốn đầu nước ngoài tại Việt Nam, điển hình như: Vụ án tham ô tài sản xảy ra tại Công ty THHH Glonics Việt Nam; Công ty TNHH Hansol Electronics; Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam - Thái Nguyên... với các hành vi vi phạm pháp luật như: Mua hóa đơn GTGT, làm giả việc có mua, nhập hàng vào kho nguyên liệu của công ty và lập khống chứng từ thanh toán... để từ đó chiếm đoạt tài sản.

Qua các vụ án nêu trên có thể thấy rõ tội phạm tham nhũng trong khu vực tư vẫn còn diễn ra hết sức phức tạp và ngày càng tinh vi. Đã xuất hiện tội phạm mới, đó là lừa đảo qua mạng và tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán, điển hình: Vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua Facebook của gần 500 nạn nhân trên cả nước với tổng số tiền chiếm đoạt lên đến 117 tỷ đồng... tại Thừa Thiên Huế; vụ án hình sự liên quan đến Lê Văn Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Dược Viễn Đông cùng đồng bọn bị cơ quan chức năng khởi tố và đưa ra xét xử về tội thao túng giá chứng khoán... Xét trên nhiều khía cạnh, thì các loại tội phạm này cũng có thể được xem như tội phạm tham nhũng trong khu vực tư.

3. Một số giải pháp hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay

Trên thế giới đã có nhiều nước xây dựng một hệ thống pháp luật, gồm nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành hoặc một luật chuyên ngành để điều chỉnh hành vi tham nhũng trong khu vực tư khá hoàn chỉnh, điển hình như:

Ở Đức, BLHS của Cộng hòa liên bang Đức quy định về tội phạm tham nhũng trong khu vực tư gồm các tội phạm về cạnh tranh; nhận và đưa hối lộ trong giao dịch kinh doanh. Những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng của nhận và đưa hối lộ trong giao dịch kinh doanh. Hình phạt cao nhất lên đến 5 năm tù giam và tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra, các luật khác có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã quy định các vi phạm hành chính về đưa, nhận lợi ích có liên quan đến phiếu bầu tại các đại hội cổ đông của doanh nghiệp, của hợp tác xã.

Ở Liên bang Nga, Luật Chống tham nhũng quy định các hành vi tham nhũng, bao gồm: Lạm dụng chức vụ hoặc quyền hạn, đưa hối lộ cho công chức quốc gia hoặc công chức nước ngoài/công chức của tổ chức quốc tế công, hối lộ thương mại (gồm cả đưa và nhận), hỗ trợ (môi giới) hối lộ. Theo quy định của Luật Chống tham nhũng, chủ thể của các hành vi tham nhũng trong kinh doanh bao gồm: Thành viên của hội đồng quản trị; thành viên của ban giám đốc; người đang thực hiện một công việc hoặc trách nhiệm thường xuyên hoặc tạm thời đối với những chức năng tổ chức, kỉ luật, hành chính hoặc kinh tế của tổ chức.

Ở Nhật Bản, có một hệ thống pháp luật chống tham nhũng trong khu vực tư khá toàn diện và chặt chẽ, gồm: Luật Công ty, Luật về các công cụ và giao dịch công cụ tài chính, Luật Phá sản, Hướng dẫn phòng ngừa hối lộ công chức nước ngoài - Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp. Trong Luật Công ty, quy định một số tội phạm về tham nhũng trong kinh doanh như: Các tội phạm

bội tín; tội sử dụng tài liệu giả mạo; tội đưa hoặc nhận hối lộ. Tương tự như vậy, Luật về các công cụ tài chính và giao dịch công cụ tài chính cũng quy định tội đưa và nhận hối lộ.

Singapore đã ban hành Đạo luật Ngăn chặn Tham nhũng (PCA), trong đó đặt nghĩa vụ chứng minh cho các bị cáo thấy rằng họ đã sở hữu tài sản một cách hợp pháp. Bất kỳ một sự giàu có nào không được giải trình hợp lý với các nguồn thu nhập được kê khai sẽ bị điều tra và có thể bị tịch thu. Điều đặc biệt của PCA đó là cung cấp thẩm quyền ngoài lãnh thổ đối với các hành vi tham nhũng của công dân Singapore ở nước ngoài. Theo đó, những hành vi tham nhũng của công dân Singapore dù diễn ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia đều được xử lý giống như hành vi của công dân trong nước, dù hành vi tham nhũng ấy có gây ra hậu quả đối với Singapore hay không (Cục Điều tra tham nhũng 2016a).

Từ những kinh nghiệm nêu trên của một số nước trên thế giới, để hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, thiết nghĩ cần có một số giải pháp sau:

Thứ nhất, để bảo đảm phù hợp với UNCAC, trong bối cảnh tăng cường hợp tác quốc tế hiện nay, BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung phạm vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước vào chương tham nhũng chức vụ. Tuy nhiên, quy định hiện tại còn mâu thuẫn giữa BLHS, Luật Doanh nghiệp, Luật PCTN dẫn đến khó áp dụng. Cụ thể: Khoản 2 Điều 2 của Luật PCTN quy định hành vi tham nhũng khu vực tư bao gồm: Tham ô tài sản, nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi, cho thấy chủ thể bao gồm cả pháp nhân và cá nhân. Điều này mâu thuẫn với quy định trong BLHS (vì BLHS không có chủ thể pháp nhân tham nhũng cũng như tội danh tham nhũng không có tội đưa hối lộ, môi giới hối lộ). Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay tội phạm tham nhũng trong khu vực tư đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, cần có sự điều chỉnh, thống nhất của các văn bản luật liên quan nhằm tăng chế tài hình sự về tội phạm tham nhũng trong khu vực tư góp phần nâng cao hiệu quả công tác PCTN trong thời gian tới. Đặc biệt, là tội phạm mới như: Lừa đảo qua mạng hay các tội phạm trong lĩnh vực chứng khoán.

Thứ hai, trong thời gian gần đây sự phát triển và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân ngày càng nhiều vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước ta. Đặc biệt, đã có nhiều quy định pháp luật cho phép các đơn vị, pháp nhân, cá nhân tham gia ngày càng nhiều vào việc thực hiện các dịch vụ công như: Công chứng, giám sát, giám định, phiên dịch, cung ứng cho việc mua sắm tài sản công... Việc xã hội hóa dịch vụ công mang đến "lợi ích kép" cho cả khu vực Nhà nước và khu vực tư nhân, Nhà nước giảm được gánh nặng, tập trung hơn vào công tác quản lý vĩ mô, từ đó tạo điều kiện để khu vực tư nhân có cơ hội đầu tư và cạnh tranh phát triển. Nhiều nhà cung ứng dịch vụ công sẽ tạo ra sự cạnh tranh nên dịch vụ cung cấp được rẻ hơn, tốt hơn; mặt khác, bộ máy Nhà nước cũng trở nên gọn nhẹ và tiết kiệm hơn.

Tuy nhiên, vì lợi ích cũng phát sinh nhiều tiêu cực, không ít trường hợp cá nhân, doanh nghiệp trong khu vực tư nhận tiền, tài sản để làm những việc sai trái theo yêu cầu của người đưa tiền, tài sản. Do đó, việc sớm sửa đổi, bổ sung trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân trong khu vực tư theo Điều 21 UNCAC vào BLHS là rất cần thiết. Việc hình sự hóa hành vi trên đây góp phần tạo cơ sở pháp lý cần thiết cho công tác PCTN ở Việt Nam trong thời gian tới, tạo ra sự tương đồng, phù hợp giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, qua đó hỗ trợ hoặc tiếp nhận hỗ trợ của các nước, các tổ chức quốc tế trong việc đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả ở Việt Nam.

Thứ ba, nghiên cứu sửa đổi chuyển tội đưa hối lộ và tội môi giới hối lộ từ phần "Các tội phạm khác về chức vụ" lên phần "Các tội phạm tham nhũng" tại Chương XXIII của BLHS năm 2015 để đảm bảo tính khả thi trong thi hành BLHS và thực hiện các biện pháp PCTN trong lĩnh vực tư và để phù hợp với Điều 21 điểm (b) của UNCAC. Bên cạnh đó, cần sớm luật hóa hành vi biển thủ tài sản trong lĩnh vực tư vào BLHS để phù hợp với Điều 22 "*yêu cầu các quốc gia thành viên xem xét hình sự hóa hành vi của người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc lĩnh vực tư biển thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biển thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại*" của UNCAC. Việc sửa đổi, bổ sung này là cần thiết nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý đối với tội phạm tham nhũng trong khu vực tư trong điều kiện hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay. Bởi lẽ, sự thiếu vắng các biện pháp liên quan này sẽ làm hạn chế phần nào công cụ của pháp luật trong cuộc chiến chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.

Chú thích:

[1] Lê Quang Kiệm (2018), "Sửa đổi, bổ sung khái niệm và chủ thể của tham nhũng góp phần hoàn thiện các quy định về phát triển và xử lý tham nhũng hiện hành", http://tcdcpl.moj.gov.vn, ngày 30/7/2018.

[2] Khoản 9, khoản 10 Điều 3 Luật PCTN năm 2018.

[3] Điều 72 Luật PCTN quy định "người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng của người do mình trực tiếp quản lý, giao nhiệm vụ; cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp khi để xảy ra tham nhũng trong lĩnh vực công tác và trong đơn vị do mình được giao trực tiếp phụ trách; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới".

Kinh nghiệm rút ra qua giải quyết vụ việc KNTC phức tạp, kéo dài

Minh Nguyệt

Ngày 23/02/2021, Thanh tra Chính phủ (TTCP) đã có Thông báo số 262/TB-TTCP về kết quả kiểm tra, rà soát lại vụ việc khiếu nại (KN) của ông Nguyễn Ngọc Lợi. Theo đó, nội dung KN, kiến nghị của ông Lợi là có cơ sở để giải quyết; việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của ông Lợi từ năm 1990 đến năm 2020 của một số cơ quan, tổ chức còn chưa chính xác, thiếu khách quan. Như vậy, ông Lợi mất 32 năm đi KN nhưng không được giải quyết thỏa đáng, song TTCP chỉ mất 15 ngày giải quyết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho công dân. Vụ việc được dư luận xã hội quan tâm, đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

Ông Nguyễn Mạnh Cường, Tổ trưởng Tổ kiểm tra (ảnh phải) cùng ông Nguyễn Ngọc Lợi

Giải quyết quyền lợi cho công dân sau 32 năm khiếu nại

Theo hồ sơ vụ việc, ông Nguyễn Ngọc Lợi sinh ngày 10/6/1953, quê quán Tứ Xã, Lâm Thao, Vĩnh Phú (nay là Phú Thọ). Ông Lợi nguyên là quân nhân, thuộc diện cán bộ đi B, sau giải phóng miền Nam được Uỷ ban Thống nhất của Chính phủ điều động về Ban Tổ chức tỉnh Vĩnh Phú và được tiếp tục cho đi học hoàn thiện văn hoá lớp 10 ở Vĩnh Phú.

Sau khi tốt nghiệp cấp III, Ban Tuyển sinh - Ban Tổ chức tỉnh Vĩnh Phú đã phê duyệt cho ông Lợi đi học. Đồng thời, Uỷ ban Thống nhất của Chính phủ có quyết định điều động ông Lợi đến học tại Phân hiệu Đại học Y khoa miền núi (sau chuyển thành Đại học Y Bắc Thái, nay là Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên - sau đây gọi chung là Trường). Ông được công nhận tốt nghiệp vào năm 1988 nhưng do việc bàn giao hồ sơ của Trường với Sở Y tế Vĩnh Phú thực hiện chưa đúng nên không được phân công công tác, không thể xin được việc làm chính thức và không được hưởng chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật.

Từ năm 1990 đến năm 2019, ông Lợi đã có đơn gửi Trường và nhiều cơ quan: Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế Vĩnh Phú, Sở Y tế Phú Thọ, Văn phòng Chính phủ, Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao. Mặc dù, đã được Thủ tướng Chính phủ qua các thời kỳ có ý kiến chỉ đạo nhưng không được các cơ quan có trách nhiệm giải quyết thoả đáng. Do đó, ông Lợi tiếp tục có đơn gửi Thủ tướng Chính phủ KN và kiến nghị.

Vụ việc sau đó được giao cho TTCP, do Phó Tổng TTCP Trần Ngọc Liêm phụ trách và Vụ Thanh tra, Giải quyết KN, tố cáo (TC) khối văn hóa, xã hội (Vụ III) tiến hành rà soát, kiểm tra; thanh tra viên cao cấp Nguyễn Mạnh Cường làm Tổ trưởng Tổ kiểm tra.

Từ kết quả kiểm tra, rà soát, TTCP kết luận, các nội dung KN, kiến nghị của ông Lợi là có cơ sở giải quyết. Theo TTCP, việc giải quyết các KN, kiến nghị của ông Lợi từ năm 1990 đến năm 2020 của một số cơ quan, tổ chức còn thiếu trách nhiệm, chưa chính xác, không khách quan.

Trên cơ sở đó, TTCP kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng khôi phục và bàn giao cho ông Lợi giấy tờ, tài liệu, hồ sơ có liên quan để ông

thực hiện các thủ tục hưởng các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đền bù thiệt hại cho ông Lợi do bị mất thu nhập chính đáng từ năm được công nhận tốt nghiệp đến thời điểm nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo diễn biến mức lương ngạch bậc công chức, viên chức được quy định tại các nghị định của Chính phủ theo từng giai đoạn và thu nhập khác theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan tổ chức kiểm điểm nghiêm khắc, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và có hình thức kỷ luật theo quy định. Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đồng ý với những kiến nghị của TTCP.

Tôn trọng sự thật khách quan trong giải quyết khiếu nại

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Thanh tra về vụ việc của ông Nguyễn Ngọc Lợi, ông Nguyễn Mạnh Cường, Tổ trưởng Tổ kiểm tra cho biết, đây là vụ việc phức tạp, kéo dài qua nhiều giai đoạn lịch sử, qua nhiều cấp giải quyết nhưng không phải vụ việc quá khó, vì sự thật khách quan luôn tồn tại, không có vụ việc nào là khó khăn, đến mức không giải quyết được. Quan trọng là người chỉ đạo và người giải quyết vụ việc đó xử lý như thế nào.

Theo ông Cường, trong giải quyết KN của người dân, đầu tiên phải có sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo, nhằm định hướng những vấn đề mấu chốt để giải quyết vụ việc đúng pháp luật. Sau đó cán bộ giải quyết vụ việc cần tôn trọng sự thật khách quan, quá trình giải quyết phải ghi nhận tình tiết thực tế đã và đang tồn tại, áp dụng đúng pháp luật - không bị chi phối bởi các quan hệ khác.

"Thực ra cán bộ giải quyết KNTC có thái độ và đặt quyết tâm làm không, có muốn giải quyết dứt điểm vụ việc không và lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo vụ việc có sát sao hay không. Còn việc giải quyết nhanh hay chậm phụ thuộc vào năng lực cá nhân của người giải quyết", ông Nguyễn Mạnh Cường bày tỏ. Vụ việc của ông Lợi là minh chứng rõ ràng nhất cho vấn đề này: Tại sao nhiều cơ quan đã giải quyết nhưng ông Lợi không đồng ý với quyết định giải quyết KN, tiếp tục KN kéo dài đến cơ quan Trung ương và TTCP lại giải quyết dứt điểm được vụ việc trong 15 ngày, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người KN, được các cơ quan liên quan và xã hội đồng tình, ủng hộ.

Kinh nghiệm rút ra

Qua vụ việc của ông Nguyễn Ngọc Lợi nói riêng và một số vụ KNTC phức tạp, kéo dài đã giải quyết nói chung, ông Nguyễn Mạnh Cường cho biết, có thể rút ra một số kinh nghiệm trong giải quyết KNTC phức tạp, kéo dài như sau:

Thứ nhất, việc khảo sát, nắm tình hình, đọc hồ sơ, nghiên cứu tài liệu có vai trò rất quan trọng. Nếu khảo sát, nghiên cứu hồ sơ kỹ, chắc chắn có thể nắm chắc được gần 50% nội dung vụ việc. Việc khảo sát phải tìm ra được những vấn đề mấu chốt cần giải quyết, tránh được tình trạng khi bắt tay vào giải quyết vụ việc mới đi "dò tìm"; phải xác định rõ được tài liệu cần bổ sung, xác minh thêm. Từ đó, xác định ngay những cơ quan, đơn vị nào cần phải đến kiểm tra xác minh trực tiếp để có kế hoạch làm việc cụ thể từng ngày. Đây là năng lực cá nhân cần phải được đào tạo và tích lũy từ thực tiễn. Trong đó, cần chú ý về mặt phương pháp luận, mỗi lĩnh vực thanh tra, giải quyết KNTC, phòng, chống tham nhũng đều có phương pháp luận giải quyết, xử lý vụ việc khác nhau, vì vậy nội dung thuộc lĩnh vực nào cần áp dụng phương pháp luận ở lĩnh vực đó để giải quyết mới đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Thứ hai, căn cứ kế hoạch làm việc đã được xây dựng sau khi khảo sát, cần lập yêu cầu cung cấp tài liệu và đề cương chi tiết, cụ thể kèm theo khi gửi quyết định giải quyết KN cho từng đối tượng để khi tiến hành thủ tục công bố quyết định, tất cả các bên liên quan đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu. Việc này sẽ loại bỏ được các lý do chủ quan, hoặc các cản trở khách quan về cung cấp tài liệu, rút ngắn được rất nhiều thời gian giải quyết.

Thứ ba, cần có phương pháp giải quyết vụ việc khoa học, bài bản, không nên chỉ làm theo kinh nghiệm, lối mòn. Trong giải quyết KNTC cần đặc biệt lưu ý phương pháp đóng vai, nghĩa là đặt người giải quyết vào từng người, từng cơ quan đã giải quyết chứ không riêng chỉ đóng vai người KNTC. Qua đó, sẽ đánh giá thái độ, phản ứng của từng bên, từ đó tìm ra bản chất vấn đề và cách thức xử lý khách quan.

Đối với các vụ việc KNTC kéo dài, phức tạp phải triệt để tuân thủ nguyên tắc khách quan và lịch sử - cụ thể vì vụ việc đã được các cấp, các cơ quan khác giải quyết rồi và họ đều có lý của họ. Nếu giải quyết và kết luận thay đổi nội dung đã giải quyết thì phải làm rất khách quan, nếu không thì các cơ quan đó sẽ phản bác. Vụ việc của ông Nguyễn Ngọc Lợi phải đặc biệt chú ý đến nguyên tắc lịch sử - cụ thể vì vụ việc đã được xử lý qua nhiều giai đoạn từ sau giải phóng miền Nam đến nay, nếu chung chung sẽ có sai lầm.

Trong vụ việc này, nhiều cấp giải quyết mắc một sai lầm cơ bản và lặp lại là đều nêu lý do vụ việc không có tình tiết mới, ông Lợi không cung cấp được hồ sơ tài liệu gì khác nên không giải quyết. Trong khi đã có sai sót, vi phạm ngay từ những khâu đầu tiên nên không có tình tiết mới, không cần tình tiết mới thì bản chất vụ việc đã sai ngay từ đầu. Hai là, việc chứng minh hành vi vi phạm thuộc về cơ quan giải quyết KNTC, không phải trách nhiệm của người KNTC, trong đó việc kiểm tra xác minh để tìm ra sự thật khách quan là nghĩa vụ của người giải quyết KNTC đã được luật quy định cần phải được tiến hành triệt để.

TTCP giải quyết KN của ông Lợi trong thời gian 15 ngày nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác, khách quan, đồng thời đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của ông. Đây có thể coi là một "án lệ" để không chỉ TTCP mà ngành Thanh tra giải quyết các vụ việc KNTC đông người, phức tạp, kéo dài, nhất là các vụ việc còn lại theo Kế hoạch số 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 của TTCP một cách nhanh chóng, chính xác, khách quan./.

Góp ý hoàn thiện
Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)

Ths. Dương Văn Quý
Phân hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội tỉnh Đắk Lắk

Hội nghị giao ban cấp vụ do Tổng Thanh tra Chính phủ Lê Minh Khái chủ trì, tháng 12/2020. *Ảnh: Minh Nguyệt*

Luật Thanh tra đã được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2011. Qua gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật Thanh tra đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng trong việc hoàn thiện tổ chức và nâng cao hoạt động thanh tra, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và công tác phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện, Luật Thanh tra cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế, gây khó khăn vướng mắc, làm giảm hiệu quả, hiệu lực của hoạt động thanh tra, không còn đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Bởi vậy, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động thanh tra là một việc làm cấp thiết hiện nay. Bài viết phân tích, đánh giá và góp ý hoàn thiện một số quy định của Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)[1] (sau đây gọi là Dự thảo).

1. Về phạm vi điều chỉnh

Việc xác định rõ hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính minh bạch của pháp luật, đảm bảo thực hiện pháp luật được đúng đắn, thống nhất, qua đó nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với các quan hệ xã hội. Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật được xác định theo thời gian, không gian và đối tượng tác động. Trong đó, hiệu lực theo đối tượng tác động của văn bản quy phạm pháp luật là những cá nhân, tổ chức có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành. Mỗi văn bản quy phạm pháp luật có đối tượng tác động riêng và thường là một loại đối tượng nhất định để phát huy cao nhất hiệu quả điều chỉnh của văn bản. Ngày nay, kĩ thuật lập pháp ngày càng được nâng cao, hiệu lực theo đối tượng tác động được ghi rõ trong điều khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản đó.

Dự thảo xác định đối tượng tác động của văn bản được quy định tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, cụ thể: *"Luật này quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra của các cơ quan hành chính Nhà nước, của các cơ quan khác của Nhà nước"*. Phạm vi điều chỉnh của Dự thảo tương tự phạm vi điều chỉnh của Luật Thanh tra năm 2010 (Điều 1), theo đó, đối tượng tác động là *"tổ chức và hoạt động thanh tra"*. Tuy nhiên, việc Dự thảo quy định

phạm vi điều chỉnh là tổ chức, hoạt động thanh tra của *các cơ quan hành chính Nhà nước, của các cơ quan khác của Nhà nước* là chưa chính xác và đầy đủ. Bởi hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước được tổ chức ở 4 cấp là cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh và trung ương[2]. Nhưng hệ thống cơ quan thanh tra không được tổ chức đầy đủ như hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước, không phải ở cơ quan hành chính Nhà nước nào cũng có cơ quan được giao thực hiện hoạt động thanh tra[3]. Mặt khác, Dự thảo cũng quy định tổ chức và hoạt động của thanh tra nhân dân tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước (Điều 17), bên cạnh thanh tra Nhà nước. Chính vì vậy, để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ cũng như thể hiện sự phân công quyền lực rõ ràng trong bộ máy Nhà nước, tính ổn định của văn bản luật, bài viết góp ý nên sửa đổi Điều 1 của Dự thảo theo hướng giữ nguyên quy định tại Điều 1 Luật Thanh tra năm 2010, cụ thể như sau: "*Luật này quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra Nhà nước và thanh tra nhân dân*".

2. Về quy định các hành vi bị nghiêm cấm

Điều 8 Dự thảo quy định các hành vi bị nghiêm cấm, gồm: "*1. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. 2. Thanh tra không đúng thẩm quyền, phạm vi, nội dung thanh tra được giao, kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt. 3. Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; bao che cho đối tượng thanh tra; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật. 4. Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra. 5. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người làm nhiệm vụ thanh tra, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra. 6. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của đoàn thanh tra. 7. Đưa, nhận, môi giới hối lộ trong hoạt động thanh tra. 8. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật*". Các hành vi bị nghiêm cấm của quy định này được áp dụng cho các đối tượng sau: Cơ quan thanh tra; đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác. Cách quy định này có ưu điểm là dễ tìm kiếm, không trùng lặp về nội dung, tránh mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật quy định chung một vấn đề. Tuy nhiên, mỗi loại chủ thể có đặc điểm riêng khác nhau, nên không thể có quy định như nhau đối với tất cả đối tượng. Trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, nhân viên Nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép, nếu không thực hiện nghiêm thì phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi dành cho mình. Cho nên, Điều 8 Dự thảo chỉ nên quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác, bao gồm: *Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, thiếu trung thực; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra. Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người làm nhiệm vụ thanh tra, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của đoàn thanh tra. Đưa, nhận, môi giới hối lộ trong hoạt động thanh tra. Các hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật*".

3. Về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thanh tra

Chức năng của các cơ quan thanh tra thể hiện trên các lĩnh vực sau: Thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng[4]. Để thực hiện chức năng của cơ quan thanh tra, Dự thảo đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể trong các lĩnh vực của cơ quan thanh tra. Tuy nhiên, Dự thảo có phạm vi điều chỉnh là quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra, đối với lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đã có riêng từng pháp luật chuyên ngành điều chỉnh, chẳng hạn như Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng... Cho nên, Dự thảo không nên quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra về các lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, có thể dẫn đến quy định lặp lại nội dung đã được quy định hoặc chồng chéo, mâu thuẫn nhiệm vụ, quyền hạn trong thực tiễn. Bài viết ủng hộ việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thanh tra về các lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng như Luật Thanh tra năm 2010[5]. Vì vậy, Dự thảo nên được sửa lại theo hướng bỏ các quy định sau: Khoản 2, 3 và 5 Điều 16; khoản 2, 3 Điều 20; khoản 2, 4 Điều 28;

4. Về tiêu chuẩn chung của thanh tra viên

Thanh tra là một hoạt động đòi hỏi người tiến hành phải có kiến thức tổng hợp, vừa phải có trình độ được đào tạo, vừa phải có kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn. Hiệu quả hoạt động của tổ chức thanh tra phụ thuộc phần lớn vào trình độ, năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm công tác của người tiến hành thanh tra, "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém", do vậy Dự thảo đưa ra quy định tiêu chuẩn chung của thanh tra viên. Tiêu chuẩn chung của thanh tra viên được quy định tại khoản 1 Điều 44 của Dự thảo được kế thừa toàn bộ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Thanh tra năm 2010, cụ thể: "*a) Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan; b) Tốt nghiệp đại học, có kiến thức quản lý Nhà nước và am hiểu pháp luật; đối với thanh tra viên chuyên ngành còn phải có kiến thức chuyên môn về chuyên ngành đó; c) Được Tổng Thanh tra Chính phủ cấp chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra phù hợp với các ngạch thanh tra viên; d) Có ít nhất 02 năm làm công tác thanh tra (không kể thời gian tập sự), trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác từ 05 năm trở lên chuyển sang cơ quan thanh tra Nhà nước*". Thanh tra viên là công chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân[6], phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp

của tổ chức, công dân, công khai, minh bạch trong thi hành công vụ[7]; công dân để được tuyển chọn vào Công an nhân dân, trước tiên, phải có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức[8] và khi hoạt động phải đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật[9]; điều kiện tuyển chọn đào tạo sĩ quan là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức[10], đội ngũ sĩ quan đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam[11]. Như vậy, các quy định trên, đều đáp ứng tiêu chuẩn *"trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan"* mà Dự thảo đã quy định, vì vậy, không nên quy định lặp lại nội dung này ở những văn bản quy phạm pháp luật khác. Do đó, khoản 1 Điều 44 Dự thảo nên được sửa đổi lại theo hướng bỏ quy định tại điểm a, cụ thể như sau: "*1. Thanh tra viên phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau đây: Tốt nghiệp đại học, có kiến thức quản lý Nhà nước và am hiểu pháp luật; đối với Thanh tra viên chuyên ngành còn phải có kiến thức chuyên môn về chuyên ngành đó; được Tổng Thanh tra Chính phủ cấp chứng chỉ bồi dưỡng về nghiệp vụ thanh tra phù hợp với các ngạch thanh tra viên; có ít nhất 02 năm làm công tác thanh tra (không kể thời gian tập sự), trừ trường hợp là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân công tác ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác từ 05 năm trở lên chuyển sang cơ quan thanh tra Nhà nước*".

Thanh tra viên là một chức danh trong hệ thống các chức danh công chức Nhà nước thuộc hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước. Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn là thống nhất quản lý Nhà nước về tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, chế độ công vụ, công chức, viên chức[12]. Cho nên, sẽ hợp lý nhất là để Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với từng ngạch thanh tra viên. Việc quy định cụ thể tiêu chuẩn bổ nhiệm vào ngạch thanh tra viên; thanh tra viên chính; thanh tra viên cao cấp tại các Điều 45, Điều 46 và Điều 47 Dự thảo sẽ không hợp lý về mặt thẩm quyền và ảnh hưởng đến tính ổn định lâu dài của văn bản luật. Vì vậy, Dự thảo nên giữ nguyên quy định tại Điều 31, Điều 33 của Luật Thanh tra năm 2010 và bỏ các quy định tại Điều 43, Điều 45, Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Dự thảo.

5. Về hoạt động thanh tra

Dự thảo quy định hoạt động thanh tra được thực hiện theo kế hoạch hoặc đột xuất (Điều 50), giảm một hình thức thanh tra so với Luật Thanh tra năm 2010 là thanh tra thường xuyên.

Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng hoặc do thủ trưởng cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền giao, là những cuộc thanh tra phức tạp, cần nhiều thời gian và nhân lực. Cho nên, đối với đoàn thanh tra trong trường hợp này nên cần có phó trưởng đoàn thanh tra. Hiện nay, Luật Thanh tra năm 2010 và Dự thảo cũng mới chỉ quy định: Khi cần thiết thì có phó trưởng đoàn thanh tra trong đoàn thanh tra, mà chưa quy định cụ thể, rõ ràng trong trường hợp này. Vì vậy, để có cơ sở pháp lý rõ ràng, tạo sự minh bạch, khách quan, thuận lợi trong quá trình thành lập đoàn thanh tra thực hiện việc thanh tra đột xuất thì cần có thêm một phó trưởng đoàn thanh tra. Theo đó, khoản 2 Điều 57 Dự thảo nên được sửa đổi lại theo hướng sau: "*Đoàn thanh tra có trưởng đoàn thanh tra, phó trưởng đoàn thanh tra (trong trường hợp thanh tra đột xuất), thành viên đoàn thanh tra. Phó trưởng đoàn thanh tra có trách nhiệm giúp trưởng đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ được giao, phụ trách một số hoạt động của đoàn thanh tra khi được trưởng đoàn thanh tra giao. Thành viên đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của trưởng đoàn thanh tra*".

Để Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) tạo cơ sở pháp lý cho quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động thanh tra trên cơ sở tinh thần của Nghị quyết 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Chiến lược phát triển ngành thanh tra đến 2020, tầm nhìn 2030, thể chế hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về kiểm soát quyền lực Nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân thì Dự thảo cần phải được tiếp tục nghiên cứu, trao đổi hoàn thiện trong thời gian tới.

Chú thích:

(1) Toàn văn Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ, https://thanhtra.gov.vn/web/guest/lay-y-kien-du-thao-ve-vbqppl/-/duthao/gopyduthaovanban/92602?_4_WAR_vnptportalduthaovanbanportlet_redirectURL=%2Flay-y-kien-du-thao-ve-vbqppl, truy cập ngày 08/02/2021.

(2) Xem Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

(3) Xem Điều 14 Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi).

(4) Xem Điều 15, Điều 19, Điều 23, Điều 27, Điều 31 và Điều 35 Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi).

(5) Xem khoản 3, 4 của các Điều 15, Điều 18, Điều 21, Điều 27 và khoản 9, 10 Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010.

(6) Khoản 1, Điều 43 Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi)..

(7) Điều 3 Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

(8) Khoản 1, Điều 7 Luật Công an nhân dân năm 2008.

(9) Điều 4 Luật Công an nhân dân năm 2008.

(10) (11) Điều 4 , Điều 3 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2008, năm 2014 và năm 2019.

(12) Khoản 1, Điều 23 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi) được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Thanh tra Chính phủ;

2. Luật Công an nhân dân năm 2008.

3. Luật Thanh tra năm 2010.

4. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

5. Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2008, năm 2014 và năm 2019.

6. Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

7. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2019.

Những vấn đề cần đặt ra trong công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ

Thượng tá, Ths. Vũ Hồng Thanh
TTVCC, Phó trưởng Phòng 5, Thanh tra Bộ Công an

Hiểu theo nghĩa chung nhất, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (VK, VLN, CCHT) là sự tác động thường xuyên, liên tục của chủ thể quản lý (Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao quyền) lên đối tượng quản lý thông qua các quy định, quy tắc có tính chất bắt buộc, nhằm bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị xã hội và các mục đích khác đề ra. Trong hàng nghìn năm qua, sự ra đời, tồn tại và phát triển của VK luôn gắn liền với lịch sử hình thành, phát triển của xã hội loài người. Ban đầu con người chế tạo, sử dụng VK thô sơ như cung, tên, lao... để săn bắn, tự vệ; đến nay con người đã chế tạo nhiều loại VK, VLN, CCHT ngày càng tinh vi hơn có tác dụng sát thương, sức phá hủy, trấn áp ngày càng lớn hơn, được sử dụng với các mục đích khác nhau trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh hay kinh tế, dân sự... Việc quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT, nhất là VK hủy diệt hàng loạt có tầm quan trọng đặc biệt không chỉ trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, đòi hỏi có sự thống nhất, tham gia của nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế, như Hiệp ước cấm sử dụng VK hạt nhân, Hiệp ước kiểm soát VK tiến công chiến lược, Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng VK hóa học… nhưng việc quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT của từng quốc gia vẫn phụ thuộc rất nhiều vào ý chí của chủ thể quản lý, trong đó Nhà nước là chủ thể quản lý cơ bản, quan trọng nhất.

Pháp luật quản lý, sử dụng VK ở Việt Nam và các quốc gia Âu, Mỹ có các quy

định khác nhau, điển hình, tại Mỹ, Hiến pháp (Tu chính số 02) đã nêu "quyền của người dân được sở hữu và trang bị VK, không thể bị xâm phạm". Nhiều nước phương Tây cũng có các quy định cho công dân được mua, sử dụng VK sau khi đã được kiểm tra về lý lịch, tâm lý, sức khỏe; cơ quan quản lý cấp giấy phép sử dụng súng có thời hạn cho công dân với mục đích săn bắn, tự vệ, thể thao. Pháp luật của Liên bang Nga phân VK thành nhiều loại (VK dân sự, VK công vụ và VK chiến đấu), trong đó lực lượng vũ trang của Nhà nước được quyền sử dụng cả ba nhóm nêu trên, nhưng pháp nhân và thể nhân ngoài lực lượng vũ trang thì chỉ được quyền sở hữu dân dụng và công vụ, nếu có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Theo báo cáo được công bố của Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc, nước Mỹ, tỷ lệ sở hữu súng cá nhân cao nhất thế giới (chiếm đến 89%), tương đương với 270 triệu người Mỹ có súng ở trong nhà. Trung bình mỗi năm nước Mỹ có khoảng 30.000 người chết liên quan đến súng, đỉnh điểm là năm 2007 số người chết vì súng lên đến con số 34.000 người, trong đó có nhiều vụ xả súng đẫm máu ở trường học, siêu thị gây thiệt hại 229 tỉ đôla, chiếm 1,4% GDP của nước này. Tình hình hoạt động tội phạm, khủng bố, sử dụng VK, VLN trái phép ở một số nước Châu Âu xảy ra khá phổ biến, nhiều vụ gây hậu quả rất nghiêm trọng. Phản ứng với tình hình trên, ngay trong lòng nước Mỹ đã xuất hiện nhiều phong trào chống bạo lực súng, đạn thu hút hàng triệu người tham gia, yêu cầu Chính phủ Mỹ siết chặt việc quản lý, sử dụng súng, đạn.

Ở Việt Nam, ngay từ thời kỳ phong kiến, đã thực hiện quản lý chặt chẽ các loại VK. Quốc triều Hình luật hay còn gọi là Luật Hình triều Lê (1428-1788) đã quy định hình phạt rất nặng cho việc chế tạo, sử dụng VK trái phép[1]. Sau khi giành được độc lập, Nhà nước ta đã từng bước ban hành, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn lịch sử, từ các nghị định, pháp lệnh[2], đến Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT năm 2017, sau đó là Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT năm 2019. Hệ thống pháp luật về quản lý VK, VLN, CCHT hiện hành của nước ta quy định khá chi tiết, cụ thể về công tác quản lý, sử dụng VK, VLN, tiền chất nổ, CCHT, trong đó quy định chỉ một số đối tượng nhất định mới được trang bị VK, CCHT; trình tự thủ tục mua, trang bị, cấp giấy phép sử dụng, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, vận chuyển, sửa chữa VK, VLN, CCHT; các trường hợp nổ súng quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự; công tác tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy VK, VLN, CCHT và quản lý Nhà nước về VK, VLN, CCHT. Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương và UBND các cấp đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện quản lý chặt chẽ VK, VLN, CCHT và sử dụng đúng quy định, nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, trong thời gian qua tình hình vi phạm quy định về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT có diễn biến phức tạp, đã xảy ra nhiều vụ án đối tượng sử dụng VK "nóng" gây án giết người, trả thù cá nhân, săn bắn nhầm, làm chết và bị thương một số người, nhiều vụ đối tượng thực hiện hành vi công khai, trắng trợn, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật gây hoang mang trong dư luận. Theo thống kê, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2020, công an các địa phương đã phát hiện 3.381 vụ (tăng 1.073% so với cùng kỳ năm 2019), 5.452 đối tượng (tăng 1.086%) liên quan đến VK, VLN, CCHT; đã khởi tố 598 vụ, 129 đối tượng; xử lý vi phạm hành chính 1.746 vụ, 2.236 đối tượng; thu giữ 1.223 khẩu súng các loại, 95 lưu đạn, bom mìn, 7.745, 85 kg thuốc nổ, 38,6 kg tiền chất thuốc nổ... Một số vụ điển hình: Hồi 21h ngày 13/01/2020 trên địa bàn xã Phú xá, Cao Lộc, Lạng Sơn, đối tượng Lý Văn Sắn đã sử dụng súng AK bắn làm 02 người chết, 05 người bị thương; ngày 21/01/2020 đối tượng Lê Quốc Tuấn dùng súng AK bắn chết 04 người, bị thương 01 người tại ấp 5 xã Tân Thạnh Đông huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình chạy trốn đã cướp 02 xe máy, bắn chết 01 người, làm bị thương 01; đặc biệt là vụ phạm tội có tổ chức mua sắm, sử dụng VK, CCHT chống trả quyết liệt lực lượng chức năng xảy ra ngày 09/01/2020 tại xã Đồng Tâm huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội làm 03 cán bộ hy sinh. Công tác vận động Nhân dân giao nộp VK, VLN, CCHT còn gặp nhiều khó khăn, đến nay vẫn còn một số VK, bom, đạn từ thời chiến tranh còn để lại ngoài xã hội, hoặc cài đặt rải rác trên đất nước ta chưa được thu hồi, rà, phá nổ, ngoài ra có người dân tự ý đào bới, thu gom, cất giữ trái phép; một số đồng bào dân tộc thiểu số còn giữ tập tục, truyền thống tự chế các loại súng để săn bắn, bảo vệ mùa màng và thực hiện các nghi lễ, tín ngưỡng lạc hậu, chưa được thu hồi triệt để, ẩn họa khôn lường.

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về VK, VLN, tiền chất thuốc nổ, CCHT theo quy định của pháp luật, Bộ Công an đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra về công tác này, gần đây đã chỉ đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội tiến hành một số cuộc kiểm tra về công tác quản lý VK,VLN, CCHT đối một số đơn vị, công an địa phương và cơ quan, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, quản lý, sử dụng VK, CCHT. Thực hiện Kế hoạch số 105/KH-BCA-C06 ngày 13/3/2020 của Bộ Công an tổng kiểm tra, mở đợt cao điểm vận động toàn dân giao nộp và đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật về VK, VLN, CCHT, đã phát hiện sơ hở trong quản lý, một số cơ quan, đơn vị để mất, thất lạc VK, VLN, CCHT và giấy phép sử dụng; kho, nơi cất giữ bảo quản không đảm bảo an toàn theo quy định; công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân giao nộp VK, VLN, CCHT của một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả thu hồi thấp; việc đấu tranh với tội phạm lợi dụng không gian mạng, dịch vụ bưu chính để mua bán trái phép VK, VLN, CCHT chưa đạt hiệu quả mong muốn, tương xứng với tình hình vi phạm xảy ra, số các trang web, tài khoản mạng xã hội rao bán, hướng dẫn chế tạo VK, VLN, CCHT còn nhiều; công tác phát hiện,

xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe; công tác trao đổi thông tin, phối hợp giữa lực lượng công an, quân đội và các lực lượng có liên quan đến công tác tiếp nhận, thu gom còn hạn chế. Kết thúc kiểm tra, Bộ Công an đã ban hành văn bản gửi công an đơn vị, địa phương chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế, thiếu sót, vi phạm được phát hiện.

Để nhìn nhận, đánh giá thực trạng việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT của UBND cấp tỉnh, từ đó chỉ rõ những việc làm tốt, có hiệu quả để đề nghị tiếp tục phát huy đồng thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót, sơ hở, xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục phù hợp, kịp thời, đảm bảo việc tổ chức, thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan, cần phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về công tác này. Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 490/KH-BCA-X05 ngày 25/11/2020 về công tác thanh tra năm 2021 của lực lượng CAND, trong đó Bộ Công an sẽ phối hợp với Bộ Công thương tiến hành thanh tra chuyên ngành lĩnh vực chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT đối với UBND một số tỉnh.

Dự báo trong thời gian tới, tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp sẽ có tác động đến công tác quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT, góp phần bảo vệ tuyệt đối an toàn cho bầu cử Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp và các sự kiện chính trị, xã hội sắp tới, tác giả đề xuất các giải pháp sau:

Một là, lực lượng công an các cấp chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo thực hiện và huy động các ngành, các cấp, các đoàn thể chính trị, xã hội tạo nên sức mạnh tổng hợp thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT gắn với công tác bảo đảm an ninh, trật tự và các nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT một cách thường xuyên, sâu rộng bằng nhiều hình thức đến các tầng lớp Nhân dân để nâng cao ý thức, trách nhiệm trong chấp hành pháp luật; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về công tác quản lý, bảo quản, sử dụng cho cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang được giao nhiệm vụ có liên quan đến công tác này.

Hai là, thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh trấn áp tội phạm côn đồ hung hãn, sử dụng VK gây án; tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chuyên trách phát hiện, xử lý thích đáng, gỡ bỏ, hạn chế tác động của các trang thông tin, bài viết, clip lợi dụng không gian mạng, dịch vụ bưu chính để hướng dẫn chế tạo, vận chuyển, giao dịch, mua bán trái phép VK, VLN, CCHT. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, đưa ra xét xử công khai để tạo sự răn đe; sử dụng dư luận xã hội lên án mạnh mẽ các hành vi tội phạm tàng trữ, sử dụng trái phép VK, VLN, CCHT gây hậu quả nghiêm trọng.

Ba là, đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân giao nộp VK, VLN, CCHT, trong đó nghiên cứu, sử dụng các biện pháp kinh tế - xã hội tác động đến các nhóm đối tượng tàng trữ, sử dụng VK ngoài xã hội; săn bắn trái phép, thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng lạc hậu; đối tượng cất giữ VK, CCHT như là kỷ vật chiến tranh, lập bảo tàng cá nhân; đối tượng trước đây được trang bị, cấp phép sử dụng nay không thuộc đối tượng trang bị.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT, theo trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Công an. Cần phải phối hợp với Bộ Công thương thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định trong quản lý hoạt động VLN công nghiệp, tiền chất nổ, từ đó giúp Chính phủ đánh giá tổng thể việc tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về quản lý VK, VLN, CCHT trong thời gian qua. Đồng thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong chấp hành pháp luật và cơ chế quản lý về lĩnh vực này để chấn chỉnh, khắc phục, xử lý theo quy định và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đáp ứng kịp thời công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới./.

Chú thích

(1) Tại Điều 29 Chương Vệ cấm

(2) Nghị định 246/CP ngày 17/5/1958; Nghị định 175/CP ngày 11/12/1964, Nghị định 47/CP ngày 12/8/1996 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12; Pháp lệnh số 07/2013/UBTVQH13 ngày 12/7/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Quản lý, sử dụng VK, VLN, CCHT.

NIỀM VUI THÁNG BA

Tháng Ba xưa, nhớ không quên
Mẹ đói lả, em thơ khát sữa
Nạn "giáp hạt" đói cơm từng bữa
Làng đói nghèo lam lũ xót xa

Tháng Ba bây giờ không còn vất vả
Quê mình đổi thịt thay da
Đất nước tưng bừng đổi mới
Hạnh phúc ấm no đến mọi người.

Tháng Ba nghèo đói qua rồi
Lòng dân ơn Đảng - sáng ngời niềm tin

Lê Xuân Đạm

Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong xây dựng Nhà nước hiện nay

TS. Vũ Trung Kiên
Học viện Chính trị Khu vực II

Điều 76, Bộ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định ở Việt Nam hiện nay có 05 loại tổ chức xã hội là pháp nhân phi thương mại, đó là: (1) Tổ chức chính trị, (2) Tổ chức chính trị - xã hội, (3) Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, (4) Tổ chức xã hội, (5) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp. 05 tổ chức này mang đặc điểm chung của một pháp nhân phi thương mại đó là: Không có mục tiêu chính tìm kiếm lợi nhuận; nếu có lợi nhuận thì cũng không được phân chia cho các thành viên.

Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận điều lệ và có hội viên là cá nhân, tổ chức tự nguyện đóng góp tài sản hoặc hội phí nhằm phục vụ mục đích của hội và nhu cầu chung của hội viên. Tất nhiên, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp đều được thành lập theo sáng kiến của Nhà nước; hình thành theo các quy định của Nhà nước và được quản lý chặt chẽ bởi cơ quan Nhà nước. Các tổ chức này sẽ hỗ trợ Nhà nước giải quyết một số vấn đề xã hội. Hoạt động của các hội này là hoạt động tự quản, cơ cấu do nội bộ tổ chức quyết định, hoạt động không mang tính quyền lực chính trị và hoàn toàn tự nguyện. Đặc trưng này cũng có những thuận lợi trong tổ chức và hoạt động, nhưng cũng sẽ gặp khó khăn đối với các tổ chức hội thiên về các hoạt động xã hội.

Kể từ khi đất nước thực hiện đổi mới, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã quan tâm và khuyến khích sự phát triển của các tổ chức hội. Hiện nay, ngoài các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức xã hội đặc thù, đã có rất nhiều các tổ chức xã hội - nghề nghiệp ra đời, hoạt động có hiệu quả. Trước những đòi hỏi của thực tiễn trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như hiện nay, việc thành lập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và vai trò của các hội nghề nghiệp càng cần thiết hơn bao giờ hết.

Vai trò năng động của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trước hết ở việc đây là tổ chức của những người cùng chung nghề nghiệp. Khi liên kết với nhau, những thành viên sẽ giúp đỡ nhau, tư vấn, giám định các

dự án về sản xuất, đầu tư phát triển ngành nghề; phản ánh ý kiến, nguyện vọng của hội viên và tham gia ý kiến với cơ quan quản lý Nhà nước trong việc xây dựng chính sách, quy định có liên quan trong lĩnh vực nghề nghiệp. Vai trò quan trọng nhất của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp là chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên. Hỗ trợ hội viên trong việc tìm kiếm thị trường, đối tác, xúc tiến thương mại và vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật; giúp đỡ, tạo điều kiện cho hội viên phát huy và áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh. Tổ chức tham dự và giúp hội viên tham dự các cuộc hội chợ, triển lãm, hội thảo chuyên đề, tham quan khảo sát về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh… Đó là những lợi ích nhìn thấy rất rõ ràng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp chắc chắn gặp phải không ít khó khăn. Điều mà các tổ chức này mong muốn từ các cơ quan quản lý Nhà nước là được khẳng định vị trí, vai trò trong các văn bản pháp lý; được sự quan tâm của các cấp, các ngành; được nâng cao năng lực tổ chức; nguồn lực hoạt động... Đặc biệt khi Nhà nước ban hành các chính sách có liên quan đến ngành nghề của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức này phải là những pháp nhân có tiếng nói quan trọng. Hiện nay, những quy định pháp luật hiện hành, dù đã có nhiều nhưng vẫn chưa tạo được một cơ chế pháp lý hữu hiệu cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện quyền tư vấn, giám sát, góp ý xây dựng chính sách. Việt Nam vẫn chưa có luật về hội nên nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp xem quy định nhiệm vụ trong điều lệ được các cơ quan Nhà nước phê duyệt chính là cơ sở pháp lý để hoạt động. Thế nhưng, điều lệ lại không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không có tính áp dụng chung nên gây không ít khó khăn cho hoạt động của các tổ chức hội.

Ngay từ khi giành được chính quyền, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ban hành nhiều chính sách để tạo điều kiện cho các tổ chức hội hoạt động. Các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 đều có các quy định về quyền hội họp, quyền lập hội của công dân. Điều 25, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 hiến định: *"Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình"*. Nhà nước Việt Nam cũng đã ban hành nhiều chính sách để tạo điều kiện cho hội hoạt động như Sắc lệnh số 101/SL/003 ngày 20-5-1957 về "quyền tự do hội họp" và số 102SL/004 ngày 27-5-1957 về "quyền lập hội". Về địa vị pháp lý của các tổ chức xã hội hiện nay được quy định trong Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21-4-2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Ngoài ra, còn một số chính sách khác có liên quan như: Nghị định số 148/2007/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Nghị định số 77/2008/NĐ-CP, ngày 16-7-2008 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật; Quyết định số 14/2014/QĐ-TTg về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam...

Có lẽ, trong quá trình nghiên cứu thấu đáo để ra luật về hội, tạo cơ sở, khung pháp lý cho hoạt động của các tổ chức hội; các cơ quan quản lý Nhà nước cần có sự tương tác với các tổ chức hội, lắng nghe ý kiến của các tổ chức hội xã hội - nghề nghiệp khi ban hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức hội xã hội - nghề nghiệp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của hội./.

CHIỀU XUÂN NGHE CÂU QUAN HỌ

Chiều xuân nghe câu quan họ
Xao lòng người ở, người đi
Xa xanh cánh cò, sóng lúa
Mơn man ngọn gió xuân thì

Sông Cầu thuyền neo bến đợi
Phù sa mịn đỏ đôi bờ
Giêng hai mưa giăng huyền ảo
Ai người vương vấn, ngẩn ngơ

Bồng bềnh mây trôi, bèo dạt
Nghiêng chao vành nón quai thao
Lá dăm mắt huyền lúng liếng
Bâng khuâng câu hát ngọt ngào

Tìm em theo câu quan họ
Người ơi, người ở đừng về
Chưa xa sao lòng bịn rịn
Chiều xuân cỏ mướt triền đê.

Lê Hoài Minh

Ở đâu có Mẹ, ở đó có quê hương...

Đã bao bận rời quê mà lòng tôi vẫn vẹn nguyên một nỗi rưng rưng như ngày mới xa nhà.

Xe chưa đi xa mà ruột gan đã cồn cào nhớ mẹ. Có lẽ càng trưởng thành, tôi càng nhớ hơi ấm lòng mẹ. Thế gian này làm gì có nơi nào ấm áp hơn lòng mẹ mênh mông. Chuyến xe rời quê vừa lăn bánh, ngoái đầu nhìn lại vẫn thấy dáng mẹ nhỏ gầy đứng trong chiều, ánh nhìn vời vợi trông theo. Mẹ đợi khi xe khuất bóng ở cuối đường mới trở vào nhà, quày quả nấu bữa cơm chiều, cho gà ăn, tưới rau, lầm lũi giữa bốn bề bất chợt trống trải, liêu xiêu những vệt khói. Mẹ sẽ lại bần thần ngồi nhớ giờ này hôm qua tôi đang đong đưa trên chiếc võng giữa nhà, hay đang săm soi những quả trứng gà ở hiên sau. Căn nhà vắng một tiếng gọi mẹ, một giọng nói thủ thỉ, mẹ lại trở về như mọi buổi chiều khác không có những đứa con bên mình. Ngồi trên xe, những hình dung ấy làm tôi muốn khóc…

Lúc đó mới nhận ra, dù là khi đôi mươi, hay là khi tóc bạc, thì trước mẹ tôi vẫn là một đứa trẻ cần hơi ấm của người. Những ngày được trở về, tôi chỉ muốn ở nhà loanh quanh bên mẹ. Hạnh phúc trong đời chỉ giản đơn là buổi sớm mai đứng trước ngõ nhà, trông dáng mẹ về xa xa giữa những vạt nắng đầu ngày lấp lánh. Nghe tiếng bước chân thân thuộc của mẹ cũng khiến lòng nhẹ tênh. Ban mai thức dậy trong mùi nắng mới, trong tiếng nước tí tách nhỏ xuống từ cái chum lọc nước xanh rêu, gió vờn từng cơn ngoài đầu hè làm rung rinh những bông vạn thọ. Nhận ra mình lại có thêm một ngày để cùng mẹ ăn bữa cơm quê có cá đồng, rau vườn, canh bí, đến đôi đũa, chiếc bát cũng quá đỗi thân thương. Để rồi trong khói bếp bảng lảng, giữa đầm ấm bình yên, ngồi bên mẹ mà xuýt xoa lên rằng: "Không có gì bằng cơm với cá. Không có gì bằng má với con!".

Tôi về nhà, những ngày nắng ráo, mẹ tảo tần thái mỏng chuối chín rồi phơi khô, đựng vào hũ để dành tôi mang vào phố. Mẹ bấm đốt ngón tay tính ngày tính tháng để gieo hạt, khi tôi về những trái khổ qua đã mướt xanh, lủng lẳng, mẹ hái vào nhồi thịt nấu canh cho tôi ăn giải nhiệt ngày nắng. Đi giữa màu xanh mỡ màng của những luống rau, hành ngò, bầu bí mẹ trồng, tôi luôn hạnh phúc khi ở trong khu vườn của mẹ. Những ngày mưa, trời lạnh, mẹ đun cho tôi nồi nước tắm, tiếng củi lửa lục bục trong lò vang lên thanh âm của yêu thương nồng đượm. Hơi ấm dìu dịu tỏa lan khiến tim tôi run rẩy. Xong bữa cơm chiều tôi lại ngồi xoa dầu, bóp vai cho mẹ như những ngày còn nhỏ. Mùi dầu gió bềnh bồng giữa tiếng thỏ thẻ của mẹ. Ngoài trời, mưa gõ vào lòng đêm những tiếng nhớ, tiếng thương.

Nhẩm tính thời gian được về bên mẹ trong một năm, lòng không dưng ngổn ngang những dằn vặt, xót xa. Đôi lúc thấy mình thua cả mảnh vườn nhỏ sớm chiều gắn bó cùng mẹ, cỏ cây bầu bạn. Mẹ một đời lam lũ, mỗi chuyến trở về lại thấy sau nụ cười hiền của mẹ là đôi vai gầy ê ẩm những ngày trở gió, là mái tóc pha sương, gót chân hằn những vết rạn nhói lòng. Tất cả cứ thầm lặng, im lìm cho đến khi tôi thảng thốt nhận ra màu thời gian bàng bạc trên dáng hình của mẹ. Tấm áo treo ở góc nhà mẹ mặc đã lâu, đôi dép cũ sau hiên cũng đã mòn đế. Tôi đứng lặng nhìn mẹ chải tóc, thương dáng mẹ ngồi dâu bể phía sau lưng…

Có những ngày giữa phố lòng chênh chao không bến đậu, mơ ước còn ở phía vời xa, lại quay quắt nhớ mẹ. Ngửa mặt nhìn vầng trăng sáng trên cao, biết mẹ cũng đang nhìn trăng mà thao thức cùng đêm, trăn trở theo từng bước tôi đi trên đường đời. Tôi biết sau những cuộc gọi là dáng mẹ ngồi đăng đẵng đợi mong. Mỗi chuyến trở về, tự dặn lòng trân quý từng khoảng thời gian được ở bên mẹ. Có đi xa rồi mới thấm thía rằng: Ở đâu có mẹ, ở đó có quê hương…

Trần Văn Thiên

Minh họa: Phùng Minh

Giữ màu xanh

Truyện ngắn của Ngô Nữ Thùy Linh

Tháng Ba này chị có về với tụi em không? Mấy đứa được đi học lại rồi chị ơi, mà chúng chẳng có dép, với cả áo ấm cũng không. Tụi nó mong có đồ để được tới lớp. Nhưng mong nhất là được gặp chị đó.

Miên thả điện thoại xuống bàn. Lòng nghe nặng trĩu. Một lời hứa lúc này, cô cũng không dám chắc chắn với các em. Vì tình hình dịch bệnh, bên hội thiện nguyện và nhà trường có lịch sẵn rồi nhưng đành dời lại. Miên biết năm nào đến thời điểm này các bé cũng đều mong chờ các anh, các chị Đoàn Thanh niên lên thăm bản. Mong chờ được vui chơi, trao quà. Cũng giống như Miên và các bạn, mong chờ những buổi lên lớp cùng các em nhỏ, những buổi đi thăm các cụ già, tham gia các hoạt động xã hội, thiện nguyện và nhất là truyền cho các em ngọn lửa đam mê của tuổi trẻ. Tự lúc nào, Miên cảm thấy yêu màu áo xanh của Đoàn Thanh niên. Yêu những ngày ngồi trên chuyến xe chất đầy hàng hóa, lắc lư qua những con đường ngoằn ngoèo đi vào bản. Ở đó có tiếng cười trong veo của những đứa trẻ. Bàn tay rám nắng, nứt nẻ của những ông cụ, bà cụ. Những bước chân lẽo đẽo sau mỗi khi nhóm sinh viên của Miên tụ tập lại và bày trò cho các em. Nghĩ tới thôi, lòng Miên lại khao khát cháy bỏng, muốn được tạm gác lại công việc để đến với lũ nhóc.

Cô nhớ ánh mắt đầy lưu luyến của con bé Huyền. Nó mới tám tuổi, học lớp hai, nhưng biết trông em cho cha mẹ đi rẫy. Có hôm Miên thấy con bé gùi em sau lưng. Đứa em nhỏ xíu, mặc độc một chiếc áo len,

quần không có, ngồi co ro trong chiếc gùi ngủ ngon lành. Khó khăn, vất vả là vậy nhưng hàng ngày bé Huyền vẫn miệt mài bên những trang sách cùng thầy cô ở trường. Rồi cái ôm của thằng bé Huy, thằng bé Đạt. Chúng bảo chỉ có những ngày các chị, các anh thanh niên lên, chúng em mới được ăn ngon, được mặc đẹp, được hát ca nhảy múa mà chẳng sợ bị cha mẹ mắng. Chúng em được ngồi bên những bếp lửa hồng, ăn bánh mì chấm với sữa, thứ mà xưa nay chẳng bao giờ có ở trong nhà. Khi nhớ đến những đứa nhỏ tội nghiệp trong bản, Miên luôn ám ảnh bởi những ánh mắt vừa khao khát, đợi chờ, vừa níu kéo bước chân của đội tình nguyện. Sau mỗi mùa hè, hay bất kể khi nào được nghỉ, Miên đều cùng các bạn đi một vòng thành phố, gom quần áo, giầy dép và những thứ có thể sử dụng được mang lên miền ngược cho lũ trẻ. Lâu dần thành quen, cứ mấy tháng không có bóng dáng của Miên và các bạn, thì y rằng sẽ có một đứa nhỏ điện thoại cho Miên hoặc một số thành viên trong nhóm. Chúng ngây thơ bảo, anh chị chỉ cần lên với chúng em thôi, không cần có quà cũng được. Dạy phụ đạo cho tụi em mấy môn, để chúng em tiến bộ hơn. Thường những cuộc điện thoại đó chỉ là những câu dang dở, không đầu không cuối bởi có lúc đang nghe, chúng sẽ bị cha mẹ mắng om sòm vì nói chuyện điện thoại lâu, tốn tiền. Miên biết ý, nên cô sẽ tắt máy, gọi lại để được nói chuyện lâu hơn.

Hôm nay cũng thế, khi nghe con bé Huyền thổn thức trong điện thoại, cô đang đứng ở lan can nhà trường. Biết làm thế nào được. Hằng ngày trên các phương tiện truyền thông vẫn liên tục cập nhật những thông tin về các ca bệnh Covid. Nhiều địa phương đã thực hiện giãn cách xã hội. Thời gian này cô cũng được nghỉ ở nhà, học on-line và chỉ liên hệ với nhà trường, thầy cô giáo bằng email, chat hoặc zalo. Những thứ đó, mấy đứa trẻ trên bản vẫn chưa được tiếp cận. Nếu trên đó, nhà nào kha khá một chút, cha mẹ chúng mới có một cái điện thoại cảm ứng. Nhà có khi đăng kí mạng, có khi cũng không. Những đứa Miên muốn gặp, muốn nhìn và muốn được nghe chúng nói chuyện thì chẳng bao giờ được cầm điện thoại.

Miên thấy nóng ruột quá. Hình như có chuyện gì đó không ổn với bé Huyền. Lâu nay, con bé là đứa rất ít khi liên lạc với cô. Có chăng là những lần cô ghé bản, nó đều ngồi cạnh cô, thủ thỉ tâm tình, nên hai chị em khá thân nhau. Cha Huyền làm rẫy, thường xuyên ở trong rừng. Lâu lâu ông nói đi vào sâu tìm trầm hương, sáu bảy ngày vẫn chưa về nhà. Ông cũng chẳng cho con bé Huyền cầm điện thoại bao giờ. Không hiểu sao nó nhớ số của Miên và hôm nay chủ động gọi tới.

Đã từ lâu, Miên rất dị ứng với những số điện thoại lạ, gọi tới để trêu chọc, hẹn hò. Nhưng từ khi lên với bản, yêu lũ trẻ bằng một tình yêu chân thành, thì mỗi ngày, thấy số điện thoại lạ trên màn hình, cô đều bấm nút nghe. Vì cô luôn hi vọng, ở đầu dây bên kia là tiếng một đứa trẻ.

Tiếng tin báo messenger làm Miên chợt tỉnh:

- Nè bà cụ non, Tháng Thanh niên tới rồi. Cậu có định gom đồ lên với tụi nhỏ không?

Là Thanh, một thành viên trong nhóm thiện nguyện của Miên. Miên "rep" ngay:

Có chứ, tớ đã gom được một ít sữa và quần áo rồi. Bên cậu như thế nào? Đợi tình hình dịch bệnh khả quan, chúng ta có thể liên hệ xe và đi ngay.

- Khả quan là khi nào, cậu có đoán được không?

Câu hỏi của Thanh khiến Miên tần ngần một hồi lâu. Chợt Miên sực nhớ:

À, con bé Huyền, mất bồ câu ý. Nãy điện cho tớ, bảo nhớ các anh, các chị lắm rồi. Mà tớ nghe giọng nó khá run rẩy. Cậu có cách nào liên hệ lại với nó hỏi xem có chuyện gì hay không? Tớ thấy hơi lo lo.

- Ok, để tớ tìm hiểu cho, gửi số điện thoại hồi nãy con bé gọi qua đây!

Một lúc sau, đèn ô chat lại nhấp nháy:

- Không ổn rồi, con bé bị cha nó đánh lên bờ xuống ruộng kìa.

Miên nhìn màn hình máy tính, cô hoảng hốt thực sự. Cô cầm điện thoại gọi ngay cho Thanh. Ở đầu dây bên kia, Thanh kể lại sự tình. Nghe nói nó được nghỉ học ở nhà tránh dịch nhưng hình như có địu em đi lên trường để ngóng các anh, các chị thanh niên. Trên đường về, gặp mấy chú công an. Mấy chú nói lên xe chú chở về, không được đi lang thang ngoài đường, đang dịch bệnh, lỡ có chuyện gì thì không ổn. Vậy mà về tới nhà, chưa nghe rõ đầu đuôi ngọn ngành, cha nó đi rừng mấy ngày không được một xu nào dính túi, trút cơn giận lên con bé. Mẹ nó cũng chẳng dám vào can ngăn, nên nó bị hơi nặng.

Nghe cậu bạn nói rõ tình hình, lòng Miên như lửa đốt. Cô ngồi thụp xuống ghế sofa khóc nức nở. Hình ảnh đứa nhỏ bầm tím mình mẩy ám ảnh Miên trong cả giấc mơ. Những lúc rảnh rỗi, hoàn thành xong những bài tập ở lớp, cô lại ngồi một mình bên góc phòng, pha một ấm trà đào, suy tính con đường về cùng các em nhỏ.

***

Lễ tốt nghiệp diễn ra trong âm thầm. Chấp hành tốt chỉ thị, không tụ tập đông người nên nhà trường đã sắp xếp cho các sinh viên một buổi chụp hình cùng lễ phục. Lần lượt từng người được vào nhận hồ sơ và các tài liệu liên quan của mình. Để kịp thời gian ra trường cho khóa của Miên nên mọi thủ tục đều được rút gọn. Cầm trong tay tấm bằng, Miên nghĩ về thành phố nơi có bố mẹ mình đang sống. Ở đó, bố cô đang công tác trong một sở nông nghiệp, có thể xin việc cho Miên ngay tức thì. Nhưng hình ảnh những đứa nhỏ nơi bản làng cứ thôi thúc Miên. Hay là cô sẽ về nơi ấy, làm công tác thiện nguyện, giúp đỡ các em nhỏ. Bao giờ tình hình ổn định, có kinh nghiệm cứng cáp, cô sẽ về lại thành phố. Cô luôn yêu màu áo xanh tình nguyện của mình. Yêu những tháng ngày vất vả gian nan trên vùng đất khô cằn sỏi đá ấy. Có những hôm, bàn tay, đôi môi đã rướm máu vì thời tiết quá khắc nghiệt và lạnh. Rồi

những hôm trời mưa ầm ầm, nhóm thanh niên tình nguyện đi đường gặp núi lở, chỉ biết chui vào gốc cây lớn, đứng chờ đợi và mò mẫm tìm đường trở về. Hay những hôm vào sâu trong bản, động viên các em tới trường...

Sau thời gian ấy trở về. Miên đen như một con dế. Nhưng không vì thế mà cô và các bạn bỏ cuộc. Hành trình áo xanh tình nguyện đến khắp mọi nơi. Được sự tin tưởng của nhà trường, động viên tích cực của phía gia đình và nhất là niềm khát khao của từng đứa trẻ, luôn là niềm an ủi động viên tinh thần lớn nhất cho Miên và các bạn. Khoác lên mình chiếc áo xanh của đoàn thanh niên, cô lại vững bước dấn thân. Cô nghĩ, mình còn tuổi trẻ, còn sức lao động thì mình còn phải cống hiến. Để thế hệ sau như các em là Huyền, là Huy, là Đạt hay những đứa trẻ khác mai này cũng ý thức được gìn giữ truyền thống cách mạng của Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Nghĩ vậy, nên Miên chủ động cầm máy điện cho bố. Giọng bố hồ hởi:

- Sao rồi con gái, tốt nghiệp xong tính ở trong Sài Gòn lập nghiệp luôn à? Sao êm ru thế nhỉ?

Dạ, con chưa định hướng được đường đi của mình, có thể hết dịch bệnh, con lên bản một thời gian được không bố? - Giọng Miên chợt ngập ngừng.

Đầu dây bên kia dừng lại mấy giây. Chợt giọng trầm ấm của bố lại vang lên:

- Được thôi con gái, bố tin ở con và đội tình nguyện của con. Cánh cửa ở nhà luôn rộng mở chào đón khi con trở về.

Miên thở phào nhẹ nhõm. Khép tấm bằng đại học vào bộ hồ sơ, cô nhanh chóng chuẩn bị đồ đạc, liên hệ với từng thành viên trong nhóm. Chuẩn bị chia nhau ra để tiếp tục đi vận động quỹ và sẵn sàng cho mùa tình nguyện mới.

Miên gọi cho những bạn trong nhóm tình nguyện. Đồng thời, điện thoại trực tiếp cho các mạnh thường quân ở một số công ty xin hỗ trợ thêm quần áo, sữa. Tuy nhiên, điều Miên không mong đợi đã xảy ra. Những cuộc điện thoại nhiều dần lên nhưng số người từ chối cũng theo đó mà tăng lên. Vì lí do dịch bệnh, nên hầu hết các công ty đều sụt giảm về doanh thu. Lợi nhuận từ đầu năm đến nay không tăng. Việc chăm lo cho công nhân viên cũng khó nên công tác từ thiện đều giảm bớt. Quay sang mấy bạn trong nhóm, Miên cũng nhận được những tiếng thở dài. Gọi điện cả buổi nhưng chỉ được một vài nơi nhận lời và san sẻ số lượng quà ít hơn so với những năm trước. Miên mạnh dạn chia nhóm ra nhiều ngả. Mỗi nhóm phụ trách một khu vực riêng biệt của thành phố, đến từng nhà, gõ cửa từng công ty. Bởi vì Miên biết, nơi vùng đất xa xôi ấy, các em đang mong chờ đội tình nguyện như thế nào.

Sài Gòn mùa khô, nóng cháy da. Miên cẩn thận đeo ba lô, khẩu trang y tế, thuốc sát khuẩn. Chọn đúng thời gian nghỉ trưa để các đơn vị có thời gian trao đổi nhiều hơn. Ban đầu, mọi người lắc đầu mặc dù biết nhóm Miên là chỗ quen biết, nhận hỗ trợ thiện nguyện uy tín. Nhưng dần dà, nhờ những lời chân thật, kể đúng sự tình của lũ trẻ vùng cao, nhóm Miên đã nhận được kha khá hàng hóa. Chiếc xe tải chở đồ ngày một cao dần lên. Đôi chân mỏi rã rời vì chạy chỗ này, gõ chỗ kia. Nhưng chỉ nghĩ đến các em thôi, Miên lại có thêm động lực để hăng hái tiếp tục công việc của mình. Cuối ngày, cả nhóm tụ tập lại thống kê số quà, tiền mặt đã vận động được. Sau đó cùng nhau vào ngôi chùa lớn để xin sư thầy thêm một ít đồ.

Đón nhóm ở cửa, thầy cười hiền hậu:

- Đã đến Tháng Thanh niên rồi sao, nhanh quá các con nhỉ. Năm nay sẽ vẫn lên vùng cao cùng các em nhỏ chứ?

Cả nhóm đồng thanh:

Dạ, tụi con sẽ đi thầy ạ!

TRẨY HỘI THÁNG BA

Cùng em trẩy hội tháng Ba
Triền đê cỏ mượt la đà hương bay
Bâng khuâng tay nắm bàn tay
Nghe câu quan họ dứt dây... đừng về
Hội Lim ai bỏ bùa mê
Cho người ngơ ngẩn câu thề chờ mong
Nghiêng nghiêng vành nón - vầng trăng
Sông Cầu xanh thế sao đành người ơi
Hẹn xuân sau dạ bồi hồi
Tháng Ba trẩy hội cho tôi ngóng chờ

Lê Hiếu Trung

Nhóm của Miên cùng thầy bước vào bên trong, nơi các sư thầy đã sắp sẵn những phần quà như gạo, mì tôm, nước tương, sữa và rất nhiều nhu yếu phẩm, quần áo ấm. Thầy bảo đợt Tết các mạnh thường quân đến phát tâm từ thiện khá nhiều. Thầy gom lại cấp phát cho đồng bào nghèo ăn Tết, còn nữa thầy để cho nhóm. Không biết Tết này các em nhỏ có được đủ đầy hay không?

Miên nhìn ánh mắt hiền từ của thầy. Cô biết, những phần quà ấm áp tình người sẽ nhanh chóng được đưa đến tận tay các em.

Tháng Ba đến dịu dàng như thế. Những tiếng chim lảnh lót, vang xa nơi đầu con phố nhỏ. Chiều Sài Gòn nắng ươm màu mật ong. Nhìn lên những chiếc áo xanh của các bạn, lòng Miên lại hân hoan…/.

Chính sách mới về tinh giản biên chế theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ

K. Dung

Ngày 10/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định 143) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Cụ thể:

Ảnh minh hoạ. Nguồn: Internet

Các trường hợp tinh giản biên chế

Nghị định 143 sửa đổi quy định về các trường hợp tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách Nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức). Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật hoặc trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý. (1)

Chính sách về hưu trước tuổi

Nghị định 143 sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP như sau:

Một là: Đối tượng tinh giản biên chế (nêu trên) nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ như:

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

+ Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019;

+ Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng tiền lương.

Hai là: Đối tượng tinh giản biên chế (nêu trên) nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này và được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019.

Ba là: Đối tượng tinh giản biên chế (nêu trên) nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Bốn là: Đối tượng tinh giản biên chế (nêu trên) nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi. (2)

Cũng theo Nghị định 143, sẽ không áp dụng các khoản trợ cấp theo quy định tại các khoản 1 Điều 9 Nghị định 108 đối với những người đã làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập khi đơn vị chuyển đổi sang đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; hoặc doanh nghiệp hoặc cổ phần hóa vẫn được giữ lại làm việc; những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn đủ 3 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên; những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn đủ 3 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên. (3)

Ngoài ra, theo Nghị định 143, những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế (nêu trên) có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và không đủ điều kiện để

hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định 108/2014/NĐ-CP hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019 và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định 108/2014/NĐ-CP (sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Nghị định 113/2018/NĐ-CP) nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp như: Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm và được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội. (4)

Chính sách về hưu trước tuổi có hiệu lực từ ngày 01/1/2021./.

Chú thích:

(1), (2), (3), (4), Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 143.

Tài liệu tham khảo:

(1) Nghị định số 143.

(2) Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

(3) Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

*** Kế hoạch phòng chống tham nhũng năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu**

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, UBND tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch số 429/KH-UBND về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2021.

Kế hoạch nhằm tăng cường hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong tỉnh đối với công tác PCTN, nâng cao ý thức, trách nhiệm, nhận thức của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh đối với việc chỉ đạo, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, gắn với tăng cường hoạt động quản lý Nhà nước về PCTN, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, kế hoạch hướng đến mục tiêu thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, nâng cao hiệu quả công tác PCTN của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát huy vai trò của xã hội trong công tác đấu tranh PCTN, góp phần ổn định an ninh - chính trị, nâng cao hiệu quản lý Nhà nước, thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch PCTN năm 2021 của UBND tỉnh Lai Châu tập trung vào 6 nội dung công tác gồm: Lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; thực hiện đồng bộ có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị; phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN và thực hiện công tác PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước

UBND tỉnh yêu cầu trên cơ sở kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch PCTN năm 2021 gửi về UBND tỉnh qua Thanh tra tỉnh trước ngày 05/3/2021, triển

Hội thi tuyên truyền viên pháp luật giỏi của tỉnh Lai Châu năm 2017

khai thực hiện, tổng hợp, báo cáo theo quy định; nội dung kế hoạch phải bám sát chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các nhiệm vụ, giải pháp đề ra phải cụ thể, sát với điều kiện, tình hình thực tế của đơn vị.

Đồng thời, các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này phải thường xuyên theo dõi, đôn đốc kiểm tra. Cùng với việc thực hiện báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị mình, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tổng hợp báo cáo kết quả đã tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh; báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

*** Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của Bộ Xây dựng**

Ngày 25/02/2021, Bộ Xây dựng đã ban hành kèm theo Quyết định số 203/QĐ-BXD Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2021.

Mục tiêu của Chương trình là thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, góp phần tạo nguồn lực để phòng, chống và khắc phục hậu quả của dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định đời sống của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

Công tác THTK, CLP năm 2021 của Bộ Xây dựng tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1) Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội để khôi phục và phát triển kinh tế, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội đề ra.

2) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách, đảm bảo an sinh xã hội và chi cho quốc phòng, an ninh. Tiếp tục quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hiện triệt để tiết kiệm, CLP ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, kém hiệu quả, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện trong năm 2021 để hoàn thành các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

3) Thực hiện quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017 và các văn bản hướng dẫn. Việc huy động, quản lý và sử dụng vốn vay phải gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công và định hướng huy động, sử dụng nguồn vốn này trong từng thời kỳ. Rà soát chặt chẽ kế hoạch sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả. Bố trí dự toán chi ngân sách Nhà nước từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài cho các dự án bảo đảm theo tiến độ đã ký kết với nhà tài trợ, khả năng đáp ứng nguồn vốn đối ứng, tiến độ giải phóng mặt bằng, năng lực của chủ đầu tư quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Không bố trí vốn vay cho các nhiệm vụ chi thường xuyên.

4) Quyết liệt đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công gắn với sử dụng vốn đầu tư công có hiệu quả, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng để kích thích sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội.

5) Đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

6) Tiếp tục thực hiện cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội. Kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức; tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý. Triển khai quyết liệt công tác sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả có chất lượng ngày càng cao.

Căn cứ Chương trình THTK, CLP năm 2021 của Bộ Xây dựng và kế hoạch, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ triển khai xây dựng Chương trình THTK, CLP năm 2021 của cơ quan, đơn vị hoàn thành trong tháng 3/2021 để thực hiện. Trong đó cần xác định nhiệm vụ trọng tâm, mục tiêu cụ thể về tăng cường THTK, CLP thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý để tập trung chỉ đạo; phân công cán bộ chịu trách nhiệm từng công việc; thường xuyên rà soát kết quả thực hiện và có biện pháp xử lý kịp thời các sai phạm về THTK, CLP theo quy định. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong việc THTK, CLP; thực hiện công khai về THTK, CLP; bảo đảm thực hiện quyền giám sát THTK, CLP của người lao động, của cơ quan, tổ chức; tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động thanh tra nhân dân; tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ, kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền; xử lý hoặc phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với cán bộ trong cơ quan, đơn vị mình có hành vi gây lãng phí, thất thoát./.

Đỗ Quyên

Trao quyền cho phụ nữ và cuộc chiến chống tham nhũng tại Uganda

Dương Nguyễn

Khu vực phía Tây sông Nile và Karamoja trực thuộc miền Bắc đất nước Uganda. Từ năm 1986 đến 2006, miền Bắc Uganda đã xảy ra nhiều xung đột giữa Chính phủ nước này và đội quân kháng chiến của Chúa (một tổ chức tôn giáo và chiến binh hoạt động ở phía Bắc Uganda và Nam Sudan) gây ảnh hưởng nặng nề tới dân số đất nước này. Mặc dù các cuộc xung đột đã chấm dứt từ lâu, nhiều nơi phía Bắc Uganda vẫn phải chịu những tàn dư chiến tranh để lại tới gần hai thập kỷ sau đó. Các cuộc biểu tình, xung đột thường xuyên diễn ra giữa Chính phủ và các nhóm lợi ích, các cuộc chống đối bạo lực tranh giành biên giới và cả việc tấn công tình dục cũng như bạo lực về giới vẫn thường xuyên diễn ra căng thẳng. Hiệp hội cố vấn phân tích tính tổn thương của các cuộc xung đột (2013) nhận định, việc chiếm đoạt đất đai, tham nhũng và việc khai thác tài nguyên thiên nhiên là những yếu tố chính gây ra các cuộc xung đột. Các tranh chấp về tài nguyên diễn ra trầm trọng - đặc biệt là lĩnh vực dầu mỏ - các cuộc tranh chấp biên giới cũng như lợi ích của việc khai thác tài nguyên đất đai cho các mục đích đầu tư đều là thách thức lớn đối với khu vực phía Tây sông Nile.

Karamoja có dân số khoảng hơn 950 nghìn người, nổi tiếng vì là tiểu vùng duy nhất tại Uganda có nền nông nghiệp vượt trội. Tuy vậy, Karamoja lại là tiểu vùng nghèo nhất với chỉ số phát triển con người thấp nhất Uganda. Ngoài các yếu tố khác, tình trạng không an toàn cũng như các vấn đề môi trường đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới phúc lợi và lợi ích của người dân. Thái độ và hành vi phân biệt đối xử trong gia đình là nguyên nhân chính dẫn đến việc phụ nữ bị gạt ra ngoài lề xã hội ở cả hai tiểu vùng Tây sông Nile và Karamoja. Điều này đặc biệt xảy ra ở Karamoja, nơi mặc dù đã tồn tại luật quy định độ tuổi kết hôn tối thiểu là 18, nhưng 1/3 dân số ở đây tin rằng trẻ em gái nên kết hôn trước độ tuổi đó.

Về quyền tự do dân sự, phía Bắc là khu vực có thành tích đứng thứ hai ở

Uganda. Luật pháp và chính sách quốc gia thúc đẩy sự tham gia chính trị của phụ nữ đã nâng cao tỷ lệ đại diện của phụ nữ ở cấp huyện: 42% ủy viên hội đồng cấp huyện ở khu vực phía Bắc là phụ nữ và 4/5 người dân cho rằng tất cả ứng cử viên phải có cơ hội chính trị như nhau, không phân biệt giới tính. Bất chấp những hạn chế còn tồn tại, tiếng nói cũng như sự tham gia của phụ nữ tại các cơ quan công quyền ở khu vực miền Tây sông Nile và Karamoja dường như tốt hơn các khu vực khác. Ở cả hai tiểu vùng, phụ nữ được tiếp cận sự bình đẳng (tòa án, cảnh sát và hội đồng địa phương). Tuy nhiên, những ý kiến phân biệt đối xử vẫn tồn tại, nhất là khi 64% người dân được hỏi cho rằng nam giới là nhà lãnh đạo chính trị giỏi hơn phụ nữ. Trong những năm gần đây, Chính phủ Uganda đã thực hiện một số cải cách về thể chế nhằm công nhận vai trò quan trọng của phụ nữ trong xã hội và giám sát tiến trình của Chính phủ trong việc giảm khoảng cách về giới. Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đã đạt được, một số chỉ số thực tiễn cho thấy mức độ nhận thức về tham nhũng vẫn đang xấu đi mặc dù quốc gia này đã có hệ thống quản lý và luật pháp về chống tham nhũng.

Rủi ro tham nhũng

Tình trạng tham nhũng ở Uganda đang ngày càng trở nên tồi tệ: 69% người dân Uganda cho rằng tỉ lệ tham nhũng đã gia tăng kể từ năm 2014 (Tổ chức Minh bạch Quốc tế; Afrobarometer 2015). Theo Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) năm 2017 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, quốc gia Châu Phi này đạt điểm 26 (0 là mức độ tham nhũng cao và 100 rất trong sạch). Hiệu quả chống tham nhũng kém và sự suy thoái của Uganda được xác nhận bởi Chỉ số quản trị toàn cầu của Ngân hàng Thế giới. Năm 2006, Chỉ số kiểm soát tham nhũng ở Uganda là 24 (0 tương ứng với thứ hạng thấp nhất và 100 là cao nhất) và năm 2016 là 13. Theo báo cáo của Văn phòng Tổng kiểm toán Uganda, công quỹ đã bị biển thủ ngày càng tinh vi. Nhiều sáng kiến chống tham nhũng từ xã hội dân sự đã được đề ra, trong đó vai trò của phụ nữ được đặc biệt coi trọng. Cụ thể, các "câu lạc bộ ngân sách thôn bản" đã được thành lập và được đào tạo bởi diễn đàn NGO (Tổ chức phi chính phủ) vì sự dân chủ của phụ nữ. Các nhà lãnh đạo cộng đồng được đào tạo ở Karamoja để giám sát ngân sách của các hội đồng địa phương nhằm đảm bảo rằng họ sử dụng các nguồn lực công một cách có trách nhiệm.

Dòng vốn viện trợ nước ngoài và thách thức về năng lực

Trong bối cảnh sau xung đột, các chính phủ thường không đủ năng lực để quản lý dòng chảy của các nguồn tài chính quốc tế một cách hiệu quả và minh bạch. Áp lực phân phối các nguồn lực và khả năng giải ngân kém của chính phủ tạo ra động lực cho tham nhũng và trục lợi nhằm tận dụng sự hỗ trợ quốc tế trong thời gian dài. Trong năm tài chính 2016/17, quận Kotido ở Karamoja chỉ chi 38% ngân sách. Vào năm 2015, Tổng Kiểm toán phát hiện rằng quận Yumbe ở Tây sông Nile có số tiền chưa tiêu trên tài khoản dịch vụ tư vấn nông nghiệp quốc gia (NAADs) chưa được hoàn trả vào quỹ hợp nhất.

Thương mại xuyên biên giới

Các hoạt động thương mại biên giới tại quốc gia này đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi tham nhũng. Các lĩnh vực dễ bị tham nhũng là hải quan và biên phòng. Thông qua ưu thế của từng lĩnh vực, các hoạt động buôn bán bất hợp pháp có thể nhờ sự bảo vệ của các quan chức để duy trì. Tại Tây sông Nile và Karamoja, tham nhũng là nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại dai dẳng của nạn buôn bán vũ khí bất hợp pháp.

"Di sản" thời chiến

Hậu quả của các cuộc xung đột trong lịch sử đã dẫn đến sự di cư của người dân địa phương và sự xuất hiện của những người tị nạn. Việc thiếu các cơ chế tư pháp tiếp tục ảnh hưởng đến khả năng quản trị trong thời điểm hiện tại. Những người di cư và những người tị nạn đặc biệt dễ bị tổn thương do thiếu pháp quyền. Trong những năm gần đây, nạn buôn lậu người tị nạn đã trở thành một hoạt động béo bở do số lượng người tị nạn gia tăng trên thế giới, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho tham nhũng. Sự suy yếu của Nhà nước pháp quyền cũng như các cơ quan tư pháp thiếu nguồn vốn và kém hiệu quả của quốc gia này vô hình trung đã tạo ra môi trường dễ dàng cho tham nhũng. Gần đây, tại Uganda, tình trạng tham nhũng đã trở nên phổ biến trong các chương trình hỗ trợ người tị nạn.

Đất đai và tài nguyên thiên nhiên

Châu Phi đã trở nên rất hấp dẫn đối với các nhà đầu tư do sự phong phú của đất đai phù hợp với sinh thái nông nghiệp giá rẻ, sự tồn tại của các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các nền kinh tế ngày càng tự do hóa. Nhìn chung, các quốc gia thu hút các nhà đầu tư vào đất đai có mức độ tham nhũng cao và quản trị kém bởi điều đó có thể tạo điều kiện cho các giao dịch được diễn ra nhanh chóng với giá rẻ, qua đó góp phần tối đa hóa lợi nhuận. Bên cạnh các giao dịch đất đai thương mại, tham nhũng thường là một thực tế phổ biến trong dịch vụ hành chính đất đai hàng ngày và Uganda là một trong những quốc gia có thành tích kém nhất (theo đánh giá của Tổ chức Minh bạch Quốc tế năm 2013). Các lĩnh vực thường dễ xảy ra tham nhũng trong quản lý đất đai gồm: Phân định ranh giới và phân lô đất, xác định loại đất, quy hoạch và phân vùng, định giá đất, bán và cho thuê đất, thực thi quyền đối với đất đai, biện pháp khắc phục và bồi thường, giám sát các nhà đầu tư. Hiện nay, tại Uganda, hối lộ trong các dịch vụ đất đai ngày càng trở nên trầm trọng hơn bởi các quy trình phức tạp và tốn kém.

Tại Uganda, phụ nữ là nạn nhân chính của tham nhũng trong các dịch vụ đất đai. Các chuẩn mực xã hội phi chính thức và tập quán địa phương thường loại trừ phụ nữ khỏi quyền sở hữu đất đai. Đặc biệt, điều này cản trở phụ nữ tiếp cận quyền sở hữu đất đai, ảnh hưởng đến việc sử dụng và kiểm soát đất đai của họ, đồng thời ngăn cản phụ nữ hưởng lợi từ các cơ hội kinh tế do việc bảo đảm quyền sở hữu mang lại. Ngoài ra, phụ nữ đặc biệt dễ bị áp lực hối lộ. Họ có thể phải đối mặt với quấy rối tình dục, bạo lực và tống tiền hoặc bị buộc phải

từ bỏ quyền lợi của mình. Tại Uganda, phụ nữ cũng gặp khó khăn trong việc nhận tiền đền bù khi thu hồi đất.

Nền kinh tế phi chính thức

Nền kinh tế phi chính thức, được hiểu là nền kinh tế không bị đánh thuế và không bị giám sát bởi chính phủ, đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển xã hội. Ở Uganda, sự tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế chủ yếu ở khu vực phi chính thức, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại. Khu vực phi chính thức và tham nhũng dường như diễn ra song song và có thể được giải thích bởi các điều kiện giống nhau như sự gia tăng gánh nặng thuế và hệ thống pháp luật không đầy đủ. Tham nhũng cho phép các doanh nghiệp phi chính thức được bảo vệ, ưu tiên nhiều hơn, và do đó, lợi nhuận đạt được cao hơn; các thanh tra thuế tham nhũng được hưởng lợi lớn từ các khu vực phi chính thức.

Các biện pháp giảm thiểu rủi ro tham nhũng

Phương pháp tiếp cận chống tham nhũng dựa trên giới

Tham nhũng không được nam giới và nữ giới nhận thức theo cách giống nhau. Hiểu được những khác biệt đó sẽ giúp xây dựng các cách tiếp cận chống tham nhũng thực tế và hiệu quả hơn. Các hình thức tham nhũng cụ thể ảnh hưởng đến phụ nữ nhiều nhất, như tống tiền, tình dục, cần được công nhận và giải quyết một cách cụ thể. Tại Uganda, những hành động được thực hiện để giảm thiểu tác động của tham nhũng theo giới và thúc đẩy các chính sách giải quyết tham nhũng và bất bình đẳng giới gồm: Thu thập dữ liệu phân tách theo giới, nâng cao nhận thức về tác động khác biệt của tham nhũng, lồng ghép giới vào các chương trình chống tham nhũng, thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào chính trị, nâng cao năng lực và hỗ trợ thể chế của các lãnh đạo nữ, thúc đẩy ngân sách đáp ứng giới, lồng ghép phụ nữ vào lực lượng lao động trong các dịch vụ công...

Tận dụng các chuẩn mực xã hội và ảnh hưởng đến hành vi

Tại Uganda, cách tiếp cận tác động đến các chuẩn mực và hành vi xã hội thông qua việc thúc đẩy các giá trị và sự liêm chính đã ngày càng đánh thức sự quan tâm của các nhà chống tham nhũng và các học giả. Cách tiếp cận này có tầm quan trọng đặc biệt ở các tiểu vùng Tây sông Nile và Karamoja khi xét đến khoảng cách, sự thiếu tin tưởng giữa người dân địa phương và chính quyền quốc gia. Một số cách tác động đến các chuẩn mực và hành vi xã hội tại quốc gia này: (i) Thúc đẩy tính liêm chính và đưa vào chương trình giảng dạy nội dung chống tham nhũng trong các cơ sở công lập cũng như chương trình giảng dạy chính thức tại các trường học hoặc cơ sở giáo dục không chính thức; (ii) Thúc đẩy sự phát triển của xã hội để tạo ra một môi trường không khoan nhượng với tham nhũng, xây dựng các chuẩn mực mới về những hành vi được chấp nhận; (iii) Định hình dư luận thông qua các phương tiện truyền thông. Các phương tiện truyền thông có thể phục vụ theo nhiều cách khác nhau, từ việc cho công chúng thấy những tác động tiêu cực của tham nhũng đến việc cung cấp một nền tảng vững chắc để công dân lên tiếng chống tham nhũng.

Giải quyết tham nhũng trong bối cảnh hậu xung đột

Tại Uganda, một số hoạt động thực tiễn đem lại hiệu quả đối với cuộc chiến chống tham nhũng trong bối cảnh hậu xung đột đó là: Điều chỉnh các biện pháp chống tham nhũng phù hợp với các mô hình tham nhũng và chất lượng lãnh đạo; ủng hộ các thành quả từ cuộc chiến chống tham nhũng và làm cho chúng có thể nhìn thấy được, nhận thức được. Miền Bắc Uganda đã ghi nhận thành công chống tham nhũng đáng kể với các chương trình đào tạo trách nhiệm xã hội và trao quyền cho cộng đồng giám sát các dự án phát triển địa phương, có quyền khiếu nại với các quan chức chính quyền địa phương và trung ương trong trường hợp xảy ra sự việc bất thường.

Do đó, có thể khẳng định, các chương trình tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển của địa phương tại Uganda hứa hẹn đem lại kết quả tích cực nhằm tăng cường hiệu quả chống tham nhũng trong bối cảnh hậu xung đột./.

Theo U4 Anti-Corruption Resource Centre

Đọc thơ xuân Nguyễn Bính

Mưa xuân phơi phới - lại mưa xuân
Nhác thấy hoa đào nhớ cố nhân
Bến nước con đò sao chẳng đợi
Để người "lỗi ước với tình quân"(1)

Rừng mơ ai hái? Mà mơ mãi
Khách hỏi, sao cô chẳng trả lời
"Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng"(2)
Lời thơ còn mãi ở trong tôi.

Khóc một người trinh nữ - người xa lạ
Đâu biết là anh đã khóc mình
Một cánh hoa tàn khi nở rộ
Phũ phàng gió cuốn gãy cành xanh

Đọc lại thơ anh giữa cuộc đời
Rượu xuân cạn chén! Uống cùng tôi
Bao năm khuất bóng, anh còn mãi
Mở cánh thơ rồi... Nguyễn Bính ơi!

Đào Hanh

(1), (2): Thơ Nguyễn Bính